



TẠP CHÍ

Môi trường

ISSN: 2615-9597

Số 1
2020

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn

Chúc Mừng Năm Mới

Xuan
CANH TÝ
2020



HABECO

Sức bật Việt Nam

VỊ BIA LÀM NÊN SẮC TẾT



**CƠ HỘI TRONG
MỖI THÙNG BIA**

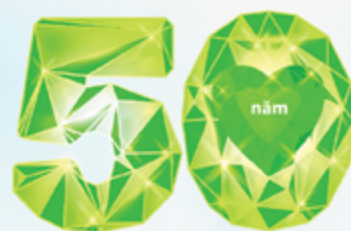
3 GIẢI NHẤT
1 xe Honda CR-V

30 GIẢI NHÌ
1 cây vàng SJC 9999





ĐƯỜNG SẠCH BIÊN HÒA



Ngọt vị yêu thương



**ĐẦU TIÊN TẠI
VIỆT NAM**



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Nguyễn Việt Anh
GS. TS. Đặng Kim Chi
PGS. TS. Nguyễn Thế Chinh
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
PGS. TS. Lê Thu Hoa
GS. TSKH. Đặng Huy Huỳnh
PGS. TS. Phạm Văn Lợi
PGS. TS. Phạm Trung Lương
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
TS. Hoàng Dương Tùng
PGS. TS. Trịnh Văn Tuyền

PHỤ TRÁCH TẠP CHÍ

Nguyễn Văn Thùy
Tel: (024) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2,
phố Dương Đình Nghệ,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Trị sự: (024) 66569135
Biên tập: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn

● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Phòng A 907, Tầng 9 - Khu liên cơ quan
Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9,
quận 3, TP.HCM
Tel: (028) 66814471 - Fax: (028) 62676875
Email: tcmtphianam@vea.gov.vn

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: **Nguyễn Mạnh Tuấn**

Bìa: *Xuân về trên vùng cao*

Ảnh: TTXVN

Chế bản & in:

C.ty CP in và văn hóa truyền thông Hà Nội

Số 1/2020

Giá: 20.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [6] ● Cần hành động quyết liệt, tạo chuyển biến căn bản trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và bảo vệ môi trường
- [7] ● Nâng cao hiệu quả phối hợp trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường
- [8] ● Đất ngập nước là động lực của sự sống - Hãy bảo tồn đất ngập nước



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [9] NGUYỄN VĂN TÀI: Tạo đột phá về chính sách, pháp luật, chủ động trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường
- [12] NGUYỄN HÙNG THỊNH, NGUYỄN TRUNG THUẬN: Giới thiệu Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)
- [15] TẠ ĐÌNH THI: Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam: Tăng cường công tác quản lý rác thải nhựa đại dương vì xu thế phát triển chung toàn cầu
- [18] TRẦN ÁNH DƯƠNG: Ngành Giao thông vận tải: Thúc đẩy các giải pháp bảo vệ môi trường không khí tại các đô thị
- [20] PHẠM MỸ HẠNH: Tăng cường sự phối hợp liên ngành trong công tác quản lý hoạt động nhập khẩu phế liệu
- [23] NGUYỄN TRUNG THẮNG, HOÀNG HỒNG HẠNH...: Một số định hướng Chiến lược về bảo vệ môi trường ở Việt Nam trong thời gian tới
- [25] NGUYỄN KIM TUYẾN, TRẦN THỊ LỆ ANH, NGUYỄN MINH PHƯƠNG: Kết quả triển khai đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy
- [30] ĐÌNH LÝ - VŨ HẢI: Nhìn lại 1 năm thực hiện Cuộc vận động người dân không xả rác ra đường và kênh rạch trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [33] NGUYỄN HẢI HÀ: Ngành Xây dựng đẩy mạnh phát triển các loại vật liệu xây dựng xanh thân thiện với môi trường
- [35] PHÚ HÀ: Đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về rác thải nhựa
- [37] NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG, NGUYỄN HẢI YẾN: Kỹ thuật tốt nhất hiện có (BAT) và kinh nghiệm của một số nước trên thế giới
- [39] HỒ THỊ THANH VÂN: Cần có sự kết nối của nhà khoa học và doanh nghiệp trong việc nghiên cứu và ứng dụng

TRONG SỐ NÀY



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [41] ĐẶNG HUY HUỖNH - PHÙNG QUANG CHÍNH: Bảo tồn cây cổ thụ - Mô hình của dân, do dân, vì dân
- [43] LÊ NGỌC KIM NGÂN - LÊ KHẮC LĨNH: Thực trạng phát sinh chất thải rắn và biện pháp bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Tuy Hòa
- [45] NGUYỄN GIA LONG: Xử lý rác thải sinh hoạt bằng điện rác tại Hưng Yên - Công nghệ bảo vệ môi trường hữu hiệu
- [47] NGUYỄN THẾ: Giảm thiểu rác thải nhựa trên các dòng sông, cửa sông ven biển bằng phương pháp tiếp cận tổng hợp quản lý từ nguồn



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [49] TẠ BẢO LONG: Tetra Pak - “Cánh chim đầu đàn” trong thu gom, tái chế bao bì tại Việt Nam
- [51] PHẠM HỒNG DƯƠNG: Nestlé Việt Nam hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [55] TRỊNH VIỆT TY: Phát huy các giá trị đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng
- [57] TRẦN GIỎI - NGUYỄN VĂN HIẾU: Tăng cường công tác quản lý kết hợp bảo tồn và phát triển bền vững rừng ngập mặn Hòn Hèo
- [59] LÊ THỊ NGỌC: Cẩn bảo tồn và nhân rộng giống chè Tuyết Shan cổ thụ ở huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [61] NGUYỄN THỊ HỒNG - GIA LINH: Cộng hòa Liên bang Đức: Thực hiện hiệu quả các giải pháp về phát triển năng lượng tái tạo, góp phần bảo vệ môi trường
- [63] PHƯƠNG LINH: 10 câu chuyện môi trường thế giới nổi bật năm 2019



MÔI TRƯỜNG & XUÂN

- [66] VŨ LÂN: Nốt “trầm” trong năm 2019 và thông điệp đầu Xuân về môi trường
- [68] TRẦN TRUNG: Ấm tình Xuân nơi biên cương Tổ quốc



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - KIM BÀI

Địa chỉ: Số 40 QL21B, TT. Kim Bài, H. Thanh Oai, TP. Hà Nội
Điện thoại: +84 4 5487 3036 - MST: 0500293795





Cần hành động quyết liệt, tạo chuyển biến căn bản trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và bảo vệ môi trường

Ngày 27/12/2019, tại Hà Nội, Bộ TN&MT tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác năm 2019 và triển khai nhiệm vụ năm 2020 của ngành TN&MT. Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đến dự và phát biểu chỉ đạo.

Với phương châm “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bút phá, hiệu quả”, năm 2019, Bộ TN&MT đã quyết liệt triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra; dự báo sát các xu thế và nhận diện, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh; đổi mới tư duy, hành động, đẩy mạnh hoạt động phối hợp giữa Trung ương với địa phương để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật; tăng cường rà soát, đánh giá thực tiễn, kịp thời trình ban hành các cơ chế, chính sách, góp phần khơi thông nguồn lực tài nguyên, thu hút đầu tư cho tăng trưởng kinh tế, thắt chặt quản lý môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH).

Công tác quản lý, BVMT cũng có nhiều chuyển biến từ trong tư duy quản lý đến hành động, từ hoàn thiện chính sách pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn đến sự giám sát và tham gia của người dân. Các giải pháp quản lý chất thải rắn, giảm thiểu rác thải nhựa được quan tâm thực hiện và nhận được sự hưởng ứng, ủng hộ của các Bộ, ban, ngành, chính quyền địa phương các cấp, sự đồng tình và chủ động tham gia của người dân, doanh nghiệp trên cả nước. Hệ thống quan trắc, giám sát được bổ sung để kiểm soát các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Nhiều giải pháp ứng phó với BĐKH được chú trọng như chuyển đổi quy mô lớn, tăng cường kết nối về hạ tầng phát triển kinh tế, nhằm chuyển hóa thách thức thành cơ hội, phục vụ phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long và các vùng, miền khác trên cả nước.

Năm 2020 được Chính phủ xem là năm “về đích” hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, môi trường của giai đoạn 2016 - 2020, tạo nền tảng cho các mục tiêu, tầm nhìn dài hạn hơn đến năm 2030. Vì vậy, theo Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà, để góp phần thực hiện thành công các chủ trương lớn của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, ngành TN&MT sẽ tiếp tục



▲ Toàn cảnh Hội nghị tổng kết công tác năm 2019 và triển khai nhiệm vụ năm 2020 của ngành TN&MT

cố gắng, có thêm nhiều đột phá từ thể chế, chính sách, pháp luật đến chiến lược, quy hoạch, tổ chức triển khai thực hiện, nhằm thay đổi cách thức tăng trưởng và mô hình phát triển, phát huy một cách bền vững nguồn lực tài nguyên; chủ động chuyển hóa các nguy cơ về suy thoái, suy giảm tài nguyên, ô nhiễm môi trường, tác động của BĐKH. Đồng thời, thực hiện tốt các cam kết đóng góp của Việt Nam về BVMT, giải quyết ô nhiễm rác thải nhựa đại dương, ứng phó với BĐKH; tận dụng tốt những cơ hội từ xu thế toàn cầu về khoa học, công nghệ, nhằm nâng cao sức cạnh tranh của cả nền kinh tế và các doanh nghiệp Việt Nam trên trường quốc tế trong bối cảnh mới...

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đánh giá cao và biểu dương tập thể lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động ngành TN&MT nói chung, Bộ TN&MT nói riêng đã đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó

khăn, hoàn thành nhiệm vụ, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thống nhất với phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2020 của Bộ TN&MT, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng đề nghị toàn ngành tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm:

Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, đảm bảo phù hợp với thể chế kinh tế thị trường để khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực cho phát triển, trọng tâm là sửa đổi chính sách, pháp luật về đất đai; sửa đổi, bổ sung Luật BVMT phù hợp với yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đưa môi trường cùng với kinh tế, xã hội là 3 trụ cột trung tâm của phát triển. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật; tăng cường công tác tiếp dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo từ cấp cơ sở, không để phát sinh thành các điểm nóng;



Tiến hành kiểm kê, đánh giá hiện trạng tài nguyên nước, đổi mới quản trị tài nguyên nước quốc gia; sớm hoàn thành việc lập Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia và các lưu vực sông liên tỉnh; chủ động tham mưu chủ trương, đối sách của Việt Nam trong các vấn đề xuyên biên giới...;

Cần hành động quyết liệt để tạo chuyển biến căn bản trong công tác quản lý, BVMT, trước hết là hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tăng cường trách nhiệm BVMT của nhà sản xuất, người gây ô nhiễm; rà soát các quy trình, quy chế ứng phó sự cố môi trường để sửa đổi, bổ sung, đảm bảo khắc phục nhanh, hiệu quả khi có sự cố; thiết lập cơ chế sàng lọc dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, phòng ngừa, giảm thiểu, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm; tập trung xử lý cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và tiến hành di dời những cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm ra khỏi khu đô thị, khu dân cư; tuyên truyền, giáo dục, xây dựng ý thức BVMT trở thành nếp sống, văn hóa trong toàn xã hội...



▲ Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng cùng lãnh đạo các Bộ, ban ngành ấn nút ra mắt Mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia

Tại Hội nghị, Bộ TN&MT ra mắt Mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia (VNGFONET), nhằm nâng cao chất lượng xác định vị trí, tọa độ, đáp ứng yêu cầu hiện

đại hóa hạ tầng đo đạc và bản đồ cơ bản; cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh■

THU HẰNG

Nâng cao hiệu quả phối hợp trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường



▲ Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và Chủ tịch VUSTA Đặng Vũ Minh ký kết Chương trình phối hợp giai đoạn 2020 - 2025

Ngày 9/1/2020, tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và Chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) Đặng Vũ Minh đã ký kết Chương trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực TN&MT giai đoạn 2020 - 2025.

Phát biểu tại Lễ ký kết, Bộ trưởng Trần Hồng Hà cho biết, sự phối hợp giữa Bộ TN&MT

và VUSTA trong thực hiện hiệu quả Nghị quyết liên tịch số 01/2004/NQLT-LHH-BTNMT đã góp phần thúc đẩy sự nghiệp BVMT, vì sự phát triển bền vững của đất nước. Bộ trưởng chia sẻ, trong thời gian tới, ngành TN&MT sẽ tiến hành một cuộc cách mạng khoa học và công nghệ (KH&CN) toàn diện và cần có sự hợp tác, đồng hành của đội ngũ các nhà khoa học, chuyên gia. Vì vậy, Bộ TN&MT mong muốn, Chương trình phối hợp giai đoạn 2020 - 2025 giữa hai bên sẽ tiếp tục phát huy sức mạnh của đội ngũ trí thức KH&CN trong sự nghiệp phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ đất nước. Đặc biệt, Bộ TN&MT mong nhận được các ý kiến đề

xuất, phản biện của VUSTA để giúp Bộ tham mưu cho Đảng, Chính phủ giải quyết một cách căn cơ các thách thức đối với lĩnh vực TN&MT trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Theo đó, Chương trình phối hợp giai đoạn 2020 - 2025 giữa hai bên sẽ tập trung vào 4 nội dung chính: Xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật về TN&MT; Thực thi cơ chế, chính sách, pháp luật về TN&MT; Tăng cường nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế; Đẩy mạnh truyền thông, phổ biến kiến thức, giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng về KH&CN trong lĩnh vực TN&MT, ứng phó với biến đổi khí hậu...■

BẢO BÌNH

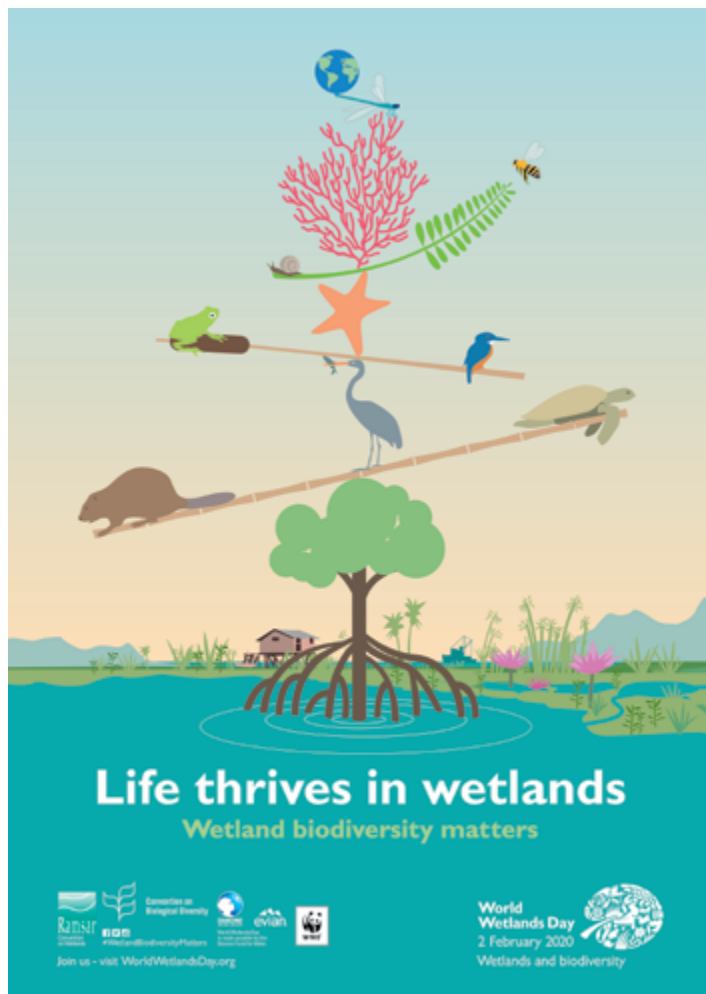


Đất ngập nước là động lực của sự sống - Hãy bảo tồn đất ngập nước

Nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò và giá trị của các vùng đất ngập nước (ĐNN) trên thế giới, Ban Thư ký Công ước Ramsar đã yêu cầu các quốc gia hưởng ứng, tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày ĐNN thế giới năm 2020 với chủ đề “ĐNN là động lực của sự sống - Hãy bảo tồn ĐNN”.

Để hưởng ứng yêu cầu của Ban Thư ký Công ước Ramsar và huy động sự tham gia của toàn xã hội trong bảo tồn, sử dụng bền vững các vùng ĐNN, Bộ TN&MT đã có Công văn đề nghị các cơ quan tổ chức phổ biến, tuyên truyền về tầm quan trọng của các vùng ĐNN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, môi trường, văn hóa và kêu gọi cộng đồng cùng cam kết bảo tồn, sử dụng bền vững các vùng ĐNN; Tổ chức các cuộc thi, triển lãm hoặc phát động phong trào bảo tồn ĐNN với nội dung BVMT và đa dạng sinh học (ĐDSH) vùng ĐNN; phục hồi các vùng ĐNN bị suy thoái; bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên vùng ĐNN; Lồng ghép nội dung về bảo tồn và sử dụng bền vững, các vùng ĐNN có tầm quan trọng đối với môi trường, kinh tế và văn hóa xã hội vào quy hoạch tỉnh, kế hoạch phát triển của ngành, địa phương.

Các vùng ĐNN có vai trò quan trọng đối với sự sống, là cái nôi của ĐDSH; cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng cho sự phát triển thịnh vượng của mỗi quốc gia, bao gồm các nguồn lợi thủy sản và nông nghiệp, hấp thụ, dự trữ, điều tiết nước, khí hậu, hạn chế lũ lụt, là nơi lắng đọng phù sa, hình thành đất và tham gia tích cực trong vòng tuần hoàn chất dinh dưỡng của hệ sinh thái toàn cầu. Các vùng ĐNN còn là nơi diễn ra những hoạt động văn hóa, tín ngưỡng; nơi nghỉ dưỡng, giải trí và đóng góp đáng kể trong sự phát triển của ngành du lịch. Đến nay, các vùng ĐNN cung cấp sinh kế cho hơn 1 tỷ người trên thế giới; ĐDSH vùng ĐNN góp phần làm sạch nguồn nước, chất ô nhiễm; bảo vệ, giảm thiểu tác động của bão, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng ngập mặn, rạn san hô là tấm chắn bảo vệ vùng ven biển; các vùng đất than bùn chứa đựng



30% lượng các bon ở mặt đất và 40% các loài sinh vật trên Trái đất sinh sống, sinh sản ở các vùng ĐNN.

Việt Nam là thành viên của Công ước về các vùng ĐNN có tầm quan trọng quốc tế (Công ước Ramsar) từ năm 1989 với cam kết về bảo tồn, sử dụng khôn khéo các vùng ĐNN. Hiện nay, Công ước Ramsar có 171 quốc gia thành viên với 2.375 vùng ĐNN được công nhận có tầm quan trọng quốc tế

(khu Ramsar), trong đó Việt Nam có 9 khu Ramsar là VQG Xuân Thủy, tỉnh Nam Định; vùng ngập nước Bàu Sấu - VQG Cát Tiên, tỉnh Đồng Nai; VQG Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn; VQG Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp; VQG Mũi Cà Mau, tỉnh Cà Mau; VQG Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; VQG U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang; KBTNN ĐNN Láng Sen, tỉnh Long An và KBTNN ĐNN Vàm Long, tỉnh Ninh Bình■

NAM VIỆT



Tạo đột phá về chính sách, pháp luật, chủ động trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường

TS. NGUYỄN VĂN TÀI

Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường

Với quyết tâm chuyển từ bị động sang chủ động, bám sát phương châm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ là “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bút phá, hiệu quả” và Chương trình công tác của Chính phủ, của Bộ TN&MT giao, trong năm 2019, công tác quản lý, BVMT đã có những chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động. Cùng với những thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, lĩnh vực môi trường cũng đã đạt nhiều kết quả tích cực, đó là:

Quan điểm không đánh đổi môi trường để lấy tăng trưởng kinh tế được quán triệt, triển khai thực hiện. Nhiều địa phương như Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Thái Bình, Thừa Thiên - Huế... đã kiên quyết không tiếp nhận các dự án công nghệ lạc hậu, đặt ở những vị trí nhạy cảm về môi trường, chú trọng thu hút các dự án đầu tư sử dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, cải thiện chất lượng tăng trưởng. Đã xuất hiện nhiều mô hình đô thị, nông thôn, khu công nghiệp (KCN), làng nghề, cơ sở sản xuất sinh thái, thân thiện với môi trường; các mô hình tái chế rác thải sinh hoạt đang được triển khai tại Hà Nội, Bắc Ninh, Hậu Giang, Đà Nẵng, Quảng Bình, Cần Thơ, Bình Dương.... Nền kinh tế có bước phát triển bền vững hơn, thân thiện hơn với môi trường.

Công tác quản lý môi trường đã được chuyển từ bị động sang chủ động phòng ngừa, kiểm soát có trọng tâm, trọng điểm, đã kiểm chế được mức độ gia tăng ô nhiễm, không để phát sinh các sự cố ÔNMT nghiêm trọng. Các dự án, cơ sở sản xuất lớn như dự án Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh, Nhà máy Giấy

Lee&Man Việt Nam, Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhà máy Alumin Nhân Cơ, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Công ty Cổ phần thép Hòa Phát - Dung Quất, một số nhà máy nhiệt điện... được kiểm soát, giám sát chặt chẽ về môi trường, hoạt động an toàn, có đóng góp cho tăng trưởng.

Nhiều chỉ tiêu về môi trường đã có chuyển biến tích cực, đạt mục tiêu đề ra trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tỷ lệ KCN, KCX đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đạt 89% (tăng 1%, tương ứng với 16 KCN so với năm 2018, đạt chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội); tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom đạt 13% (tăng 1% so với năm 2018); tỷ lệ chất thải rắn (CTR) được thu gom đạt 86,5% (tăng 0,5% so với năm 2018). Trong năm 2019, có thêm 4 Vườn quốc gia (VQG) được Ban Thư ký Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) công nhận là Vườn di sản ASEAN, gồm VQG Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh; VQG Bidoup Núi Bà, tỉnh Lâm Đồng; VQG Lò Gò - Xa Mát, tỉnh Tây Ninh và Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, tỉnh Kon Tum. Qua đó, đưa nước ta

trở thành quốc gia có nhiều nhất Vườn di sản của khu vực ASEAN với tổng số 10 Vườn đến thời điểm hiện nay, góp phần quan trọng đối với công tác bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên, giá trị đa dạng sinh học (ĐDSH), du lịch, văn hóa, lịch sử của Việt Nam.

Phong trào chống rác thải nhựa, sản phẩm nhựa sử dụng một lần đã tạo được sức lan tỏa rộng rãi, nhận được sự hưởng ứng, vào cuộc của cả hệ thống chính trị, xã hội, doanh nghiệp và người dân, thông qua đó đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của toàn xã hội trong giảm thiểu rác thải nhựa.

Mặc dù vậy, trong năm 2019, vấn đề môi trường vẫn còn một số tồn tại, hạn chế và những thách thức cần phải vượt qua, cụ thể:

Một số sự cố liên quan đến môi trường phát sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân. Điển hình như vụ cháy xảy ra tại Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông thuộc quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội gây ÔNMT không khí, môi trường nước; xả thải gây ô nhiễm nguồn nước của Công ty Cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà (Viwasupco) gây khủng hoảng nước sạch nhiều quận, huyện TP. Hà Nội trong nhiều ngày.



▲ Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát (Tây Ninh) được công nhận là Vườn Di sản ASEAN trong năm 2019

Ô nhiễm không khí trong các đô thị lớn diễn biến phức tạp, có xu hướng gia tăng tại một số thời điểm trong ngày và một số ngày trong năm, nhất là khi có sự kết hợp giữa các yếu tố khí tượng, khí hậu, hiện tượng thời tiết sương mù với sự gia tăng các nguồn phát thải ô nhiễm không khí. Chỉ số chất lượng không khí (AQI) có thời điểm vượt ngưỡng an toàn, nguy hại tới sức khỏe người dân, nhất là bụi mịn $PM_{2.5}$.

Nước thải đô thị phát sinh ngày càng lớn, hạ tầng thu gom, xử lý chưa đáp ứng yêu cầu, hầu hết chưa qua xử lý, xả ra môi trường gây ô nhiễm nguồn nước mặt trong các đô thị, khu dân cư.

Lượng CTR phát sinh tiếp tục gia tăng, hầu hết rác thải chưa được phân loại tại nguồn, năng lực thu gom còn nhiều hạn chế; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được tái sử dụng, tái chế còn thấp; thu gom và xử lý chất thải nguy hại còn bất cập về hạ tầng kỹ thuật và công nghệ.

Chất lượng và tính ĐDSH của hệ sinh thái rừng tiếp tục suy giảm, việc thành lập mới và mở rộng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên còn chậm, các loài động thực vật hoang dã tiếp tục suy giảm, vẫn còn các nguy cơ từ sinh vật ngoại lai xâm hại và rủi ro từ sinh vật biến đổi gen.

Năm 2020 là năm về đích hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, môi

trường của giai đoạn 2016 - 2020, tạo nền tảng cho các mục tiêu dài hạn hơn đến năm 2030, 2045. Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực đang diễn biến rất nhanh, phức tạp, cạnh tranh ngày càng gay gắt; các nước ngày càng chú trọng hàng rào kỹ thuật về môi trường, cùng với nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn dẫn đến nguy cơ chuyển dịch công nghệ lạc hậu, kém thân thiện với môi trường vào nước ta. Ở trong nước, quy mô nền kinh tế, dân số ngày càng lớn, mức độ công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra nhanh, khai thác tài nguyên, phát sinh các nguồn gây ô nhiễm, chất thải ngày càng lớn dẫn đến áp lực lên môi trường ngày càng cao, ảnh hưởng, tác động xấu đến chất lượng môi trường và ĐDSH; vẫn còn tư tưởng ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư bằng mọi giá, xem nhẹ yêu cầu BVMT, quan điểm không đánh đổi môi

trường lấy phát triển kinh tế chưa được thực hiện triệt để; ý thức, trách nhiệm BVMT, việc thực thi công tác BVMT còn nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao... đang đặt ra những thách thức không nhỏ đối với công tác quản lý, BVMT ở nước ta trong thời gian tới.

Để thực hiện thành công mục tiêu năm 2020 và các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, vượt qua thách thức, tạo nền tảng cho công tác quản lý và BVMT giai đoạn 5 năm tiếp theo, cần tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Một là, tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp lý về BVMT đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cho giai đoạn 2021- 2030 với 03 nội dung chính là:

- Sửa đổi, bổ sung Luật BVMT để thể chế hóa đầy đủ, kịp thời quan điểm của Đảng về BVMT, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đưa môi



trường cùng với kinh tế, xã hội là ba trụ cột trung tâm của phát triển, đưa công tác BVMT sang giai đoạn mới. Các nhóm chính sách lớn được định hình trong dự án Luật là: Phân luồng, phân nhóm các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất theo mức độ tác động đến môi trường để có biện pháp quản lý môi trường phù hợp; phân vùng môi trường và cơ chế sàng lọc các dự án đầu tư dựa trên các tiêu chí môi trường; cơ chế quản lý môi trường theo các giai đoạn của vòng đời dự án; liên thông, tích hợp các loại giấy phép, chứng nhận, công nhận về môi trường theo hướng 01 dự án, cơ sở sản xuất chỉ có 01 giấy phép về môi trường; xác định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về môi trường của nhà nước và quản trị môi trường của chủ đầu tư, doanh nghiệp; quy định về quản lý CTR theo hướng phù hợp với tình hình phát sinh và bối cảnh kinh tế - xã hội; tăng cường sử dụng công cụ kinh tế, cơ chế tài chính trong quản lý môi trường...

- Thực hiện 03 nhiệm vụ lập quy hoạch về BVMT quốc gia, bảo tồn ĐDSH quốc gia, quan trắc môi trường quốc gia với 04 nội dung chính là phân vùng môi trường, bảo tồn thiên nhiên ĐDSH, quy hoạch khu xử lý CTR tập trung, hệ thống quan trắc môi trường nhằm định hướng đầu tư, phát triển các ngành kinh tế phù hợp với ngưỡng chịu tải của môi trường, giám sát, cảnh báo chất lượng môi trường.

- Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường theo hướng rà soát, bổ sung hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường của Việt Nam phù hợp chuẩn mực khu vực và quốc tế; xây dựng lộ trình áp dụng để thiết lập hàng rào kỹ thuật ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm môi trường, dịch chuyển công nghệ lạc hậu vào Việt Nam.

Hai là, tập trung phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương giải quyết các vấn đề ÔNMT lớn, phức tạp, nhạy cảm, gắn với số đông dân cư, nhận được sự quan tâm của toàn xã hội, đó là ô nhiễm không khí trong các đô thị, khu dân cư; rác thải sinh hoạt, rác thải nhựa; ô nhiễm nguồn nước mặt trong các khu đô thị, khu dân cư, các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời đẩy nhanh tiến độ di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp với

quy hoạch ra khỏi khu vực đô thị và khu dân cư.

Ba là, chủ động phòng ngừa, giám sát, kiểm soát các dự án, nguồn thải có nguy cơ gây ÔNMT cao: Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các Tổ giám sát về môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất lớn đã được thành lập; huy động sự vào cuộc của tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc rà soát, kiểm soát chặt chẽ các dự án, cơ sở có nguồn thải thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ÔNMT thuộc phạm vi quản lý nhằm nắm bắt, kiểm soát các dự án, nguồn thải có nguy cơ gây ÔNMT cao trên phạm vi cả nước, bảo đảm các dự án, cơ sở vận hành an toàn về môi trường, không để xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng.

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về môi trường theo hướng thực hiện đơn giản hoá về điều kiện và cách thức thực hiện, bãi bỏ các thủ tục hành chính không thực sự cần thiết cho công tác quản lý môi trường; lồng ghép, tích hợp việc thẩm định các thủ tục hành chính liên quan trong lĩnh vực BVMT; tổ chức thực hiện thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, bảo đảm chất lượng, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp.

Năm là, phối hợp tốt với các Bộ, ngành, địa phương để ứng phó, xử lý kịp thời, hiệu quả đối với các vụ việc, sự cố liên quan đến môi trường phát sinh; kiện toàn và vận hành hiệu

quả đường dây nóng về ÔNMT từ Trung ương đến cấp quận/huyện trên phạm vi cả nước nhằm giải quyết những vấn đề ÔNMT ngay từ cơ sở, địa bàn cụ thể, tạo niềm tin trong nhân dân đối với công tác quản lý nhà nước về BVMT.

Sáu là, kết thúc quá trình tranh tra 3 năm theo hình thức cuốn chiếu, xoay vòng đối với các cơ sở thuộc 17 loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ÔNMT và vi phạm pháp luật về BVMT để tổng hợp, đánh giá chung về mức độ vi phạm, mức độ đáp ứng yêu cầu pháp luật của các đối tượng này trong thời gian qua, để ra định hướng công tác thanh tra, kiểm tra, nâng cao hiệu quả, hiệu lực thực thi pháp luật về BVMT của giai đoạn tiếp theo.

Bảy là, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về BVMT; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội, của cộng đồng trong công tác BVMT. Thực hiện Chương trình truyền thông mạnh mẽ để tạo thành phong trào rộng lớn trong toàn xã hội tham gia BVMT, nhất là trong phân loại rác thải tại nguồn, hạn chế sử dụng nhựa, túi nilon khó phân hủy, sử dụng một lần. Phát hiện, nêu gương, tạo được phong trào, nhân rộng các điển hình, khu vực, mô hình, cách làm hay, tốt về môi trường; thúc đẩy các nhân tố tích cực, điểm sáng, khu vực, địa bàn, lĩnh vực điển hình về BVMT nhằm tạo sự lan tỏa tích cực, thúc đẩy hoạt động BVMT trong toàn xã hội■



Giới thiệu Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)

NGUYỄN HÙNG THỊNH - Phó Tổng cục trưởng
NGUYỄN TRUNG THUẬN

Tổng cục Môi trường

Luật BVMT năm 2014 được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 7. Sau gần 5 năm triển khai thực hiện, Luật đã góp phần tạo chuyển biến tích cực trong công tác BVMT. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Luật đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, chưa điều chỉnh kịp thời với những thách thức mới đặt ra đối với công tác BVMT. Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Luật BVMT để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, giải quyết những vấn đề đặt ra của giai đoạn mới.

1. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI LUẬT BVMT

Trong những năm qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, các hoạt động công nghiệp, giao thông, xây dựng... đã tạo nhiều áp lực đối với môi trường. Lượng chất thải, nước thải đô thị phát sinh ngày càng lớn, hầu hết chưa qua xử lý, xả ra môi trường gây ô nhiễm nguồn nước mặt. Ô nhiễm, suy thoái đất tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi, nhất là ô nhiễm đất do dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật. Ô nhiễm môi trường (ÔNMT) không khí đang ngày càng trở nên nghiêm trọng, đặc biệt tại các TP lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. Chất lượng và tính đa dạng sinh học (ĐDSH) của hệ sinh thái rừng tiếp tục suy giảm; việc thành lập mới và mở rộng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên còn chậm; các loài động thực vật hoang dã tiếp tục suy giảm; vẫn còn các nguy cơ từ sinh vật ngoại lai xâm hại và rủi ro từ sinh vật biến đổi gen.

Qua gần 5 năm triển khai thực hiện, Luật BVMT năm 2014 đã bộc lộ những vướng mắc, bất cập, chồng chéo với một số hệ thống pháp luật khác. Cơ chế, chính sách BVMT chưa phù hợp và đồng bộ với thể chế kinh tế thị trường. Các thủ tục hành chính về môi trường còn có sự phân tán, thiếu liên thông, tích hợp. Một số vấn đề mới phát sinh chưa có hành lang pháp lý để điều chỉnh như sự cố ô nhiễm, suy thoái môi trường, cơ chế, các tiêu chí sàng lọc, phân loại, phân luồng các dự án đầu tư theo mức độ rủi ro về môi trường; cơ chế kiểm soát đặc thù đối với các đối tượng có nguy cơ cao gây ô nhiễm, sự cố môi trường. Nội dung, trách nhiệm, phân công, phân cấp quản lý nhà nước về BVMT chưa hợp lý...

Bên cạnh đó, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang và sẽ tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế - xã hội, tạo ra xu thế



▲ Hội thảo tham vấn Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) khu vực phía Bắc ngày 10/1/2020

mới trong quản lý môi trường và phát triển bền vững, trong đó việc xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh đang trở thành xu thế chủ đạo trên phạm vi toàn cầu. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tác động mạnh mẽ đến kinh tế, xã hội, sản xuất, thay đổi nền tảng quản lý môi trường dựa trên các công nghệ mới. Công nghệ mới tiết kiệm năng lượng, vật liệu mới thân thiện với môi trường, việc áp dụng các kỹ thuật tốt nhất hiện có... sẽ thúc đẩy nhanh việc chuyển dịch từ mô hình kinh tế tuyến tính phát thải lớn sang các mô hình kinh tế các bon thấp, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trong bối cảnh gia tăng nhanh dân số, sức ép của tăng trưởng, nhu cầu tiêu thụ các loại nhiên liệu và năng lượng làm gia tăng khai thác tài nguyên thiên nhiên, gây ÔNMT và biến đổi khí hậu (ĐCKH).

Dự thảo Luật (sửa đổi) được xây dựng trên quan điểm: Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời quan điểm của Đảng và Nhà nước, phù hợp với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn. Môi trường phải được coi là một trong ba trụ cột trung tâm của phát triển; Tiếp thu có chọn lọc các mô

hình quản lý môi trường thành công của một số nước phù hợp với điều kiện của Việt Nam; chuyển đổi phương thức quản lý môi trường nặng về mệnh lệnh - hành chính - xin cho sang phương thức quản lý mới, tiếp cận cơ chế thị trường, đặc biệt trong công tác quản lý chất thải, thu hồi sản phẩm thải bỏ để tăng cường thu hồi, tái chế, tái sử dụng các phế liệu, nguyên liệu từ chất thải; Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch trong công tác BVMT, trong đó thực hiện việc rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, đơn giản hóa thành phần hồ sơ thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng cơ sở dữ liệu điện tử về môi trường; Tăng cường thống nhất quản lý nhà nước về BVMT, phát huy vai trò trung tâm của người dân, doanh nghiệp cùng với sự tham gia quản lý của các Bộ, ngành, địa phương; đẩy mạnh xã hội hóa công tác BVMT; Chú trọng phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường theo hướng chủ động, có trọng tâm, trọng điểm dựa trên việc phân nhóm, phân loại theo mức độ rủi ro, tính đặc thù của các vấn đề môi trường; kết hợp quản lý ngay trong quá trình với quản lý "cuối đường ống".



2. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI TRONG DỰ THẢO LUẬT BVMT (SỬA ĐỔI)

Từ thực tiễn thi hành Luật BVMT và tiếp tục thể chế hóa chủ trương, quan điểm mới của Đảng và Nhà nước về công tác BVMT, Luật BVMT (sửa đổi) cần đáp ứng các yêu cầu đặt ra như: Đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các luật có liên quan và hệ thống quy định pháp luật về BVMT; kế thừa phát huy những quy định phù hợp của Luật hiện hành; khắc phục những hạn chế, bất cập trong công tác BVMT; xử lý những khó khăn, vướng mắc của các Bộ, ngành; Nội dung quy định của Luật phải có tính khả thi, dài hạn; phù hợp với các điều ước và thông lệ quốc tế.

Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) được xây dựng có 17 chương, 177 điều (tăng 7 điều so với Luật BVMT năm 2014); trong đó giữ nguyên 30 Điều; bãi bỏ, lồng ghép nội dung vào các điều khác đối với 47 Điều; sửa đổi, bổ sung 78 Điều; bổ sung mới 57 Điều.

Theo đó, một số nội dung được sửa đổi, bổ sung như: Chiến lược BVMT quốc gia; Quy hoạch BVMT; đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), đánh giá tác động môi trường (ĐTM); Giấy phép môi trường; quản lý cảnh quan thiên nhiên và BVMT trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; ứng phó với BĐKH; quản lý chất thải; quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất lượng môi trường; quan trắc, thông tin, cơ sở dữ liệu và báo cáo môi trường; sự cố ÔNMT; công cụ kinh tế, nguồn lực cho BVMT; trách nhiệm BVMT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đô thị, khu dân cư; nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước về BVMT, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân; hội nhập, hợp tác quốc tế về BVMT; thanh tra, kiểm tra; bồi thường thiệt hại về môi trường.

Chiến lược BVMT quốc gia: Năm 1991, lần đầu tiên Chính phủ thông qua bản Kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững giai đoạn 1991 - 2010, bản kế hoạch có tính chất như một chiến lược đầu tiên về BVMT. Năm 2003, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục phê duyệt Chiến lược BVMT quốc gia năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và năm 2012 phê duyệt Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 5/9/2012). Tuy nhiên, Chiến lược BVMT quốc gia chưa được pháp lý hóa để khẳng định tính chất, vai trò và vị trí pháp lý trong các văn bản luật.

Dự thảo Luật bổ sung quy định về Chiến lược BVMT quốc gia; trong đó quy định các nội dung của chiến lược; thời kỳ của chiến lược là 10 năm và tầm nhìn từ 30 đến 50 năm (phù hợp với thời kỳ của quy hoạch BVMT theo quy định của Luật

Quy hoạch); trách nhiệm của Bộ TN&MT trong xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược BVMT.

Quy hoạch BVMT: Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định về quy hoạch BVMT để bảo đảm thống nhất đồng bộ với pháp luật về quy hoạch và yêu cầu BVMT, trong đó quy định rõ nội dung chính của quy hoạch BVMT quốc gia, nội dung BVMT trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Quy định về phân vùng môi trường là một nội dung của quy hoạch BVMT với 3 mức độ phân vùng môi trường: bảo vệ nghiêm ngặt; hạn chế tác động và vùng còn lại để làm căn cứ quyết định cho phép các dự án phát triển.

ĐMC: Thu hẹp đối tượng phải thực hiện ĐMC so với Luật BVMT 2014, theo đó các chiến lược, kế hoạch không phải thực hiện ĐMC. Dự thảo Luật quy định danh mục cụ thể các quy hoạch theo quy định trong Luật Quy hoạch phải thực hiện ĐMC (Luật BVMT năm 2014 giao Chính phủ quy định); Quy định thẩm quyền thẩm định ĐMC của Bộ TN&MT và Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với quy hoạch thuộc bí mật quốc phòng, an ninh phù hợp với pháp luật về quy hoạch; không quy định thẩm quyền của các Bộ, cơ quan ngang Bộ khác; Bổ sung quy định cụ thể về nội dung thẩm định, thời hạn thẩm định báo cáo ĐMC.

ĐTM: Bổ sung quy định về đánh giá sơ bộ ĐTM để bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công. Quy định đối tượng phải thực hiện ĐTM bảo đảm thống nhất với dự án đầu tư, đầu tư xây dựng theo tiêu chí phân loại của Luật Đầu tư công. Chỉ các dự án đầu tư xây dựng mới có công trình xử lý chất thải và các dự án khác có nguy cơ tác động xấu

đến môi trường mới phải thực hiện báo cáo ĐTM. Các dự án khác không thuộc quy định nêu trên và dự án áp dụng kỹ thuật tốt nhất hiện có không phải thực hiện ĐTM. Các đối tượng phải thực hiện ĐTM được phân thành 2 nhóm: Có tác động xấu đến môi trường, có nguy cơ gây ÔNMT; Ít có tác động xấu, nguy cơ gây ÔNMT để đưa ra các công cụ quản lý phù hợp.

Bổ kế hoạch BVMT đối với các dự án ít có nguy cơ gây ÔNMT và thay vào đó là “hậu kiểm” bằng giấy phép môi trường. Bộ thủ tục phê duyệt báo cáo ĐTM và sửa đổi việc thẩm định báo cáo ĐTM theo hướng báo cáo ĐTM do chủ dự án lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Cơ quan thẩm định chỉ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.

Giấy phép môi trường: Dự thảo Luật hợp nhất, tích hợp 7 loại giấy phép về môi trường và xả nước thải vào nguồn nước hiện có thành giấy phép môi trường nhằm giảm thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả thực hiện, bao gồm: giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT; giấy xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu; giấy phép xử lý chất thải nguy hại; sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; giấy phép xả khí thải; xác nhận kế hoạch BVMT; tích hợp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

Quản lý cảnh quan thiên nhiên và BVMT trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên: Bổ sung quy định về cảnh quan thiên nhiên quan trọng; đánh giá tác động đa dạng sinh học (ĐDSH); bồi hoàn ĐDSH, theo đó chủ dự án đầu tư phải đánh giá những tác động sẽ làm suy giảm ĐDSH trong quá trình ĐTM của dự án đến các cảnh quan thiên nhiên quan trọng, có trách nhiệm thực hiện bồi hoàn



ĐDSH để bồi thường tổn thất ĐDSH do dự án gây ra thông qua việc chi trả bằng tiền hoặc thông qua việc lập và triển khai hoạt động nhằm bảo tồn ĐDSH.

Cơ sở kinh doanh, dịch vụ khai thác cảnh quan thiên nhiên quan trọng theo quy định của Luật vào mục đích thương mại, du lịch phải nộp “phí hưởng lợi môi trường” vào ngân sách địa phương với các mức phí khác nhau tùy mức độ quan trọng theo quy định của Luật.

Ứng phó với BĐKH: Quy định về ứng phó với BĐKH phải gắn với phát triển bền vững, tăng cường khả năng chống chịu của tự nhiên và xã hội, hướng tới nền kinh tế các bon thấp và tận dụng các cơ hội do BĐKH mang lại. Bổ sung quy định về thích ứng với BĐKH, trong đó có yêu cầu đánh giá tác động, tình trạng dễ bị tổn thương và rủi ro do BĐKH đối với các đối tượng người dân, các lĩnh vực và các khu vực dựa trên cơ sở kịch bản BĐKH và dự báo phát triển kinh tế - xã hội; triển khai các hoạt động ưu tiên thích ứng, tăng cường khả năng chống chịu đối với BĐKH, giảm nhẹ rủi ro do BĐKH, đảm bảo an sinh xã hội, ứng phó với nước biển dâng và ngập lụt đô thị.

Bổ sung các nội dung mới về thích ứng với BĐKH; quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về BĐKH; xây dựng báo cáo quốc gia về BĐKH phải trình Quốc hội 2 năm một lần; quy định về nghĩa vụ quốc gia về BĐKH và bảo vệ tầng ôzôn.

Quản lý chất thải: Xem chất thải là tài nguyên. Chất thải đã được phân định, phân loại sử dụng cho quá trình sản xuất khác thì không coi là chất thải nhằm thúc đẩy tuần hoàn, tái chế, tái sử dụng chất thải; quy định trách nhiệm của các Bộ trong hợp chuẩn, hợp quy việc sử dụng chất thải làm nguyên liệu sản xuất. Quy định rõ chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân phát sinh chất thải rắn thông thường có trách nhiệm phân loại chất thải rắn thông thường tại nguồn để thuận lợi cho việc tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý.

Đối với chất thải nguy hại (CTNH), chuyển chất thải phóng xạ sang phạm vi quản lý của Luật Năng lượng nguyên tử; lồng ghép việc khai báo, đăng ký chủ nguồn thải trong nội dung giấy phép môi trường; không cấp phép phương tiện vận chuyển; khuyến khích áp dụng BAT/BEP trong xử lý chất thải; hướng đến xử lý tập trung theo vùng, khu vực hoặc tỉnh; quy định rõ trường hợp tự xử lý, đồng xử lý; lồng ghép giấy phép xử lý CTNH trong giấy phép môi trường. Dự thảo Luật cũng bổ sung quy định việc quản lý CTNH phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân (pin, bóng đèn huỳnh

quang thải, ắc quy chì thải...) được quản lý như đối với chất thải rắn có khả năng tái chế đối với chất thải thông thường. Việc vận chuyển chất thải nguy hại đến cơ sở xử lý được thực hiện bởi các chủ nguồn thải hoặc các tổ chức có giấy phép môi trường phù hợp với loại chất thải cần xử lý.

Về chất thải rắn sinh hoạt, Dự thảo Luật tiếp cận theo hướng quản lý chất thải theo đối tượng phát sinh, đó là: Hộ gia đình, cá nhân và từ hoạt động của cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ. Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân tại ở các đô thị đặc biệt, loại một và loại hai, Dự thảo Luật quy định về nguyên tắc và giao địa phương thực hiện thu phí, giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức bán bao bì lưu chứa chất thải ở các đô thị lớn, qua đó thúc đẩy việc phân loại tại nguồn, giảm lượng phát sinh, thuận lợi cho việc xử lý và hỗ trợ một phần kinh phí cho nhà nước thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý theo kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới.

Quy định rõ trách nhiệm của UBND cấp tỉnh, chủ đầu tư, dự án phát triển đô thị có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn; nước thải từ hộ gia đình và cơ sở kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ ở đô thị và khu dân cư tập trung phải đầu tư, lắp đặt thiết bị xử lý tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật thiết kế xây dựng, đáp ứng yêu cầu BVMT của địa phương trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung.

Quản lý chất lượng môi trường, quan trắc, thông tin về môi trường: Bổ sung quy định lập kế hoạch quản lý chất lượng không khí đối với các tỉnh, thành phố. Kế hoạch quản lý chất lượng không khí là cơ sở để UBND cấp tỉnh đánh giá công tác quản lý, chất lượng môi trường không

khí và công khai thông tin trên địa bàn; trường hợp môi trường không khí bị ô nhiễm thì phải cảnh báo, xử lý kịp thời. Bổ sung trách nhiệm các Bộ: Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quản lý khí thải; trách nhiệm của UBND cấp tỉnh, của người dân trong việc sử dụng nhiên liệu sạch nhằm giảm ô nhiễm không khí.

Quy định thẩm quyền, trách nhiệm quan trắc môi trường xung quanh; quy định rõ thông tin môi trường bao gồm thông tin về chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm... Bổ sung quy định về cơ sở dữ liệu môi trường, trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương trong việc cung cấp, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu môi trường.

Công cụ kinh tế, nguồn lực cho BVMT: Quy định về khuyến khích phát triển năng lượng sạch, tái tạo; khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; nông nghiệp sinh thái; sản xuất và tiêu dùng bền vững; lối sống, hành vi ứng xử thân thiện với môi trường. Bổ sung các quy định về ưu đãi mới đã có các văn bản dưới Luật; phân tách hoạt động BVMT được ưu đãi; bổ sung nhiều hoạt động BVMT được hỗ trợ.

Ngoài ra, Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đã chỉnh sửa, bổ sung, quy định rõ trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng dân cư nhằm thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong công tác BVMT. Bên cạnh đó, nhiều nội dung khác cũng được sửa đổi, bổ sung trong Dự thảo Luật như các quy định về hội nhập, hợp tác quốc tế về BVMT, thanh tra, kiểm tra, bồi thường thiệt hại về môi trường...■



TỔNG CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM:

Tăng cường công tác quản lý rác thải nhựa đại dương vì xu thế phát triển chung toàn cầu



▲ TS. Tạ Đình Thi
- Tổng cục trưởng
Tổng cục Biển và Hải
đảo Việt Nam

Với nỗ lực thực hiện cam kết giải quyết vấn đề ô nhiễm rác thải nhựa, năm qua, hàng loạt hoạt động trong nước và quốc tế được triển khai như ký kết Ý định thư giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) và Ban Thư ký Diễn đàn Kinh tế Thế giới về hợp tác xử lý rác thải nhựa; thành lập Liên minh chống rác thải nhựa... Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ vừa mới ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 4/12/2019. Nhân dịp Xuân Canh Tý năm 2020, Tạp chí Môi trường có cuộc phỏng vấn TS. Tạ Đình Thi - Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam về việc xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động phòng chống rác thải nhựa; từng bước thay đổi nhận thức, hành vi ứng xử với các sản phẩm nhựa tại Việt Nam trong xu thế phát triển chung toàn cầu.

★Thưa ông, vừa qua, Thủ tướng ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030, vậy Tổng cục có hoạt động gì nhằm triển khai Kế hoạch này?

TS. Tạ Đình Thi: Năm 2019, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam được Bộ TN&MT giao nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030. Theo đó, Tổng cục đã hoàn thiện và trình Bộ để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tại Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 4/12/2019.

Tháng 1/2020, Tổng cục sẽ phối hợp với Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) chuẩn bị Hội thảo triển khai Kế hoạch tới các tổ chức quốc tế, các Bộ/ngành, địa phương. Ngoài ra, Tổng cục cũng đang xây dựng kế hoạch cụ thể và khởi động một số hoạt động nhằm triển khai thực hiện Quyết định như phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ TN&MT và các cơ quan, tổ chức có liên quan chuẩn bị nội dung thực hiện cụ thể, xác định rõ các nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, phân công trách nhiệm và lộ trình thích hợp; đề xuất cấp có thẩm quyền phân bổ nguồn vốn và phương án huy động các nguồn lực ngoài ngân sách. Tổng cục sẽ tiếp tục phát huy vai trò

là cơ quan quản lý tổng hợp về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo nhằm thực hiện thành công Quyết định số 1746/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

★Sau gần 4 năm Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đi vào thực tiễn, vậy trong quá trình triển khai Luật có những khó khăn, vướng mắc gì, thưa ông?

TS. Tạ Đình Thi: Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được Quốc hội thông qua từ ngày 25/6/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2016. Để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này, Chính phủ đã ban hành 2 nghị định, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 2 quyết định, Bộ TN&MT đã ban hành 9 Thông tư, Bộ Tài chính đã ban hành 3 Thông tư tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý tổng hợp

tài nguyên, BVMT biển và hải đảo, trong đó có nhiều nguyên tắc, chế định rất mới như: quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo dựa trên tiếp cận hệ sinh thái; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển; thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ; quản lý tài nguyên hải đảo; phân vùng rủi ro, cấp rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; cấp giấy phép nhận chìm ở biển...

Thực hiện Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong thời gian gần 4 năm qua, Bộ TN&MT đã phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển triển khai, bước đầu đã đưa công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, BVMT biển và hải đảo đạt



▲ Toàn cảnh Hội thảo khoa học quốc tế “Ô nhiễm rác thải nhựa trên biển Việt Nam: Thực trạng và giải pháp” do Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam tổ chức

kết quả khá tốt, trong bối cảnh tổ chức, bộ máy đang dần hoàn thiện, kinh phí đầu tư, trang thiết bị và lực lượng còn nhiều hạn chế, thiếu thốn. Tuy nhiên, quá trình triển khai nhiệm vụ, còn một số khó khăn, vướng mắc, bất cập trong công tác quản lý tài nguyên biển, điều tra cơ bản, kiểm soát tài nguyên, BVMT biển và hải đảo, cụ thể như nhận thức và hành động triển khai phương thức quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý theo các nguyên tắc, nội dung của Luật; các công cụ quan trọng của quản lý tổng hợp tài nguyên biển và hải đảo còn thiếu như Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; một số chế định chậm được triển khai như công tác thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, thực hiện quản lý tổng hợp vùng bờ, lập hồ sơ tài nguyên hải đảo; phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; còn chưa có sự phân định ranh giới và quy định cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý hành chính trên biển; công tác phối hợp giữa Bộ, ngành và địa phương còn chưa thống nhất, thiếu gắn kết trong thực hiện nhiệm vụ; năng lực thực hiện và nguồn kinh phí còn chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ... Do đó, năm 2020 và 2021, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam sẽ tham mưu với Bộ TN&MT tiến hành sơ kết 5 năm thực hiện Luật và đề xuất các nội dung sửa đổi nếu thấy cần thiết.

★Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam với vai trò là Chủ tịch ASEAN và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Hội nghị quốc tế về Kinh tế đại dương bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) có ý nghĩa như thế nào đối với nâng cao vai trò, vị thế và tầm ảnh hưởng của Việt Nam trong khu vực và quốc tế, thưa ông?

TS. Tạ Đình Thi: Việc Việt Nam phối hợp với Na Uy thông qua UNDP tổ chức Hội nghị quốc tế về Kinh tế đại dương bền vững và thích ứng với BĐKH ngày 26 - 27/3/2020 tại Đà Nẵng (với sự tham gia của 71 quốc gia và các tổ chức quốc tế) sẽ tạo được tiếng vang và tầm ảnh hưởng trong khu vực và trên trường quốc tế với vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020 và Thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021, cụ thể như:

Triển khai mạnh mẽ đường lối đối ngoại của Đảng theo tinh thần Nghị

quyết Đại hội XII về hội nhập quốc tế sâu rộng; góp phần thực hiện thành công Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 về Chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT; Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT và Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 8/8/2018 của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030.

Thể hiện vai trò chủ động và tích cực, nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực ASEAN và trên thế giới; thể hiện là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, sẵn sàng tham gia vào các nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, thích ứng với BĐKH và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.

Truyền đạt thông điệp đến cộng đồng quốc tế về quyết tâm, nỗ lực và cam kết mạnh mẽ của Việt Nam về phát triển bền vững, đặc biệt trong việc thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về phát triển bền vững kinh tế biển, chống rác thải nhựa đại dương và ứng phó với BĐKH.

Góp phần tăng cường, thúc đẩy hợp tác song



phương và đa phương; tìm kiếm các cơ hội tiếp nhận hỗ trợ tài chính, công nghệ, tăng cường năng lực trong các lĩnh vực: quản trị biển và đại dương, vận tải hàng hải, nuôi trồng thủy hải sản, du lịch biển, xây dựng đô thị thông minh thích ứng với BĐKH và nước biển dâng và các lĩnh vực khác liên quan đến biển, hải đảo và BĐKH.

Tạo dấu ấn về khả năng tổ chức một sự kiện lớn tầm quốc tế thông qua sự mến khách, chu đáo, chuyên nghiệp; quảng bá du lịch, văn hóa, danh lam, thắng cảnh và con người Việt Nam tới bạn bè quốc tế.

★Để công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, BVMT biển và hải đảo đạt hiệu quả, năm 2020 ông có đề xuất, kiến nghị với các cơ quan chức năng?

TS. Tạ Đình Thi: Tiếp tục triển khai hiệu quả Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, khẩn trương đưa Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương 8 Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đi vào cuộc sống. Đồng thời, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và BVMT biển và hải đảo, trong thời gian tới; Nâng cao nhận thức và quyết liệt hành động, tập trung nguồn lực để sớm khắc phục được những khó khăn, vướng mắc, bất cập nêu trên. Trong năm 2020, cùng với việc tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 – 2025, chúng tôi ưu tiên thực hiện một số công việc trọng tâm sau:

Thứ nhất, tập trung triển khai các đề án đã và ngay sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thông qua nhằm triển khai Nghị quyết số 36-NQ/TW, cụ thể: Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW; Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030; Đề án tăng cường năng lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ công tác điều tra cơ bản và quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030; Đề án kiện toàn Cơ quan điều phối chỉ đạo thống nhất thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm

2030; Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030; Lập Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thứ hai, chuẩn bị sơ kết 5 năm thực hiện Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; tổng kết việc thực hiện Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và BVMT biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, để xuất bản hành chung Chiến lược mới cho giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng Nghị định quy định về chuyển nhượng, góp vốn, thế chấp, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển và tài sản gắn liền với khu vực biển được giao để nuôi trồng thủy sản; bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi khu vực biển đã được giao để nuôi trồng thủy sản vì mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh; xây dựng Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị định quản lý hoạt động lấn biển.

Thứ ba, đề xuất ban hành Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đôn đốc, triển khai thực hiện Chương trình trọng điểm và triển khai hiệu quả các dự án điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển đã được cấp kinh phí năm 2020, đề xuất các biện pháp để tăng nguồn vốn bố trí cho một số dự án trọng điểm; rà soát và đề xuất

các giải pháp hoàn thiện cơ sở dữ liệu về biển, đảo, bảo đảm số hóa, tích hợp, chia sẻ và cập nhật. Tập trung hoàn thiện các quy định quản lý và tổ chức thẩm định, trình phê duyệt, bảo đảm chặt chẽ, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động cấp phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển và hoạt động nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của các tổ chức, cá nhân người nước ngoài. Tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch năm 2020 về thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật quản lý tổng hợp tài nguyên và BVMT biển, hải đảo; chủ động nắm bắt thông tin và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động kiểm soát tài nguyên và BVMT biển và hải đảo. Phối hợp hiệu quả với Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Cục Cảnh sát môi trường và các lực lượng khác trên biển, các bộ, ngành, địa phương có liên quan trong hoạt động quản lý.

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế về biển, trọng tâm là tổ chức thành công 3 các sự kiện hợp tác quốc tế năm 2020: Diễn đàn đối thoại chính sách biển Việt Nam - Nhật Bản; Hội nghị quốc tế về kinh tế đại dương bền vững và thích ứng với BĐKH; Hội nghị đặc biệt cấp Bộ trưởng ASEAN về tăng cường điều phối và hợp tác môi trường biển.

★Trân trọng cảm ơn ông.

PHẠM TUYẾN
(Thực hiện)



NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI:

Thúc đẩy các giải pháp bảo vệ môi trường không khí tại các đô thị



▲ Ông Trần Ánh Dương -
Vụ trưởng Vụ Môi trường,
Bộ GTVT

Năm 2019, Việt Nam đăng cai tổ chức “Diễn đàn Liên Chính phủ về GTVT bền vững môi trường khu vực châu Á lần thứ 12 - EST12” (Diễn đàn EST12), với chủ đề “Tiến tới thành phố thông minh và có khả năng thích ứng thông qua hệ thống giao thông vận tải (GTVT) thông minh và cacbon thấp” thể hiện vai trò, trách nhiệm là thành viên của Liên hợp quốc trong nỗ lực chung phát triển GTVT bền vững về môi trường và cũng là cơ hội để Việt Nam khẳng định, nâng cao vai trò, vị thế trong hợp tác GTVT... Nhân dịp Xuân Canh Tý năm 2020, Tạp chí Môi trường có cuộc phỏng vấn Trần Ánh Dương - Vụ trưởng Vụ Môi trường, Bộ GTVT về các giải pháp thúc đẩy hệ thống giao thông thông minh, nhằm giảm phát thải khí nhà kính, giảm phát thải chất gây ô nhiễm, BVMT, đặc biệt là ô nhiễm môi trường không khí tại các đô thị, đảm bảo xây dựng hệ thống giao thông an toàn và thuận tiện.

★Xin ông cho biết một số kết quả đạt được sau Diễn đàn EST12 năm 2019. Là đơn vị đăng cai tổ chức, vậy xin ông cho biết một số nội dung chính của bản Tuyên bố “Tuyên bố Hà Nội” và đóng góp của Việt Nam?

Ông Trần Ánh Dương: Được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ GTVT đã phối hợp với Bộ TN&MT, Bộ Xây dựng, UBND thành phố Hà Nội, UBND tỉnh Quảng Ninh và các đối tác quốc tế tổ chức thành công diễn đàn Liên Chính phủ về GTVT bền vững môi trường khu vực châu Á lần thứ 12 (EST 12) từ ngày 28-31/10/2019 tại Hà Nội.

Diễn đàn EST 12 đã thống nhất thông qua Tuyên bố Hà Nội nhằm hiện thực hóa thành phố và cộng đồng thông minh tại châu Á thông qua 13 nhóm giải pháp và biện pháp giao thông bền vững về môi trường, trong đó tập trung vào một số nội dung chính: Hạn chế sự gia tăng phụ thuộc vào phương tiện cơ giới cá nhân; Tích hợp quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông để thu hút đầu tư tư nhân vào hạ tầng GTVT khối lượng lớn trên cơ sở mô hình TOD, đặc biệt là khi ứng dụng công nghệ mới. Thúc đẩy các giải pháp giao thông thông minh bằng cách tích hợp mạng lưới giao thông với quản lý giao thông hiệu quả, giao thông công cộng, hạ tầng và thiết bị dành riêng cho người đi bộ và đi xe đạp, mạng

lưới đường bộ tối ưu hóa và hệ thống đỗ xe được quản lý tốt với sự ứng dụng IoT, ICTs, ITS, xe điện, phương tiện tự hành, ứng dụng thông minh và thiết bị di động,...; Tăng cường các cơ chế cung cấp tài chính hiện hành và tìm kiếm các cơ chế tài chính và cơ hội đầu tư mới để xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng bền vững, thông minh, chất lượng và có khả năng thích ứng. Đồng thời, thúc đẩy và khuyến khích đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp để khai phá tiềm năng công nghệ số trong phát triển thành phố thông minh. Đẩy mạnh hợp tác khoa học với các hoạt động nghiên cứu chung, phối hợp chuyên gia, xuất bản các tạp chí và ấn phẩm khoa học, tổ chức các khóa đào tạo,...

Đặc biệt, Tuyên bố Hà Nội phù hợp với định hướng của Việt Nam về phát triển bền vững, BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH)

và xây dựng các thành phố thông minh. Bộ GTVT đã biên dịch Tuyên bố Hà Nội và phổ biến tới các tỉnh, thành phố để nghiên cứu, tổ chức triển khai phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

★Thưa ông, vừa qua, ô nhiễm không khí tại Hà Nội và TP.HCM có thời điểm ở trên mức báo động ảnh hưởng đến sức khỏe người dân mà một trong số các nguyên nhân gây ô nhiễm không khí do khí thải từ xe cơ giới. Vậy ngành GTVT có hoạt động gì nhằm kiểm soát tình trạng trên?

Ông Trần Ánh Dương: Khí thải từ xe cơ giới là một trong các nguồn gây ô nhiễm không khí, đặc biệt là tại các đô thị tập trung với mật độ phương tiện giao thông cao, do đó việc kiểm soát khí thải xe cơ giới là một nhiệm vụ quan trọng, luôn được các nước quan tâm tổ chức thực hiện.



Tại Việt Nam, việc kiểm soát khí thải xe cơ giới được thực hiện kể từ năm 2006 theo Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ; bắt đầu bằng việc kiểm định khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông tại 5 thành phố trực thuộc Trung ương và xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy đã qua sử dụng nhập khẩu từ ngày 1/7/2006; áp dụng tiêu chuẩn khí thải tương đương mức Euro 2 đối với xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới từ ngày 1/7/2007; mở rộng việc kiểm định khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông trên toàn quốc từ ngày 1/7/2008.

Đến nay, Việt Nam đang áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức tương đương Euro 3 đối với xe mô tô hai bánh và mức tương đương Euro 4 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; mức tiêu chuẩn khí thải áp dụng đối với xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu cũng được nâng cao bắt đầu từ ngày 15/5/2019 theo Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ GTVT hiện đang thực hiện bổ sung quy định về kiểm soát khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông trong sửa đổi Luật Giao thông đường bộ làm cơ sở để xây dựng lộ trình kiểm định khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông trên phạm vi cả nước.

Trước diễn biến xấu về chất lượng môi trường không khí tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh thời gian qua, Bộ GTVT đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện một số biện pháp sau:

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm định xe cơ giới; tổ chức thực hiện nghiêm lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông, xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu theo Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Tăng cường tổ chức các đợt kiểm tra lưu động để kiểm tra khí thải xe ô tô động cơ diesel tham gia giao thông giữa 2 kỳ kiểm định.

Tuyên truyền, phổ biến các chủ phương tiện, các doanh nghiệp vận tải nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện và chủ động chuyển đổi sang



▲ Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng và các đại biểu tham dự Diễn đàn Liên Chính phủ về GTVT bền vững môi trường khu vực châu Á lần thứ 12 tại Hà Nội

sử dụng phương tiện ít phát thải, ứng dụng công nghệ, thiết bị xử lý khí thải.

***Xin ông cho biết nhiệm vụ trọng tâm của ngành GTVT năm 2020 về môi trường?**

Ông Trần Ánh Dương: Để hoàn thành nhiệm vụ đã đề ra trong năm 2020, toàn ngành GTVT tập trung một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện Chương trình hành động của Ban Cán sự đảng Bộ GTVT thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ Bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT; Kế hoạch hành động của Bộ GTVT về thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

Thứ hai, hoàn thành việc triển khai Chương trình hành động của Bộ GTVT về tăng cường công tác BVMT trong ngành GTVT giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh của Bộ GTVT giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch hành động giảm phát thải khí CO₂

trong hoạt động hàng không dân dụng Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020.

Thứ ba, xây dựng 4 văn bản quy phạm pháp luật quy định về tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới, quản lý khí nhà kính từ hoạt động của tàu bay và phương tiện tiếp nhận tại cảng biển.

Thứ tư, tổ chức thực hiện công tác BVMT các quy hoạch, dự án đầu tư phát triển, công trình nạo vét, duy tu luồng theo quy định.

Thứ năm, kiểm tra, đôn đốc việc tuân thủ pháp luật BVMT trong hoạt động GTVT theo Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Thứ sáu, xúc tiến hợp tác quốc tế và tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT, tăng trưởng xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ứng phó với BĐKH.

***Trân trọng cảm ơn ông.**

PHẠM ĐÌNH
(Thực hiện)



Tăng cường sự phối hợp liên ngành trong công tác quản lý hoạt động nhập khẩu phế liệu

PHẠM MỸ HẠNH

Tổng cục Hải quan

Để tăng cường công tác quản lý hoạt động nhập khẩu, sử dụng phế liệu nhập khẩu (PLNK) làm nguyên liệu sản xuất, trong thời gian qua, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các Bộ, ngành thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng vệ thương mại, kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu phế liệu (NKPL) từ xa, giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT). Ngày 19/12/2019, Chính phủ đã ký Quyết định số 35/2019/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế phối hợp liên ngành quản lý hoạt động NKPL nhằm tạo sự đồng bộ giữa các biện pháp để ngăn chặn hành vi buôn bán, gian lận; phát huy năng lực, trách nhiệm của các Bộ và UBND các tỉnh có cửa khẩu; kiểm soát có hiệu quả trong công tác quản lý hoạt động NKPL.

TÌNH HÌNH NKPL VÀO VIỆT NAM

Thời gian qua ở nước ta, hoạt động nhập khẩu, mua bán phế liệu có chiều hướng tăng mạnh, diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường sống. Trong quá trình theo dõi, kiểm tra, giám sát hàng hóa, điều tra xác minh, các cơ quan chức năng đã phát hiện doanh nghiệp thực hiện một số phương thức, thủ đoạn gian lận trong NKPL như làm giả, tẩy xóa, sửa đổi các văn bản, Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong NKPL làm nguyên liệu sản xuất để hợp thức hóa hồ sơ NKPL; khai sai tên hàng, mã số hàng hóa khác với tên hàng, mã số hàng hóa là phế liệu thuộc danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 73/2014/QĐ-TTg ngày 19/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, chủ động lấy mẫu giám định để sử dụng kết quả giám định hợp thức hóa, chứng minh hàng hóa nhập khẩu không phải phế liệu và khi nhập khẩu không chịu các chính sách quản lý đối với phế liệu hoặc nhập khẩu các lô hàng rác thải về Việt Nam, sau đó từ chối nhận hàng, để tồn đọng tại cảng biển nhằm thu lợi từ các đối tượng ở nước ngoài.

Mặt khác, một số doanh nghiệp lợi dụng sơ hở về cơ chế, chính sách để nhập khẩu số lượng lớn phế liệu không đủ điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật về BVMT vào Việt Nam; sử dụng công nghệ tái chế lạc hậu, chủ yếu là phân loại, sơ chế, tái chế

ra nguyên liệu bán thành phẩm; không có hệ thống xử lý chất thải đạt quy chuẩn (nước thải, khí thải); hàng nghìn tấn phế liệu giấy, nhựa được buôn bán dưới dạng thu gom, trong đó có cả phế liệu nhập khẩu (PLNK) được chuyển về từ các cảng biển... là nguyên nhân gây ÔNMT. Ngoài ra, một số doanh nghiệp đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong NKPL làm nguyên liệu sản xuất, nhưng lại bán cho các doanh nghiệp nhỏ lẻ khác để đưa vào làng nghề, cụm công nghiệp tái chế, làm tăng nguy cơ gây ÔNMT, ảnh hưởng tới môi trường sống, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng số lượng phế liệu Việt Nam nhập khẩu năm 2018 là 9.254.300 tấn, tăng hơn 1.308.100 tấn so với năm 2017 (7.946.200 tấn). Riêng đối với mặt hàng phế liệu nhựa, khi Trung Quốc có chủ trương cấm nhập khẩu

nhiều chủng loại có nguy cơ gây ÔNMT cao, thì lượng phế liệu nhựa nhập khẩu vào Việt Nam lại gia tăng đột biến trong 6 tháng đầu năm 2018. Tuy nhiên, từ tháng 7/2018, khi Bộ Tài chính chỉ đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát; thực hiện kiểm tra thực tế đối với mặt hàng PLNK thì lượng phế liệu nhựa nhập khẩu về Việt Nam đã giảm rõ rệt. Theo đó, trong 6 tháng cuối năm 2018, tổng lượng phế liệu nhựa nhập khẩu về Việt Nam là 107,1 nghìn tấn, giảm hơn 250% so với 6 tháng đầu năm.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NKPL

Trong thời gian qua, Chính phủ đã có nhiều văn bản chỉ đạo các Bộ, ngành tăng cường quản lý hoạt động nhập khẩu, sử dụng PLNK làm nguyên liệu sản xuất, thực hiện có hiệu quả



các biện pháp phòng vệ thương mại, kiểm soát chặt chẽ việc NKPL từ xa, giảm thiểu nguy cơ gây ÔNMT. Đặc biệt, Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 17/9/2018 về giải pháp cấp bách tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động nhập khẩu và sử dụng PLNK làm nguyên liệu sản xuất; chỉ đạo công tác quản lý hoạt động NKPL từ nước ngoài vào Việt Nam làm nguyên liệu sản xuất nhằm ngăn chặn các hành vi gian lận, không để Việt Nam trở thành bãi rác của thế giới, tổn kém chi phí tiêu hủy đối với hàng hóa là phế liệu, chất thải đưa vào lãnh thổ Việt Nam. Chỉ thị nêu rõ, không cấp phép cho các cơ sở sản xuất NKPL chỉ để sơ chế, xử lý và bán lại nguyên liệu; áp dụng biện pháp ngăn chặn từ xa các lô hàng PLNK không đáp ứng quy định của pháp luật Việt Nam; kiên quyết buộc tái xuất những lô hàng lợi dụng NKPL để đưa chất thải vào Việt Nam, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, cá nhân có hành vi đưa chất thải, phế liệu gây ÔNMT vào Việt Nam.

Công tác quản lý hoạt động NKPL cũng có sự thay đổi, điều chỉnh khi Chính phủ ban hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung

một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT (Nghị định số 40/2019/NĐ-CP) ngày 13/5/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2019. Tại các khoản từ 28 - 37, Điều 3, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP quy định chi tiết công tác quản lý đối với hoạt động NKPL, trong đó có một số nội dung quản lý được điều chỉnh mới, thay thế các quy định trước khi ban hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, cụ thể: Bộ TN&MT là cơ quan duy nhất có thẩm quyền trong việc cấp, cấp lại, thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong NKPL làm nguyên liệu sản xuất (Sở TN&MT không còn giữ trách nhiệm này như thời điểm trước khi Nghị định số 40/2019/NĐ-CP có hiệu lực); việc kiểm tra, giám định chất lượng lô hàng PLNK được thực hiện bởi các Tổ chức giám định

được chỉ định. Đồng thời, việc lấy mẫu giám định và kiểm tra tại hiện trường lô hàng PLNK của tổ chức giám định được chỉ định thực hiện dưới sự giám sát của cơ quan hải quan nơi làm thủ tục thông quan và quy định về trường hợp được miễn kiểm tra chất lượng PLNK và phát sinh thủ tục xem xét, cấp phép miễn kiểm, thông báo đến cơ quan hải quan để thông quan; thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động NKPL thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Như vậy, trong một thời gian ngắn, các quy định quản lý nhà nước về hoạt động NKPL làm nguyên liệu sản xuất liên tục có sự thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Sau khi Nghị định số 40/2019/NĐ-CP được ban hành và chính thức có hiệu lực thi hành ngày 1/7/2019 thì công tác quản lý nhà nước về hoạt động NKPL mới đi vào ổn định.

BẢO ĐẢM SỰ PHỐI HỢP ĐỒNG BỘ CHẶT CHẼ, QUẢN LÝ HIỆU QUẢ PLNK

Hiện nay, Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) đã có một số Quy chế phối hợp song phương với các Bộ, ngành như Quy chế phối hợp với Tổng cục Cảnh sát (Bộ Công an) trong đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật; Quy chế phối hợp lực lượng giữa Hải quan và Cảnh sát biển... Tuy nhiên, các quy chế này là sự phối hợp giữa hai Bộ, ngành với nhau



▲ Cán bộ hải quan kiểm tra hoạt động NKPL tại cảng Hải Phòng



nên chỉ giải quyết công việc trong phạm vi giữa các cơ quan, không mang tính tổng thể, đồng bộ để có thể giải quyết được nội dung mang tính phối hợp liên ngành giữa các Bộ: Tài chính, TN&MT, Công Thương, Giao thông vận tải, Công an, Quốc phòng, KH&CN, Ngoại giao và UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương có cửa khẩu trong quản lý hoạt động NKPL.

Từ thực trạng trên, Bộ Tài chính được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ và UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương có cửa khẩu xây dựng quy chế phối hợp liên ngành về quản lý hoạt động NKPL tại các cửa khẩu. Ngày 19/12/2019, Chính phủ đã ký Quyết định số 35/2019/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế phối hợp liên ngành quản lý hoạt động NKPL, nhằm tạo sự đồng bộ giữa các biện pháp để ngăn chặn các hành vi buôn bán, gian lận; phát huy năng lực, trách nhiệm của các Bộ và UBND các tỉnh có cửa khẩu; kiểm soát hiệu quả trong công tác quản lý hoạt động NKPL. Đây được xem là bước đi quyết liệt của Chính phủ trong nỗ lực quản lý chặt chẽ hoạt động NKPL vốn đã và đang được dư luận quan tâm trong thời gian qua.

Theo Quy chế, việc phối hợp phải bảo đảm hiệu quả; phân công cụ thể trách nhiệm phối hợp của các Bộ và UBND trong công tác quản lý hoạt động NKPL. Hoạt động phối hợp phải dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, UBND; tuân thủ các quy định tại Quy chế này và theo quy định của pháp luật; bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công việc, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hoạt động NKPL từ nước ngoài vào Việt Nam. Trong trường hợp phát sinh các vấn đề cần xử lý thuộc thẩm quyền của cơ quan nào thì cơ quan đó chủ trì, các đơn vị khác phối hợp và khi phát sinh vụ việc thuộc thẩm quyền của nhiều cơ quan quản lý thì cơ quan nào thụ lý đầu tiên sẽ chủ trì xử lý.

Quy chế quy định nội dung phối hợp gồm: Các Bộ, UBND sẽ phối hợp quán triệt, trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu về những quy định của pháp luật, chủ trương, chính sách mới liên quan trực tiếp đến công tác quản lý hoạt động NKPL làm nguyên liệu sản xuất thuộc lĩnh vực của



▲ Container PLNK tại cảng Cát Lái

đơn vị mình quản lý; phối hợp trong công tác quản lý nhà nước theo lĩnh vực chuyên môn, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đối với hoạt động NKPL. Ngoài ra, các Bộ, UBND cũng sẽ phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động NKPL khi cần thiết, đồng thời trao đổi về những phương thức, thủ đoạn hoạt động của các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật, phục vụ công tác xác minh, điều tra và xử lý vi phạm hoạt động NKPL; phối hợp phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động NKPL...

Các Bộ, ngành chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, kiểm định hàng hóa là PLNK làm nguyên liệu sản xuất theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, kết luận kiểm tra, kiểm định của mình có liên quan đến mặt hàng này trong quá trình phối hợp. Thực hiện xử lý nghiêm các trường

hợp vi phạm quy định pháp luật về quản lý hoạt động NKPL và quy định tại Quy chế này để kịp thời xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề, vướng mắc phát sinh.

Như vậy, có thể thấy việc ban hành Quy chế phối hợp liên ngành giữa các Bộ và UBND các tỉnh trong quản lý hoạt động NKPL là cần thiết, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật Việt Nam, cũng như các quy định pháp luật khác có liên quan. Nội dung quy định chi tiết phù hợp với tinh thần, nội dung của Luật BVMT, Luật Hải quan và Bộ luật Hàng hải Việt Nam. Đồng thời, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các Bộ, UBND các tỉnh, nhằm quản lý hiệu quả PLNK; kịp thời ngăn chặn hành vi buôn lậu, gian lận trong NKPL, kiên quyết không để Việt Nam trở thành bãi rác của thế giới, không đánh đổi lợi ích kinh tế với môi trường ■



Một số định hướng Chiến lược về bảo vệ môi trường ở Việt Nam trong thời gian tới

NGUYỄN TRUNG THẮNG, HOÀNG HỒNG HẠNH
VŨ THỊ THANH NGÀ, NGUYỄN NGỌC TỬ
Viện Chiến lược, chính sách TN&MT

Trong những năm qua, Việt Nam đạt được tăng trưởng kinh tế khá cao, xấp xỉ 7%/năm, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện. Tuy nhiên, ô nhiễm, suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên và biến đổi khí hậu (BĐKH) gia tăng vẫn là các thách thức lớn đối với sự phát triển của đất nước. Cùng với cộng đồng quốc tế, Đảng và Nhà nước tiếp tục chủ trương phát triển nhanh, bền vững với cam kết thực hiện thành công 17 mục tiêu phát triển bền vững (PTBV) đến 2030 và Thỏa thuận Pari về BĐKH.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng Chiến lược BVMT (Chiến lược) cho giai đoạn 2021 - 2030 là rất quan trọng và cần thiết. Bài báo này nhằm mục đích nhìn nhận lại công tác BVMT thời gian qua và đề xuất một số định hướng cho thời gian tới ở Việt Nam.

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BVMT THỜI GIAN QUA

Thực hiện Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (ban hành tại Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 5/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ), công tác BVMT đã đạt được một số kết quả tích cực. Nhận thức về BVMT của toàn xã hội đã có bước chuyển biến mạnh mẽ, Chính phủ xác định “không hy sinh môi trường lấy lợi ích tăng trưởng kinh tế”. Hệ thống chính sách, pháp luật, tổ chức bộ máy về BVMT tiếp tục hoàn thiện; nguồn lực cho BVMT được tăng cường với tổng chi ngân sách cho sự nghiệp môi trường tăng dần từ 9.772 tỷ đồng trong năm 2013 (khoảng 0,9% chi ngân sách) lên 20.442 tỷ đồng năm 2019 (khoảng 1,252% tổng chi ngân sách) (Bộ Tài chính, 2019). Hoạt động hợp tác quốc tế về BVMT tiếp tục được đẩy mạnh; trong giai đoạn 2012 - 2018, đã huy động được 6.915,47 triệu USD hỗ trợ cho BVMT và BĐKH (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2019).



▲ Hội thảo tham vấn “Đánh giá thực hiện Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2020 và đề cương Chiến lược giai đoạn 2021 - 2030” do Bộ TN&MT tổ chức ngày 15/11/2019

Theo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược BVMT quốc gia đến 2020 và Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu PTBV đến 2020 của Tổng cục Môi trường, tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg được xử lý đạt 92,71% năm 2018, tăng so với năm 2012 (84,3%). Năm 2019, tỷ lệ khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX) có hệ thống xử lý nước thải tập trung (HTXLNTTT) đạt 89%, tăng so với 2010 (khoảng 60%); tỷ lệ thu gom chất thải rắn (CTR) sinh hoạt đô thị tăng lên 86,5% so với 82% năm 2010. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại (CTNH) đạt 75% năm 2018 so với 65% năm 2010; tỷ lệ CTR y tế được phân loại, xử lý đạt trên 98%. Năm 2018, tình trạng vệ sinh môi trường

nông thôn đã được cải thiện với 65,5% số xã đạt tiêu chí về môi trường và an toàn thực phẩm của Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới; 88,5% số xã có công trình vệ sinh đáp ứng yêu cầu, tăng đáng kể so với 2010 (52%). Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch đạt 86%; tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh đạt 94,84%.

Trong hoạt động khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (ĐDSH), Việt Nam đã thực hiện thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước; tiền thu từ đất đai, cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước đã tăng lên, đạt hơn 9.354 tỷ đồng năm 2019 (đối với tài nguyên nước) (Bộ TN&MT, 2019). Tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,65%



năm 2018, tăng so với 2012 (39,5%); số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng đã giảm so với giai đoạn trước. Đến nay, Việt Nam đã tăng thêm 3 khu bảo tồn (KBT) thiên nhiên trên cạn với diện tích tăng 2.500 ha so với 2015 và 4 KBT biển so với năm 2010, tổng diện tích đạt khoảng 0,11% vùng biển trên cả nước.

Bên cạnh đó, công tác phòng, chống, ứng phó với thiên tai tiếp tục được đẩy mạnh; kịch bản BĐKH và nước biển dâng đã được cập nhật 2 lần năm 2012 và 2016; công tác dự báo khí tượng thủy văn có nhiều tiến bộ; tiết kiệm được 5,65% năng lượng trong giai đoạn 2011 - 2015. Trong khi đó, năng lượng mặt trời có bước phát triển mạnh mẽ, đạt 4.500 MW năm 2019, cùng với nhiều hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK) được triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn còn những vấn đề, thách thức còn tồn tại như tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường tiếp tục gia tăng. Môi trường không khí ở các đô thị lớn, đặc biệt là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh bị ô nhiễm ở một số thời điểm; hơn 80% cụm công nghiệp (CCN) chưa có HTXLNTTT; 87% nước thải sinh hoạt đô thị chưa được xử lý. Việc phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn còn hạn chế; tỷ lệ tái chế thấp (8 - 12%); tỷ lệ chôn lấp hơn 70%, chủ yếu là không hợp vệ sinh và còn khoảng 36,5% CTR sinh hoạt nông thôn chưa được thu gom, xử lý. Tình trạng đổ trộm CTNH nghiêm trọng vẫn còn xảy ra. Đặc biệt, trong giai đoạn 2012 - 2019 đã xảy ra một số sự cố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, điển hình như vụ Công ty Formosa Hà Tĩnh xả thải gây ô nhiễm môi trường biển (2016), ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt của Nhà máy nước sông Đà, Hà Nội (2019)...

Trong khi đó, ĐDSH tiếp tục suy thoái, tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả. Mặc dù, độ che phủ tăng, song chất lượng rừng tiếp tục suy giảm; tình trạng chặt phá rừng trái phép chưa chấm dứt và nhiều vụ cháy rừng đã xảy ra. Cùng với đó, các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng như thảm cỏ biển, rạn san hô tiếp tục suy thoái, các loài động thực vật hoang dã tiếp tục suy giảm, nguy cơ từ sinh vật ngoại lai xâm hại và rủi ro từ sinh vật biến đổi gen vẫn còn hiện hữu. So với năm 2010, diện tích đất bị thoái hóa tiếp tục tăng 8 triệu ha, công tác bảo vệ an ninh nguồn nước chưa đáp ứng yêu cầu; chưa

ngăn chặn được suy giảm nước ngầm và ô nhiễm nước mặt. Tại nhiều địa phương, vẫn còn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, đặc biệt là khai thác cát sỏi lòng sông.

Đối với công tác ứng phó với BĐKH, năng lực chủ động ứng phó với BĐKH của các cấp, ngành, địa phương và người dân còn chưa cao. Trong khi nhận thức của toàn xã hội về BĐKH chưa đáp ứng yêu cầu, thiệt hại do thiên tai gây ra còn lớn. Việc phổ biến, nhân rộng các mô hình ứng phó với BĐKH, phát triển các bon thấp gặp nhiều khó khăn. Cường độ sử dụng năng lượng sơ cấp còn cao so với thế giới và khu vực, năm 2015 là 20 GJ/USD GDP, trong khi giá trị trung bình của thế giới là 8 GJ/USD, Thái Lan là 14,2 GJ/USD, Trung Quốc là 13,8 GJ/USD, Malaixia 10,9 GJ/USD... (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Cục Năng lượng Đan Mạch, 2019). Đồng thời, việc phát triển năng lượng tái tạo còn hạn chế, công tác thu hồi năng lượng từ chất thải chưa được triển khai mạnh mẽ.

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG VỀ BVMT GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Trong 10 năm tới, để đạt được mục tiêu PTBV đất nước, Việt Nam cần phải ngăn chặn được xu hướng ô nhiễm, suy thoái môi trường, từng bước cải thiện chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm của ĐDSH; nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH, thúc đẩy nền kinh tế các bon thấp. Để đạt được mục tiêu đó, Việt Nam cần phải tập trung một số nhiệm vụ trọng tâm:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, suy thoái môi trường. Theo đó, cần xây dựng và thực hiện có hiệu quả quy hoạch BVMT quốc gia, đưa các nội dung về TN&MT trong quy hoạch vùng, ngành, tỉnh; thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng thân thiện với môi trường, phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, các bon thấp; hoàn thiện và nâng cao hiệu quả đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; thực hiện việc cấp phép môi trường và phân loại, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm, đặc biệt đối với nguồn gây ô nhiễm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, kể cả các nguồn xuyên biên giới; tích cực phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

Thứ hai, cần tập trung giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc, từng bước nâng cao chất lượng môi trường. Cụ thể, phải kiểm soát, ngăn chặn ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường không khí ở các đô thị lớn; tăng cường quản lý CTR theo hướng giảm chôn lấp, thúc đẩy sự tuần hoàn để thu hồi vật liệu và năng lượng; chú trọng CTR nông thôn; phòng ngừa, giảm thiểu và tái chế chất thải nhựa; xử lý cơ bản nước thải sinh hoạt ở các đô thị và nâng cao chất lượng môi trường nước; phục hồi, cải thiện môi trường ở các khu vực ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật, dioxin.

Thứ ba, ngăn chặn suy giảm ĐDSH; khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Tiếp tục bảo tồn, gìn giữ, phục hồi các hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên; nâng cao độ che phủ

(Xem tiếp trang 33)



Kết quả triển khai Đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy

TS. NGUYỄN KIM TUYẾN - *Cục trưởng*
ThS. TRẦN THỊ LỆ ANH, ThS. NGUYỄN MINH PHƯƠNG
Cục BVMT miền Bắc

Trong những năm qua, quá trình phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) tại các lưu vực sông (LVS) diễn ra đặc biệt sôi động, nhất là tại các vùng kinh tế trọng điểm nằm ở khu vực hạ lưu các LVS lớn, hoặc cửa sông ven biển. Tuy nhiên, chính trong quá trình phát triển KT - XH này đã có những tác động không nhỏ đến chất lượng môi trường nước tại các LVS đang bị suy thoái ở nhiều nơi, tập trung ở những đoạn sông chảy qua khu vực đô thị, khu công nghiệp (KCN), làng nghề, ảnh hưởng đến cuộc sống và sức khỏe của nhân dân sống xung quanh LVS. Nổi cộm nhất là tình trạng ô nhiễm môi trường (ÔNMT) tại 2 LVS: Cầu và Nhuệ - Đáy. Mặc dù, Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương đã triển khai nhiều biện pháp nhằm ngăn chặn, khắc phục và cải thiện tình trạng ô nhiễm của các LVS. Tuy nhiên, đây vẫn đang là vấn đề môi trường “nóng”, đòi hỏi phải có giải pháp tổng thể để trả lại màu xanh cho các dòng sông.

THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG CỦA LVS CẦU VÀ SÔNG NHUỆ - SÔNG ĐÁY

Với chiều dài 288 km, LVS Cầu gồm địa giới 6 tỉnh (Bắc Kạn, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương) và một phần Thủ đô Hà Nội. Thời gian qua, hoạt động phát triển KT - XH diễn ra khá nhanh, cùng với tốc độ đô thị hóa cao, sự mở rộng các KCN, cụm công nghiệp (CCN) tại các địa phương trong lưu vực là nguyên nhân gây ÔNMT nước mặt LVS Cầu, nguồn cung cấp 70% nước sinh hoạt và công nghiệp trên địa bàn. Theo số liệu thống kê, lượng nước thải chủ yếu vào LVS Cầu là nước thải sinh hoạt (chiếm khoảng 50%), tiếp theo là nước thải làng nghề, CCN và KCN. Hiện nay, tại các tỉnh trên LVS Cầu, hầu hết các KCN đều có hệ thống xử lý nước thải (XLNT) tập trung; một số CCN đã và đang xây dựng trạm XLNT tập trung; tuy nhiên, nước thải làng nghề (đặc



▲ Đoạn sông Cầu chảy qua thị xã Bắc Kạn về hạ lưu

biệt là làng nghề tái chế giấy Phong Khê, Bắc Ninh), cũng như hầu hết nước thải sinh hoạt đô thị đều không được thu gom, xử lý mà xả thẳng ra sông Cầu. Kết quả quan trắc cho thấy, chất lượng nước sông Cầu có nơi đạt mức tốt có thể sử dụng cho sinh hoạt, điển hình ở khu vực thượng nguồn đoạn chảy qua tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại ô nhiễm cục bộ tại một số khu vực, bắt đầu từ đoạn chảy qua thị xã Bắc Kạn về hạ lưu (các thông số BOD₅, NH₄ và TSS đã vượt Quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2008/BTNMT mức A, xấp xỉ mức B1); đoạn chảy qua TP. Thái Nguyên, mức độ ô nhiễm gia tăng, các thông số quan trắc vượt QCVN nhiều lần. Đoạn chảy qua tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh chịu ảnh hưởng ô nhiễm liên tỉnh do tiếp nhận nước của sông Ngũ Huyện Khê và các KCN, làng

nghề dọc 2 bên bờ sông nên nước sông bị ô nhiễm rõ rệt, các thông số chỉ đạt QCVN 08:2008/BTNMT loại B2. Sông Ngũ Huyện Khê là điểm nóng ÔNMT kéo dài nhiều năm nay trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, mức độ ô nhiễm gia tăng vào mùa khô do tiếp nhận nước thải của làng nghề giấy Phong Khê. Đặc biệt là năm 2019, xuất hiện điểm nóng ô nhiễm mới là khu vực suối Bóng Tối (tỉnh Thái Nguyên) do tiếp nhận trực tiếp nước thải sinh hoạt của TP. Thái Nguyên.

Tại LVS Nhuệ - sông Đáy (bao gồm TP. Hà Nội và các tỉnh: Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Hòa Bình), trong khi hầu hết các KCN đều có hệ thống XLNT tập trung, cơ bản tuân thủ các quy định về BVMT thì chỉ có khoảng 30% CCN đã và đang xây dựng trạm XLNT tập trung, ngoại trừ TP. Hà Nội (khoảng trên 60%); nước thải làng nghề



không được thu gom và xử lý. Nguồn gây ÔNMT lớn nhất là nước thải sinh hoạt, chiếm tỷ lệ khoảng 50 - 60% tổng lượng nước thải vào LVS Nhuệ - Đáy, nhưng phần lớn không được thu gom, xử lý mà thải trực tiếp vào LVS. Ước tính, tổng lượng nước thải sinh hoạt trên toàn lưu vực khoảng 610.000 m³/ngày, đêm. Ngoài ra, nước thải do phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và nước thải y tế cũng là những nguyên nhân gây ÔNMT nước LVS... Kết quả quan trắc cho thấy, tại khu vực đầu nguồn sông Nhuệ, nước sông còn tương đối tốt, nhưng khi hợp lưu với sông Tô Lịch (nguồn tiếp nhận nước thải chính của các quận nội thành của Hà Nội), nước sông Nhuệ bị ô nhiễm nghiêm trọng, đây chính là nguyên nhân gây ô nhiễm cục bộ LVS Nhuệ - sông Đáy, nguồn cấp nước sinh hoạt và sản xuất cho TP. Phú Lý (Hà Nam) và một số địa phương phía hạ nguồn. Chất lượng nước của nhiều đoạn thuộc LVS Nhuệ - sông Đáy đã bị ô nhiễm tới mức báo động, đặc biệt vào mùa khô, giá trị các thông số BOD₅, COD, Coliform... tại các điểm quan trắc đều vượt QCVN 08:2008/BTNMT nhiều lần. Tại các đoạn sông chảy qua đô thị, khu vực có các hoạt động sản xuất, môi trường nước sông bị ô nhiễm chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh. Sông Đáy có chất lượng nước tốt hơn sông Nhuệ và có xu hướng tăng dần theo dòng chảy từ Hà Nội đến Ninh Bình, một số điểm trên địa phận Ninh Bình, nước có thể sử dụng cho sinh hoạt, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Đối với các sông nội thành Hà Nội, do tiếp nhận lượng lớn nước thải sinh hoạt đô thị và nước thải của các cơ sở sản xuất, làng nghề nội đô nên chất lượng nước luôn ở mức thấp, ô nhiễm nặng và hầu như chưa được cải thiện.

Có thể nói, công tác quản lý, BVMT LVS đang đứng trước nhiều thách thức: Mâu thuẫn giữa yêu cầu BVMT với tăng trưởng kinh tế của địa phương, giữa phát triển của các tỉnh thượng nguồn và hạ nguồn; giữa năng lực quản lý môi trường với đòi hỏi thực tế trong công tác quản lý môi trường... Nếu không có biện pháp xử lý ô nhiễm kịp thời, cùng cơ chế kiểm soát, quản lý môi trường LVS liên vùng, liên tỉnh thì tương lai không xa, nguồn nước của các con sông này không thể sử dụng được cho sản xuất và sinh hoạt.

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN TỔNG THỂ BVMT LVS CẦU VÀ SÔNG NHUỆ - SÔNG ĐÁY

Nhận thức được tầm quan trọng của LVS trong quá trình phát triển KT - XH và BVMT, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm tăng cường công tác quản lý môi trường và bảo vệ nguồn nước các LVS, hướng tới giải quyết vấn đề ô nhiễm LVS theo tiếp cận liên ngành, liên vùng. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 174/2006/QĐ-TTg ngày 28/7/2006 về phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan LVS Cầu (Đề án sông Cầu); Quyết định số 57/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 phê duyệt Đề án tổng thể BVMT LVS Nhuệ - sông Đáy đến năm 2020 (Đề án sông Nhuệ - sông Đáy).

Trong hơn 10 năm thực hiện Đề án sông Cầu trên 6 tỉnh thuộc LVS Cầu và Đề án sông Nhuệ - sông Đáy tại 5 tỉnh thuộc LVS Nhuệ - Đáy, dưới sự điều hành, chỉ đạo của các Ủy ban BVMT LVS: Cầu, Nhuệ - Đáy (có Văn phòng Ủy ban BVMT LVS đặt tại Tổng cục Môi trường, Bộ TN&MT) đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần giải quyết các vấn đề ÔNMT LVS liên vùng, liên tỉnh.

Phát huy vai trò “Nhạc trưởng” trong chỉ đạo, điều hành của các Ủy ban BVMT LVS

Với vai trò điều phối, kết nối với địa phương trong các LVS để BVMT, hàng năm, Ủy ban BVMT LVS Cầu và sông

Nhuệ - sông Đáy đã tổ chức các phiên họp nhằm đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ của Đề án BVMT LVS tại từng địa phương, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án trong thời gian tới. Đồng thời, Ủy ban cũng phối hợp chặt chẽ với Bộ TN&MT, UBND các tỉnh/thành phố trong 2 LVS tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, khảo sát tình hình triển khai Đề án; đánh giá tình hình xử lý các nguồn gây ÔNMT LVS; khảo sát các cơ sở sản xuất/KCN/CCN có xả thải ra LVS Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy trên địa bàn các tỉnh thuộc 2 LVS... Theo đó, Ủy ban BVMT 2 LVS đã chỉ đạo giải quyết những vấn đề bức xúc về ÔNMT nước liên tỉnh như việc khai thác cát, sỏi tại đoạn sông giáp ranh giữa tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, Bắc Ninh với Bắc Giang; tình trạng gây ÔNMT của Nhà máy xử lý rác thải ở xã Phù Lãng (Quế Võ, Bắc Ninh), huyện Yên Dũng (Bắc Giang); nước thải làng nghề giấy Phong Khê (Bắc Ninh) gây ÔNMT, làm cá chết trên sông Cầu; phối hợp giải quyết tình trạng ô nhiễm nước liên tỉnh giữa TP. Hà Nội và tỉnh Hà Nam trên sông Nhuệ, đặc biệt là vấn đề ô nhiễm trên sông Châu Giang, Nông Giang (Hà Nam).

Xây dựng cơ chế, chính sách về BVMT LVS

Có thể nói, Luật BVMT 2014 và Luật Tài nguyên nước 2012 được ban hành đã tạo hành lang pháp lý về quản lý tổng hợp LVS, đặc biệt tập trung vào quản lý LVS liên vùng, liên tỉnh. Cùng với đó, nhiều văn bản dưới Luật và



Nghị định, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ TN&MT liên quan đến công tác quản lý môi trường LVS được ban hành như: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, trong đó có quy định về tính toán sức chịu tải và phân bổ hạn ngạch xả thải vào sông; Nghị định số 43/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước; Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT của Bộ TN&MT ngày 29/12/2017 về việc quy định đánh giá khả năng tiếp nhận và đánh giá sức chịu tải của sông, hồ; Điều tra, đánh giá, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn thải” tại Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 26/1/2018 của Thủ tướng Chính phủ... Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng đã tổ chức lập, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các quy hoạch hệ thống thoát nước và XLNT khu vực dân cư, KCN thuộc LVS Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030 (tại Quyết định số 228/QĐ-TTg ngày 25/1/2013 và Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 3/5/2013) và Quy hoạch quản lý chất thải rắn LVS Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2020 (tại Quyết định số 2211/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 và Quyết định số 223/QĐ-TTg ngày 12/2/2015). Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý môi trường đối với các LVS, Bộ TN&MT đã đề xuất và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt tổ chức Ủy ban LVS mới, trong đó có tích hợp Ủy ban BVMT LVS Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy. Ngoài ra, các tỉnh, thành phố trên LVS Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy cũng ban hành các văn bản liên quan đến công tác BVMT nói chung, BVMT LVS tại địa phương nói riêng, tập trung vào hoạt động XLNT và rác thải sinh hoạt nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường, đưa các dòng sông trở lại trong xanh, bảo đảm cân bằng sinh thái, ổn định sinh kế của người dân.

Triển khai các dự án đầu tư xử lý ô nhiễm, khắc phục và cải thiện môi trường 2 LVS

Cùng với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Ủy ban BVMT LVS, các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trong 2 LVS về huy động nguồn vốn ngân sách, nguồn vốn đầu tư xã hội hóa, vốn ODA, các Bộ, ngành và địa phương trên 2 LVS đã triển khai nhiều chương trình, dự án XLNT, cải thiện môi

trường. Cụ thể, tại LVS Cầu, Tổng cục Môi trường chủ trì thực hiện các dự án như Tăng cường năng lực quản lý môi trường nước LVS do Jica hỗ trợ; Ngăn ngừa ô nhiễm và cải thiện nguồn nước sông Cầu bằng việc kiểm soát và xử lý các chất thải hữu cơ có độ bền cao trong nước rỉ rác bằng phương pháp ô xy hóa nâng cao kết hợp sinh học tại bãi rác Xuân Hòa (tỉnh Vĩnh Phúc); Quản lý nguồn nước và ngập lụt tỉnh Vĩnh Phúc; tỉnh Bắc Kạn triển khai Dự án nạo vét sông Cầu đoạn chảy qua nội thành TP. Bắc Kạn; Xây dựng trạm XLNT tập trung công suất 3.000 m³/ngày, đêm của TP. Bắc Kạn; tỉnh Thái Nguyên triển khai Dự án đầu tư lò đốt rác thải sinh hoạt, công suất 150 tấn/ngày, đêm, Dự án hệ thống thoát nước và XLNT khu trung tâm phía Nam TP. Thái Nguyên với vốn vay ODA của Bỉ; Bắc Giang thực hiện các dự án đầu tư cải tạo, nạo vét tuyến kênh tưới tiêu thủy lợi, hồ chứa như kênh T5, T3 thuộc địa phận huyện Yên Dũng và TP. Bắc Giang, hồ suối Nứa, huyện Lục Nam; tỉnh Bắc Ninh đầu tư 3 dự án Nhà máy xử lý CTR sinh hoạt công nghệ cao phát năng lượng tại các huyện Quế Võ, Thuận Thành và Lương Tài; các hệ thống XLNT sinh hoạt tập trung tại huyện Thuận Thành, Tiên Du, TP. Bắc Ninh...

Tại LVS Nhuệ - sông Đáy, nhiều chương trình, dự án XLNT, chất thải rắn, cải thiện chất lượng môi trường cũng đã được các địa phương trong LVS triển khai thực hiện như Dự án cải tạo, nạo vét một số hồ, thủy vực,

trồng rừng đầu nguồn sông Nhuệ - sông Đáy tại tỉnh Hòa Bình; tỉnh Hà Nam đã xây dựng trạm xử lý nước rỉ rác tại xã Thanh Thủy, trạm XLNT CCN Cầu Giát, 3 trạm XLNT sinh hoạt tập trung cho TP. Phủ Lý; tỉnh Ninh Bình triển khai Dự án xây dựng Khu xử lý CTR thung Quèn Khó, trạm XLNT tập trung KCN Gián Khẩu; tỉnh Nam Định đã vận hành trạm XLNT KCN Hòa Xá, KCN Bảo Minh, CCN An Xá; TP. Hà Nội tiếp tục cải thiện chất lượng môi trường sông Tô Lịch, khuyến khích các hộ gia đình ứng dụng chế phẩm vi sinh, hóa sinh để XLNT trước khi thải ra cống chung đổ ra sông Tô Lịch; lắp đặt 2 trạm quan trắc tự động liên tục; duy trì vận hành các trạm XLNT, trạm bơm tiêu nước; xây dựng Nhà máy xử lý rác thải bằng công nghệ tiên tiến để xử lý rác thải... Đây là những sự chuyển biến tích cực trong công tác BVMT LVS tại các địa phương.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc BVMT và xử lý các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng trên các LVS

Thời gian qua, công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định, pháp luật về BVMT tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên 2 LVS đã được tăng cường và triển khai đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, tập trung đối với các cơ sở xả thải trực tiếp ra LVS, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ÔNMT cao. Riêng trong năm 2019, trên 2 LVS Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy, Bộ TN&MT đã phối hợp với Sở TN&MT các



tính trên LVS thanh tra và xử lý 528 cơ sở vi phạm, với số tiền xử phạt là 33.703.900.000 đồng. Bộ Công an đã xử lý 357 vụ việc vi phạm về môi trường, xử phạt vi phạm hành chính, với số tiền 14.491.250.000 đồng.

Thực hiện Chương trình mục tiêu xử lý triệt để các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng, hầu hết các tỉnh, thành phố trên LVS đã hoàn thành mục tiêu đề ra trong các Đề án BVMT LVS Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy. Đối với LVS Cầu, đến nay, đã có 47/52 cơ sở (đạt tỷ lệ khoảng 90,4%) hoàn thành việc xử lý các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và 18/21 cơ sở (tương ứng với 85,7%) theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trên LVS Nhuệ - Đáy, cũng đã có 43/45 cơ sở (đạt 95,55%) hoàn thành việc xử lý các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và 19/27 cơ sở (đạt 70,4%) theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg.

Nâng cao hiệu quả hoạt động quan trắc môi trường và tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT LVS

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác giám sát, quan trắc chất lượng môi trường, những năm qua, Bộ TN&MT, cùng các địa phương trong 2 LVS đã tăng cường công tác đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc và phân tích môi trường nước các LVS từ Trung ương đến địa phương. Trong LVS Nhuệ - sông Đáy, các tỉnh đã đầu tư lắp đặt được 8 trạm quan trắc tự động nước mặt, bao gồm 4 trạm tại Hà Nam và 4 trạm tại tỉnh Nam Định trong khuôn khổ Dự án của Ngân hàng Thế giới về quản lý ô nhiễm các KCN thuộc LVS Đồng Nai và sông Nhuệ - sông Đáy. Thông qua hệ thống quan trắc môi trường, các địa phương đều đã giám sát được chất lượng nước sông trên địa bàn tỉnh, thành phố. Song song với đó, công tác điều tra, thống kê nguồn thải cũng được các tỉnh, thành phố triển khai đồng bộ. Tuy nhiên, các số liệu này chưa thống nhất, chưa được cập nhật vào hệ thống thông tin của địa phương và toàn lưu vực để quản lý.

Để công tác BVMT LVS đạt kết quả tốt, các địa phương trong 2 LVS đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức cho tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng, tạo sự chuyển biến

mạnh mẽ trong công tác chủ động BVMT LVS của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương và cộng đồng xã hội.

Trong quá trình triển khai Đề án BVMT LVS Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những khó khăn và hạn chế như: Mặc dù, các địa phương trong 2 LVS đã chú trọng thực hiện việc xử lý các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng, nhưng chưa đạt được mục tiêu của Đề án là xử lý triệt để 100% các cơ sở gây ÔNMT theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg. Bên cạnh đó, các địa phương cũng đã triển khai thực hiện công tác thống kê các nguồn thải vào LVS, nhưng chưa thường xuyên, chưa xây dựng thành cơ sở dữ liệu, nên việc chia sẻ, tổng hợp và đánh giá các nguồn thải trên toàn lưu vực khó khăn. Các đơn vị sản xuất, kinh doanh hoạt động vi phạm với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, nhằm đối phó với các cơ quan chức năng. Trong khi đó, các quyết định, kết luận của Ủy ban chưa có tính ràng buộc về pháp lý, chưa có nguồn lực riêng để giải quyết các vấn đề môi trường cụ thể, đặc biệt là những vấn đề bức xúc về môi trường liên vùng.

Đặc biệt là việc kết nối thông tin, phối hợp trong triển khai hoạt động, nhiệm vụ của Ủy ban BVMT LVS Cầu còn hạn chế; các hoạt động chủ yếu do Bộ TN&MT và các địa phương thực hiện, thiếu sự tham gia của các Bộ, ngành khác, dẫn đến công tác quản lý môi trường LVS chưa đạt được mục tiêu đề ra.

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ NHẪM THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CÁC ĐỀ ÁN TỔNG THỂ BVMT LVS

Trong bối cảnh nguồn lực còn hạn chế, việc xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm tại các LVS là một thách thức lớn, cần có các giải pháp đồng bộ, bài bản và quyết liệt trong hành động. Để thực hiện hiệu quả Kế hoạch triển khai nhiệm vụ của Đề án trong năm 2020, cần thiết phải kiện toàn mô hình tổ chức và hoạt động của Ủy ban BVMT LVS Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy lồng ghép vào mô hình Ủy ban LVS mới do Bộ TN&MT dự thảo đề xuất. Đồng thời, Chính phủ chỉ đạo các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư bố trí ngân sách cho Chương trình mục tiêu xử lý triệt để các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích giai đoạn 2016 - 2020; xem xét cơ chế tài chính, đặc biệt ưu tiên các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, ban hành cơ chế, chính sách tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận với nguồn vốn vay ưu đãi để xử lý ô nhiễm trên LVS Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy; Bộ Xây dựng chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn các tỉnh trên LVS Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy đẩy nhanh thực hiện “Quy hoạch hệ thống thoát nước và XLNT khu vực dân cư, KCN LVS Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030” và “Quy hoạch quản lý CTR trên LVS Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2020”; chỉ đạo Bộ NN&PTNT xây dựng và trình Chính phủ triển khai các hạng mục đầu tư dự án theo lộ trình tại Quyết

định số 937/QĐ-TTg ngày 1/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tiêu nước hệ thống sông Nhuệ.

Ngoài ra, Ủy ban BVMT LVS Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy cũng kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trên 2 LVS ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật hệ thống thoát nước, XLNT đô thị theo hướng hợp tác công - tư, xã hội hóa, địa phương nào gây ô nhiễm nhiều phải chịu trách nhiệm chính trong xử lý ô nhiễm LVS; cho phép nghiên cứu và triển khai thử nghiệm mô hình XLNT đô thị, khu dân cư tập trung theo mô hình phân tán hình thức hợp tác công - tư và cơ chế tài chính đặc thù. Các thành viên Ủy ban BVMT LVS Nhuệ - sông Đáy cần thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của Ủy ban, tham dự đầy đủ Phiên họp của Ủy ban BVMT LVS Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy; có báo cáo hoạt động của các Bộ, ngành địa phương về kết quả triển khai các Đề án, đồng thời, có đề

xuất kiến nghị trong thời gian tới. Văn phòng Ủy ban BVMT LVS Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy tổ chức kiểm tra, theo dõi, đánh giá tổng hợp, xây dựng báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các hoạt động triển khai Đề án của các Bộ, ngành Trung ương, cũng như các tỉnh, thành phố trên 2 LVS; tổng hợp các đánh giá và đề xuất của Bộ, ngành, địa phương về kết quả thực hiện Đề án đến năm 2020 định hướng triển khai công tác BVMT LVS Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy sau khi Đề án kết thúc vào năm 2020.

Song song với đó, Ủy ban BVMT LVS Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy cũng đề nghị UBND các tỉnh, thành phố

thuộc 2 LVS trong giai đoạn năm 2020 chỉ đạo rà soát tiến độ và kết quả triển khai những nhiệm vụ, dự án đã được UBND các tỉnh, thành phố phê duyệt tại Kế hoạch triển khai Đề án BVMT LVS Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy, đồng thời, tổ chức đánh giá kết quả việc thực hiện Đề án đến năm 2020; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc xả thải của các cơ sở sản xuất tại các KCN, CCN, làng nghề. Đặc biệt là thúc đẩy cơ chế phối hợp, khắc phục các xung đột lợi ích cục bộ trên LVS; truyền thông, nâng cao nhận thức cho mọi cá nhân, tổ chức và cộng đồng để chung tay BVMT nước LVS như nguồn sống của chính mình■

(Tiếp theo trang 28)

Một số định hướng Chiến lược về bảo vệ môi trường ở Việt Nam...

rừng, ngăn chặn suy giảm chất lượng rừng; bảo vệ các giống loài, nguồn gen và bảo đảm an toàn sinh học; Khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và nguồn lợi thủy sản.

Thứ tư, chủ động thích ứng với BĐKH trong BVMT và giảm phát thải KNK: Lồng ghép BĐKH trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư về BVMT; tăng cường thích ứng với BĐKH dựa trên hệ sinh thái; thực hiện giảm phát thải KNK kết hợp với các hoạt động kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm không khí; thúc đẩy sử dụng nhiên liệu sạch, các phương tiện dùng điện trong giao thông vận tải và thu hồi năng lượng từ CTR.

Để thực hiện thành công các định hướng nêu trên, Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp:

Thay đổi tư duy, nhận thức về phát triển: Trong hơn 30 năm qua, thông qua quá trình công nghiệp hóa, Việt Nam đã tập trung ưu tiên tăng trưởng kinh tế để thoát khỏi đói nghèo. Kèm theo các kết quả về tăng trưởng kinh tế

là môi trường bị ô nhiễm, suy thoái, hiện đã đến ngưỡng tới hạn. Trong 10 năm tới, cần phải bảo đảm phát triển trong giới hạn của sự cân bằng sinh thái, phát triển hài hòa với tự nhiên, tuân theo quy luật tự nhiên, hạn chế tác động xấu đến môi trường. Tư duy này phải được nhận thức và quán triệt thành hành động từ các cơ quan quản lý đến từng doanh nghiệp và mỗi người dân.

Tăng cường thực thi pháp luật về BVMT: Nâng cao các biện pháp chế tài, xử phạt vi phạm hành chính, hình sự; tăng cường năng lực cho các cơ quan quản lý môi trường cấp vùng, cấp tỉnh, huyện và xã; thực hiện phương châm hướng về địa phương, hướng về cơ sở; tăng cường sự giám

sát của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong BVMT.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho BVMT: Tạo lập cơ chế, chính sách, phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ môi trường kết hợp với đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, công khai, minh bạch để thu hút sự tham gia của doanh nghiệp và cộng đồng vào BVMT; tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho BVMT; nâng cao tính hiệu quả của các quỹ BVMT; hoàn thiện khung pháp lý và thúc đẩy đầu tư cho các dự án xanh thông qua tín dụng xanh, trái phiếu xanh; thu hút nguồn lực đầu tư từ các định chế tài chính quốc tế, các nước phát triển cho BVMT■



Nhìn lại 1 năm thực hiện Cuộc vận động người dân không xả rác ra đường và kênh rạch trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh

ĐÌNH LÝ - VŨ HẢI

Thành ủy TP. Hồ Chí Minh

Ngày 19/10/2018, Thành ủy thành phố (TP) Hồ Chí Minh đã ban hành Chỉ thị số 19-CT/TU về thực hiện Cuộc vận động “Người dân không xả rác ra đường và kênh rạch, vì TP sạch và giảm ngập nước” (Chỉ thị số 19-CT/TU). Đến nay, sau 1 năm thực hiện, Cuộc vận động bước đầu đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ và tạo được sự đồng thuận cao của người dân. Có thể nói, đây là cuộc vận động sâu sắc, toàn diện, dựa trên truyền thống đoàn kết, sáng tạo của nhân dân TP, sự vào cuộc quyết liệt, trách nhiệm của chính quyền các cấp và sự tham gia mạnh mẽ của toàn hệ thống chính trị.

MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Sau khi Chỉ thị số 19-CT/TU được ban hành, hệ thống chính trị TP đã vào cuộc một cách quyết liệt, nghiêm túc. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã ban hành nghị quyết chuyên đề, chỉ thị, kế hoạch, công văn chỉ đạo thực hiện Cuộc vận động đến các cấp, đơn vị trực thuộc, trong đó tập trung vào việc phổ biến, tuyên truyền, vận động nhân dân; giải quyết, xử lý triệt để các tụ điểm tồn đọng rác thải, nước thải gây ô nhiễm môi trường; tổ chức tiếp xúc, đối thoại với người dân; phân công cụ thể công việc cho từng cơ quan, đơn vị; chỉ đạo, đôn đốc triển khai và tăng cường công tác kiểm tra, xử lý... Đến nay, qua 1 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU đã tạo được sự đồng thuận cao của người dân TP; thúc đẩy trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong công tác BVMT, ứng phó biến đổi khí hậu (BĐKH), nâng cao chất lượng môi trường sống. Nhận thức, ý thức và trách nhiệm của người dân TP, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh về BVMT, không xả rác ra đường và kênh rạch, thải rác đúng nơi quy định đã có chuyển biến tích cực, qua đó tình hình vệ sinh môi trường trên địa bàn có sự cải thiện.

Cải tạo điểm ô nhiễm rác thải thành khu sinh hoạt cộng đồng

Trong thời gian qua, các quận, huyện đã triển khai phần mềm “Trực tuyến” và các phần mềm quản lý khác để tiếp nhận, xử lý ý kiến phản ánh của người dân về tình trạng xả rác ra



▲ HĐND và UBMTTQ TP. Hồ Chí Minh ký kết liên tịch kế hoạch phối hợp thực hiện Cuộc vận động

đường, kênh rạch, các điểm gây ô nhiễm môi trường, hành vi vi phạm về môi trường. Kết quả đã tiếp nhận và giải quyết 11.953/12.026 ý kiến phản ánh của người dân (đạt tỷ lệ 99,4). Mặt khác, các quận, huyện tổ chức tiếp xúc, lắng nghe ý kiến phản ánh, đóng góp của nhân dân để giải quyết kịp thời các vấn đề về vệ sinh môi trường; khuyến khích người dân phát hiện và tố giác các hành vi bỏ rác không đúng nơi quy định; vận động xã hội hóa việc lắp đặt, bổ sung 21.903 camera an ninh kết hợp theo dõi giám sát về môi trường. Ngoài ra,

các điểm tập kết rác tại một số quận, huyện đã được lắp camera để giám sát việc giao nhận rác, qua đó phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vứt, đổ rác không đúng nơi quy định.

Đặc biệt, toàn TP đã chuyển hóa được 656/733 điểm ô nhiễm về rác thải (tỷ lệ giải quyết đạt 89,5%), còn 77 điểm đang tiếp tục triển khai. Trong 656 điểm ô nhiễm về rác thải đã được giải quyết, có 76 điểm đã được chuyển hóa thành khu vực sinh hoạt cộng đồng như sân chơi thể thao, vườn hoa, công viên. Bên cạnh đó, TP đã lắp



đặt mới 33.676 thùng rác công cộng tại các tuyến đường, hẻm, kênh rạch; trao tặng các vật dụng (thùng rác, túi đựng rác, bao tay, kẹp gấp rác, túi xách thân thiện môi trường, nhãn dán phân loại rác...) cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn. Nhiều quận, huyện thực hiện tốt việc ký cam kết của các tổ chức, hộ gia đình với chính quyền trong thực hiện thỏa thuận thời gian thu gom rác, giữ gìn vệ sinh môi trường tuyến đường, khu dân cư; thực hiện phân loại rác tại nguồn tốt hơn, giảm đáng kể việc vứt rác ra đường phố, kênh rạch và nơi công cộng... Nhìn chung, tình hình vệ sinh môi trường trên địa bàn TP có nhiều chuyển biến tích cực, việc thực hiện tổng vệ sinh định kỳ ở các khu dân cư đã tác động tích cực đến nhận thức của một bộ phận người dân trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường.

Tăng cường công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

Để việc triển khai Chỉ thị số 19-CT/TU đạt hiệu quả, TP đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách liên quan đến công tác phân loại, thu gom, vận chuyển CTRSH như quy định phân loại CTRSH tại nguồn, giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; kế hoạch chuẩn hóa mẫu phương tiện thu gom, vận chuyển CTRSH; cơ chế chuyển đổi lực lượng thu gom rác dân lập.

Đến nay, trên địa bàn TP đã tổ chức sắp xếp được 1.869 tổ, đường dây thu gom rác dân lập tham gia vào hợp tác xã (HTX), hoặc doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (đạt tỷ lệ 69,2%); có 14 quận, huyện vận động được 100% tổ, đường dây thu gom rác dân lập vào HTX hoặc doanh nghiệp có tư cách pháp nhân. Hiện toàn TP có 38 HTX vệ sinh môi trường, 279 công ty tư nhân thu gom rác và còn khoảng 831 tổ, đường dây thu gom rác chưa có tư cách pháp nhân đang hoạt động thu gom rác trên địa bàn.

Đối với công tác xử lý CTRSH, trong năm 2019, khối lượng CTRSH được thu gom trên địa bàn TP khoảng 9.100 tấn/ngày. Theo thống kê, công nghệ đốt, compost, tái chế áp dụng xử lý CTRSH trên địa bàn TP chiếm tỷ lệ 31% (tương đương 2.900 tấn/ngày), còn lại 69% (tương đương 6.200 tấn/ngày). Để thực hiện được chỉ tiêu giảm chôn lấp đến năm 2020 chỉ còn tối đa 50% (khoảng 5.000 tấn/ngày trên tổng khối lượng phát sinh là 10.000 tấn/ngày) và đến năm 2025 tỷ lệ CTRSH chôn lấp chỉ còn 20% (khoảng 2.600 tấn trên tổng khối



▲ Nhân viên môi trường đô thị vớt rác từ 4 tuyến kênh rạch ở trung tâm TP. Hồ Chí Minh

lượng phát sinh là 13.000 tấn/ngày), UBND TP đã chỉ đạo Sở TN&MT triển khai các nhóm giải pháp: Chuyển đổi công nghệ xử lý của 3 nhà máy xử lý rác (2 nhà máy của Công ty CP Vietstar và 1 nhà máy của Công ty CP Tầm Sinh Nghĩa đã khởi công xây dựng); đẩy nhanh tiến độ Dự án Nhà máy xử lý – tái chế chất thải rắn 500 tấn/ngày của Công ty CP Tasco và Dự án Nhà máy xử lý CTRSH bằng công nghệ khí hóa Plasma 1.000 tấn/ngày của Công ty Trisun Green Energy; tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư xử lý CTRSH với công suất 2.000 tấn/ngày.

Giải quyết các khu vực bị ngập nước do mưa, triều cường, xử lý tình trạng lấn chiếm hệ thống thoát nước

Trong thời gian qua, các quận, huyện trên địa bàn TP đã chủ động tập trung triển khai, đầu tư duy tu, nâng cấp, sửa chữa các tuyến hẻm, đường nội bộ, nạo vét các hầm ga, đường cống thoát nước để giảm và xóa dần các điểm, khu vực ngập nước; đồng thời có nhiều giải pháp nhằm xử lý tình trạng lấn chiếm cửa xả,

hầm ga thoát nước, rác thải xuống kênh mương, công trình lấn chiếm trên kênh rạch như vận động các hộ kinh doanh ăn uống không vứt rác, xả nước bẩn xuống miệng cống thoát nước; tổ chức lắp đặt song sắt chắn rác, thu gom rác, lá cây tại các hố ga, miệng cống thoát nước; tuyên truyền không xả rác trên các nắp cống bằng hình thức sơn vẽ khẩu hiệu...

Tại các địa phương có tuyến sông, kênh, rạch, thường xuyên tổ chức cắt cỏ, vớt rác, nạo vét bùn đất, khơi thông dòng chảy; định kỳ phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành đường thủy nội địa tổ chức kiểm tra, xử lý các hành vi lấn chiếm, san lấp, xây dựng, sử dụng trái phép các công trình trên bề mặt nước hoặc trong hành lang bảo vệ trên bờ của hệ thống sông, kênh rạch.

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIẠN TỐI

Mặc dù việc triển khai Chỉ thị số 19-CT/TU bước



đầu đạt được một số kết quả tích cực, song vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể như công tác tuyên truyền chưa tiếp cận được với 100% dân cư trên địa bàn; hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chưa đồng bộ, vẫn còn nhiều bất cập; công tác quản lý nhà nước về môi trường tại cấp phường, xã, thị trấn chưa phát huy hiệu quả, còn mang nặng tính phong trào, chưa chủ động thực hiện nhiệm vụ quản lý tại địa phương; công tác xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực môi trường chưa đủ sức răn đe, còn nhiều bất cập, chông chéo giữa các văn bản pháp luật; chính sách ưu đãi về vốn, thuế cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh các sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường chưa được quan tâm; ý thức tự giác, điều chỉnh hành vi văn minh nơi công cộng của một bộ phận người dân chưa có chuyển biến, hành vi xả rác nơi công cộng, kênh rạch vẫn diễn ra... Nhằm nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU, TP tập trung các nhiệm vụ, giải pháp:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và thực hiện các phong trào, hoạt động ra quân giữ gìn vệ sinh môi trường, nâng cao ý thức người dân

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp để giải quyết những vấn đề liên quan đến vệ sinh môi trường, thực hiện tốt việc chuyển hóa địa bàn ô nhiễm về rác thải; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong cấp ủy, chính quyền các cấp, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trong thực hiện Cuộc vận động.

UBND quận, huyện chỉ đạo UBND phường, xã, thị trấn tổ chức đối thoại với nhân dân về vệ sinh môi trường để tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia hưởng ứng Cuộc vận động, đồng thời lắng nghe các ý kiến của người dân trong công tác BVMT; phấn đấu đạt và giữ vững danh hiệu “Khu phố - ấp sạch, không xả rác ra đường và kênh rạch”, “Phường - xã - thị trấn không xả rác ra đường và kênh rạch”, “Công trình - giải pháp - sáng kiến xanh”.

Các đơn vị doanh nghiệp nâng cao hiệu quả phối hợp với địa phương để giải quyết các vấn đề môi trường, rác thải của doanh nghiệp; tích cực tuyên truyền vận động cán bộ, công nhân viên chức, người lao động và người dân trên địa bàn không xả rác, hạn chế sử dụng túi ni lông, thực hiện phân loại rác tại nguồn,

từng bước thay đổi hành vi, tạo thói quen bỏ rác đúng nơi quy định.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vệ sinh môi trường

Tiếp tục triển khai các giải pháp đã thực hiện nhằm duy trì và nâng cao các kết quả đã đạt được như: Tổ chức đối thoại, vận động 100% hộ dân trên địa bàn TP cam kết không xả rác bừa bãi ra đường, kênh rạch; Tiếp nhận, giải quyết kịp thời 100% ý kiến phản ánh của người dân về trật tự và vệ sinh môi trường; Giải quyết dứt điểm các điểm ô nhiễm về rác thải, duy trì chất lượng vệ sinh môi trường tại các khu vực đã được giải quyết; Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về môi trường, đặc biệt là việc phát hiện, xử lý hành vi vi phạm vệ sinh nơi công cộng.

Đổi mới phương thức triển khai công tác phân loại CTRSH tại nguồn, đảm bảo phù hợp với định hướng công nghệ xử lý CTRSH; Ban hành các chính sách để tổ chức, sắp xếp lại hoạt động thu gom của lực lượng dân lập, chuyển đổi các lực lượng này thành HTX hoặc doanh nghiệp có tư cách pháp nhân để quản lý hiệu quả.

Rà soát các định mức trong lĩnh vực vệ sinh môi trường để làm cơ sở cho quận, huyện xây dựng, phê duyệt đơn giá, lập dự toán để đấu thầu dịch vụ vệ sinh môi trường. TP sẽ phân cấp cho quận, huyện chủ động và chịu trách nhiệm về công tác BVMT trên địa bàn do quận, huyện quản lý; xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong khu dân

cư theo danh sách đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Giải quyết triệt để các công trình lấn chiếm hệ thống kênh rạch, cửa xả, hầm ga thoát nước; thực hiện kế hoạch nạo vét, duy tu, bảo dưỡng hệ thống kênh rạch, hệ thống thoát nước. Chủ động xử lý kịp thời các điểm ngập cục bộ và ngăn chặn không để phát sinh điểm mới; đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án chống ngập trên địa bàn.

Giám sát, tiếp nhận và xử lý các vi phạm về vệ sinh môi trường

Các cấp ủy tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức Đảng, đảng viên trong việc thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU, kịp thời phát hiện công trình, mô hình, cách làm hay, hiệu quả để biểu dương, nhân rộng.

Chính quyền các cấp cần quan tâm chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, kiểm tra, xử lý về lĩnh vực môi trường; tiếp nhận và xử lý nhanh, hiệu quả ý kiến của người dân về tình trạng xả rác ra đường, kênh rạch.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, chức sắc tôn giáo... trong công tác vận động nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật BVMT, ứng phó với BĐKH. Đẩy mạnh công tác giám sát của cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tổ chức thực hiện Cuộc vận động, nhất là giám sát trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền ■



Ngành Xây dựng đẩy mạnh phát triển các loại vật liệu xây dựng xanh thân thiện với môi trường

NGUYỄN HẢI HÀ
Đại học Xây dựng

Trong những năm qua, tốc độ đô thị hóa ở Việt Nam tăng nhanh, với nhiều công trình xây dựng đã gây ra những tác động đến môi trường như ô nhiễm bụi và rác thải xây dựng. Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đáp ứng nhu cầu sử dụng vật liệu xanh, trong đó có gạch không nung thân thiện với môi trường, tiêu tốn ít năng lượng và tiết kiệm điện năng tiêu thụ đang là xu hướng mà ngành sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD) hướng tới.

PHÁT TRIỂN CÁC SẢN PHẨM VLXD XANH

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, đến tháng 5/2019, nước ta có 833 đô thị, dự báo đến năm 2025, con số này sẽ đạt khoảng 1.000 đô thị. Thống kê của Viện VLXD (Bộ Xây dựng) cho thấy, các công trình xây dựng sử dụng khoảng 17% nguồn nước, 40% nguồn năng lượng, 25% gỗ khai thác, chiếm 50% lượng phát thải, tạo ra 33% lượng khí thải các bon và 40% chất thải rắn xây dựng. Vì vậy, việc phát triển VLXD xanh, trong đó có gạch không nung sẽ giúp

tiết kiệm đất nông nghiệp, giảm thiểu khí thải gây hiệu ứng nhà kính và ô nhiễm môi trường là yêu cầu cấp thiết.

Nhằm đẩy mạnh phát triển VLXD xanh, thân thiện với môi trường nói chung và gạch không nung nói riêng, những năm gần đây, Chính phủ đã thông qua nhiều chính sách như: Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ban hành năm 2010, trong đó có quy định “sử dụng VLXD tiết kiệm năng lượng, vật liệu không nung, lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, khí sinh học trong các công trình xây dựng”; Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 5/4/2016 của Chính phủ về quản lý VLXD khuyến

khích phát triển vật liệu mới thân thiện môi trường, trong đó có vật liệu không nung; Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển VLXD không nung với mục tiêu phát triển sản xuất và sử dụng VLXD không nung thay thế gạch đất sét nung đạt tỷ lệ 20 - 25% vào năm 2015, 30 - 40% vào năm 2020; Thông tư số 09/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành ngày 18/10/2012, quy định sử dụng VLXD không nung trong các công trình xây dựng. Theo đó, tại các công trình xây dựng bằng vốn ngân sách Nhà nước buộc phải sử dụng vật liệu không nung ở các đô thị loại 2, tối thiểu phải 50% và đô thị loại 3 là 100%.

Báo cáo của Bộ Xây dựng về kết quả thực hiện Chương trình phát triển VLXD không nung cho biết, hiện cả nước đã có 55/63 tỉnh, thành phố đã ban hành lộ trình xóa bỏ lò gạch thủ công; 25 địa phương đã xây dựng chính sách về tăng cường sử dụng VLXD không nung, hạn chế sản xuất và sử dụng gạch đất sét nung. Đến nay, tổng sản lượng gạch không nung cả nước sản xuất đạt 7 tỷ viên (chiếm 28% tổng lượng gạch xây dựng).



▲ Nhiều công trình ở Sơn La sử dụng gạch không nung, thân thiện với môi trường



Sơn La là một trong những địa phương đi đầu về sản xuất gạch không nung, từ năm 2015, tỉnh đã triển khai Dự án Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất gạch không nung, với công suất 15 triệu viên/năm. Công ty CP Xây dựng và thương mại An Phát, tiểu khu 8, thị trấn Hát Lót (Mai Sơn) đã được chuyển giao dây chuyền công nghệ. Đến nay, Dự án đã sản xuất thử nghiệm được trên 10.000 viên gạch, tiếp thu, làm chủ và áp dụng thành công quy trình công nghệ sản xuất gạch không nung bằng công nghệ đất hóa đá từ nguyên liệu sẵn có của địa phương. Kết quả nghiên cứu của Dự án đã mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường; chất lượng gạch được đánh giá tương đương và cao hơn gạch nung truyền thống cùng loại, sử dụng ít diện tích mặt bằng, chi phí đầu tư giảm; không sử dụng nhiệt nên tiết kiệm năng lượng và tận dụng được nguồn đất sẵn có của địa phương.

Mặc dù, có những thay đổi tích cực, tuy nhiên, việc sử dụng VLXD xanh, thân thiện với môi trường nói chung và gạch không nung nói riêng trong xây dựng còn nhiều khó khăn, thách thức do quá trình phát triển công trình xanh chưa được quan tâm cả về góc độ quản lý nhà nước và hoạt động doanh nghiệp. Công tác đầu tư phát triển sản xuất đối với một số loại VLXD xanh chưa hợp lý, quy mô còn nhỏ và phân tán, hiệu quả đầu tư chưa cao; công nghệ sản xuất VLXD xanh ở một số lĩnh vực còn lạc hậu so với trình độ hiện nay ở khu vực và thế giới, đòi hỏi phải thay thế, đổi mới. Đồng thời, do người dân chưa có thói quen trong sử dụng VLXD xanh, trong khi những lợi ích mà sản phẩm VLXD truyền thống vẫn chiếm ưu thế; còn nhiều cơ sở sản xuất, khai thác, chế biến đá xây dựng, đá ốp lát, gốm sứ xây dựng có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu.

THÚC ĐẨY SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ BỀN VỮNG VLXD XANH

Để phát triển bền vững các VLXD xanh, Bộ Xây dựng đang lấy ý kiến về Dự thảo Chiến lược phát triển VLXD Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050. Chiến lược là công cụ quan trọng để định hướng phát triển VLXD xanh theo hướng

bền vững, hiệu quả kinh tế - xã hội, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng và BVMT. Chiến lược sẽ là căn cứ để xây dựng các kế hoạch thực hiện của Bộ, ngành, địa phương và quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến công tác đầu tư xây dựng VLXD xanh.

Thời gian tới, nhằm thúc đẩy sản xuất và sử dụng VLXD xanh, các cơ quan chức năng cần ban hành đầy đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến sản phẩm VLXD xanh, thân thiện với môi trường nói chung và gạch không nung nói riêng. Đặc biệt, đối với công trình xanh cần đưa ra các tiêu chí và thông số đặc thù cụ thể, có chế tài xử lý hành chính đối với các chủ thể xây dựng không thực hiện quy định sử dụng VLXD xanh; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất VLXD; sử dụng công nghệ tiên tiến với mức độ cơ giới hóa, tự động hóa cao vào sản xuất, từng bước áp dụng các giải pháp của Cách mạng Công nghiệp 4.0, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính.

Ngoài ra, cần quan tâm hơn đến công tác đào tạo chuyên ngành xây dựng về thiết kế, thi công sử dụng VLXD mới; công bố rộng rãi những hiệu quả thực tế của công trình sử dụng VLXD xanh để người dân và doanh nghiệp hình thành thói quen thay thế VLXD cũ bằng các loại VLXD thân thiện với môi trường. Đối với nhà sản

xuất và người tiêu dùng, việc dán nhãn xác nhận đối với VLXD xanh cũng là giải pháp hữu ích nhằm nâng cao ý thức của cộng đồng về sử dụng vật liệu ít tác hại tới môi trường.

Đồng thời, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, từng bước loại bỏ cơ sở sản xuất có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường và hiệu quả kinh tế thấp; phát triển các cơ sở sản xuất VLXD xanh phải gắn với vùng nguyên liệu, điều kiện cơ sở hạ tầng và thực hiện phân bố vào các khu, cụm công nghiệp; đa dạng hóa các loại hình đầu tư, thu hút mọi nguồn lực cho phát triển VLXD. Đối với vật liệu gạch không nung, cần tiếp tục ban hành tiêu chuẩn hướng dẫn thiết kế, thi công, nghiệm thu các kết cấu công trình xây dựng sử dụng vật liệu không nung; có ưu đãi cụ thể, lâu dài về vốn thuế, tiền thuê đất đối với các nhà sản xuất và từng loại gạch không nung; ban hành đồng bộ, chi tiết các chính sách ưu đãi sử dụng phế thải công nghiệp sản xuất gạch không nung và bắt buộc sử dụng vật liệu gạch không nung vào các công trình xây dựng theo tiêu chí cụ thể; phổ biến cho người dân ưu điểm của gạch không nung, để từng bước thay đổi thói quen sử dụng gạch đất sét nung; tập trung mọi năng lực phát triển sản xuất và sử dụng gạch không nung, góp phần phát triển ngành công nghiệp VLXD nước ta hiện đại, bền vững■

Đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về rác thải nhựa

Rác thải nhựa (RTN) đang ngày càng gia tăng và là một trong những thách thức về môi trường đối với toàn cầu. Việt Nam đang phải đối mặt với các vấn đề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển kinh tế, trong đó có ô nhiễm RTN hay còn gọi là “ô nhiễm trắng”. Có thể nói, chính sự tiện lợi, giá thành rẻ của các sản phẩm bằng nhựa đã góp phần hình thành thói quen tiêu dùng của người dân Việt Nam và tạo nên khối lượng RTN khổng lồ. Trong khi đó, việc xử lý RTN và hệ thống tái chế đồ nhựa ở Việt Nam nói riêng hay trên thế giới nói chung chưa đem lại hiệu quả như mong muốn.

NGHIÊN CỨU TỔNG QUAN VỀ CHẤT THẢI RẮN (CTR), RTN TẠI VIỆT NAM

Tổ chức Quốc tế Bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam (WWF Việt Nam) đã có nghiên cứu quốc gia về CTR, RTN với mục tiêu đưa

ra nghiên cứu tổng quan về công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam; xác định các tỉnh, thành phố (TP), khu vực ở Việt Nam có tiềm năng trở thành mô hình tiên phong về Đô thị giảm nhựa và thu thập dữ liệu nền về tình hình phát sinh chất thải nhựa tại các TP được lựa chọn. Để thực hiện mục tiêu đề ra, nghiên cứu đã xác định phạm vi và nhiệm vụ cần thực hiện là đánh giá, phân tích hiện trạng, chính sách và thực tiễn quản lý CTR, RTN hiện nay với phạm vi trên toàn quốc; sàng lọc, lựa chọn các tỉnh, TP tiềm năng tham gia Dự án Đô thị giảm nhựa của WWF Việt Nam (28 tỉnh, TP); thu thập thông tin từ 10

tỉnh được sàng lọc và điều tra cơ bản về tình hình phát sinh chất thải nhựa tại 5 tỉnh, TP tiềm năng tham gia Dự án trong năm 2019 - 2020.

Nghiên cứu là một trong những hoạt động được WWF triển khai thông qua Dự án “Đô thị giảm nhựa” nhằm mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm nhựa tại một số tỉnh/TP tại Việt Nam từ nay đến năm 2021. Dự án bao gồm 4 nhóm hoạt động: Khảo sát hiện trạng và hỗ trợ xây dựng kế hoạch hành động giảm ô nhiễm RTN tại các TP được lựa chọn; hỗ trợ liên kết các ngành có liên quan đến sử dụng và thải loại nhựa; hỗ trợ thực hiện các mô hình thí điểm giảm



▲ Các bạn trẻ tham gia Lễ phát động phong trào toàn quốc chống RTN tại Hà Nội



nhựa tại những khu vực được lựa chọn tại các TP; truyền thông nâng cao nhận thức cho cộng đồng. Dự án nằm trong chương trình “Đô thị giảm nhựa” cấp toàn cầu với mục tiêu không có RTN trong thiên nhiên vào năm 2030. Để đạt được mục tiêu đó, Dự án mong muốn tạo ra mạng lưới kết nối 25 đô thị không RTN tại Đông Nam Á vào năm 2025; là bước đệm để đạt được con số 1.000 đô thị không RTN trên toàn thế giới vào năm 2030.

HƠN 50% CÁC HỘ KINH DOANH QUY MÔ NHỎ THIẾU HIỂU BIẾT VỀ BẢN CHẤT CỦA NHỰA

Trong thời gian qua, nghiên cứu của WWF đã đánh giá về công tác quản trị CTR tại cấp Trung ương và địa phương; khảo sát nhận thức, quan điểm, thói quen thải RTN của gần 400 hộ gia đình, trên 300 hộ kinh doanh quy mô nhỏ, 300 đối tượng thu gom rác tại những khu vực ven biển và kênh rạch ở 3 tỉnh Quảng Ninh, Đà Nẵng, Kiên Giang, TP. Hồ Chí Minh.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, công tác quản trị CTR còn nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự nỗ lực, chung tay của các cấp, ngành. Dù khung pháp lý của Việt Nam về quản lý CTR tương đối đầy đủ so với các nước trong khu vực và đang từng bước được kiện toàn, tuy nhiên nguồn lực, năng lực thực thi, cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan vẫn còn nhiều vướng mắc cần có sự chỉ đạo quyết liệt từ các cấp chính quyền.

Bên cạnh đó, nhận thức của cộng đồng chưa cao, có hơn 50% các hộ kinh doanh quy mô nhỏ thiếu hiểu biết về bản chất của nhựa, tác động của RTN và tình trạng rò rỉ RTN ra môi trường. Đối với những người thu gom rác thải, mặc dù chưa hiểu biết rõ về bản chất của nhựa, nhưng phần lớn nhận thức được tác động của nhựa đối với sức khỏe con người; bởi họ tiếp xúc trực tiếp với rác thải hàng ngày và nhận thức được những mối nguy hại đối với sức khỏe của chính mình. Như vậy, hiểu biết về bản chất của nhựa sẽ giúp người dân hiểu tác động của nhựa với môi trường, khả năng phân hủy của chúng theo thời gian, cũng như biết cách sử dụng đúng cách, đảm bảo sức khỏe của chính mình.

Cũng theo kết quả nghiên cứu, có trên 60% cộng đồng nói chung không biết và chỉ biết 1 quy định về quản lý rác thải và BVMT là

bỏ rác đúng nơi quy định. Đối với hộ gia đình, các quy định được biết đến nhiều nhất bao gồm: 56% biết bỏ rác đúng nơi quy định, 19% biết nội dung phân loại rác, 30% biết tổng vệ sinh khu vực định kỳ. Hiện vẫn còn khoảng 5 - 9% các hộ dân đổ thải trực tiếp ra môi trường dẫn đến tỷ lệ RTN thất thoát ra môi trường ước tính khoảng từ 8 -10%, tương đương 0,4 - 0,7 triệu tấn vào năm 2019. Ước tính khoảng 25% RTN tại Việt Nam được quay lại thị trường tái chế thông qua con đường phi chính thức. Kết quả này phù hợp với những nghiên cứu trước đây về lượng RTN thất thoát ra môi trường và tỷ lệ tái chế tại Việt Nam của các tổ chức quốc tế.

Mặt khác, nghiên cứu đã đánh giá những cảm nhận của cộng đồng về hiện trạng xả thải và thu gom CTR. Kết quả cho thấy, có sự khác biệt rõ rệt giữa hộ gia đình, hộ kinh doanh và đối tượng thu gom rác. 34% hộ gia đình có cảm nhận không tốt về tình hình phát sinh RTN và xả thải bãi bãi xung quanh nơi ở của họ. 50% hộ gia đình đánh giá phương tiện thu gom thô sơ hoặc không hợp vệ sinh. Tuy nhiên, đối tượng thu gom có xu hướng “ít phàn nàn” về tình trạng vệ sinh môi trường (từ 10 - 18% phàn nàn về việc phát sinh nhiều rác, tình trạng xả rác, tần suất thu gom hay phương tiện thu gom), trong khi hộ kinh doanh có thái độ “thờ ơ” đến vấn đề môi trường. Sự “thờ ơ” này có thể là nguyên nhân dẫn đến tình trạng sử dụng nhiều đồ nhựa, hoặc thải RTN ra môi trường. Đây cũng là một trong những lý do cần có những

chiến dịch truyền thông hoặc các giải pháp, công cụ chính sách nhằm tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp và hộ kinh doanh với môi trường hơn nữa.

Đồng thời, nghiên cứu đánh giá sự ủng hộ của người dân với 14 chính sách tiềm năng về giảm RTN, theo đó người dân đặc biệt ủng hộ 3 chính sách: Cấm và phạt với hành vi xả thải bãi bãi (63%); truyền thông giáo dục về RTN (gần 50%); hạn chế sử dụng đồ nhựa dùng một lần (41%).

Căn cứ vào những kết quả nghiên cứu hiện trạng phát sinh và quản lý rác thải, WWF cùng chuyên gia sẽ hỗ trợ các tỉnh xây dựng kế hoạch hành động giảm ô nhiễm RTN theo mục tiêu của Kế hoạch hành động quốc gia về Giảm RTN đại dương; hỗ trợ liên kết các ngành có liên quan đến sử dụng và thải loại nhựa; hỗ trợ thực hiện các mô hình thí điểm nhằm giảm 30% lượng RTN ra môi trường tại những khu vực được lựa chọn tại các TP.

Trong thời gian tới, WWF sẽ phối hợp với các địa phương tăng cường hoạt động hợp tác nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi thói quen của cộng đồng, đặc biệt các hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống về RTN; hỗ trợ địa phương ban hành chính sách được người dân ủng hộ, như mô hình hạn chế túi ni lông ở Bắc Ninh, Quảng Trị; Tiếp tục đầu tư chương trình giám sát và đánh giá dòng thải nhựa ra môi trường, tại các điểm trung chuyển, bãi chôn lấp kết hợp với khoa học công dân■

PHÚ HÀ



Kỹ thuật tốt nhất hiện có (BAT) và kinh nghiệm của một số nước trên thế giới

NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG, NGUYỄN HẢI YẾN

Viện Khoa học Môi trường, Tổng cục Môi trường

Nguyên tắc phòng ngừa (NTPN), hay phương pháp tiếp cận phòng ngừa xuất hiện trong vài thập kỷ gần đây và ngày càng được chấp nhận rộng rãi như một nguyên tắc chung của chính sách, luật pháp, quản lý môi trường. Nguyên tắc này là cách tiếp cận với các bất trắc, để ra hành động nhằm tránh tổn hại môi trường nghiêm trọng hoặc không thể sửa chữa trước khi có luận cứ khoa học về các tổn hại này. Cốt lõi của NTPN được phản ánh trong Tuyên bố Rio về môi trường và phát triển.

Sự phát triển của khái niệm kỹ thuật tốt nhất hiện có (BAT) dựa trên NTPN trong chính sách môi trường. BAT được coi là ứng dụng phù hợp nhất của NTPN, thay thế cho cách tiếp cận xử lý cuối đường ống trước đây. BAT đã được áp dụng tương đối phổ biến tại các quốc gia trên thế giới và đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong ngăn ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường, đặc biệt đối với ô nhiễm công nghiệp. Một số quốc gia châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc đã áp dụng BAT theo lộ trình và quy định trong các văn bản pháp luật liên quan đến môi trường.

BAT được định nghĩa trong Chỉ thị số 2010/75/EU của Ủy ban châu Âu 2010 là một ví dụ điển hình về BAT được hiểu ở hầu hết các quốc gia. Điều 3 Chỉ thị số 2010/75/EU định nghĩa BAT là “giai đoạn hiệu quả, tiên tiến nhất trong sự phát triển của các hoạt động và phương pháp vận hành, đây là những kỹ thuật cụ thể, phù hợp để cung cấp cơ sở cho các giá trị giới hạn phát thải, điều kiện cấp phép khác được thiết kế để ngăn ngừa, giảm phát thải và tác động đến môi trường, bao gồm: “Kỹ thuật” gồm cả công nghệ sử dụng và cách thức thiết lập (thiết kế, xây dựng, bảo dưỡng, vận hành và ngừng hoạt động); “Kỹ thuật hiện có” có nghĩa là những kỹ thuật được phát triển

trên quy mô cho phép thực hiện trong lĩnh vực công nghiệp liên quan, trong điều kiện khả thi về kinh tế và kỹ thuật, có sự xem xét đối với các chi phí và lợi thế; “Tốt nhất” có nghĩa là hiệu quả nhất trong việc đạt mức độ chung cao đối với BVMT.

Khái niệm BAT cũng được sử dụng trong các thỏa thuận môi trường đa phương liên quan đến ô nhiễm công nghiệp (Công ước Minamata về thủy ngân, Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ dai dẳng và Công ước Ospar về BVMT biển của Đông Bắc Đại Tây Dương). Bên cạnh đó, các khái niệm tương tự đang được sử dụng trên toàn thế giới, như: Công nghệ kiểm soát khả dụng tốt nhất (BACT); Các kỹ thuật/công nghệ tốt nhất hiện có, không bao gồm chi phí quá cao (BATNEEC); Công nghệ kiểm soát chất ô nhiễm thông thường tốt nhất (BCT); Thực hành quản lý môi trường tốt nhất (BEMP)...

EU có một phương pháp chuẩn hóa cho thủ tục lựa chọn và đánh giá các kỹ thuật để xác định BAT, được gọi là

Quy trình Seville. Theo đó, BAT được xác định thông qua quy trình này nhằm thiết lập cơ sở cho các mức phát thải liên quan đến BAT (BAT-AEL), tạo thành cơ sở cho các giá trị giới hạn phát thải (ELV) trong giấy phép. Các BAT và BAT-AEL được mô tả trong các tài liệu tham khảo BAT (BREF), sau này được trình bày trong Kết luận BAT.

Định nghĩa về BAT cũng được đưa vào Luật của một số quốc gia trên thế giới. Tại Nga, Luật Liên bang số 219-FZ có hiệu lực từ năm 2015 tạo ra những thay đổi quan trọng đối với Luật BVMT Liên bang và các luật liên quan khác. Theo đó, tại Điều 1 - “Các khái niệm cơ bản”, Luật Liên bang số 219-FZ quy định “BAT là công nghệ sản xuất sản phẩm (hàng hóa), hiệu suất công việc, cung cấp dịch vụ được xác định dựa trên thành tựu hiện đại của khoa học và công nghệ, sự kết hợp tốt nhất của các tiêu chí để đạt được mục tiêu BVMT, với điều kiện khả thi về mặt kỹ thuật”. Ngoài ra, Luật giới thiệu sự chuyển đổi dần dần sang một hệ thống quy



định công nghệ, dựa trên các công nghệ BAT, sử dụng kinh nghiệm của EU và tình trạng cụ thể về nền kinh tế nước Nga.

Ở Hàn Quốc, hệ thống quản lý môi trường dựa trên cơ sở hệ thống quản lý môi trường tổng hợp của EU. BAT được khuyến khích áp dụng theo Chỉ thị kiểm soát và phòng ngừa ô nhiễm tích hợp (IPPC) của EU năm 1996. Tuy nhiên, sau khi chuyển sang Hàn Quốc, việc áp dụng BAT được bắt buộc trong Luật. Điều 24 của Đạo Luật kiểm soát chất thải tổng hợp của Hàn Quốc (ICEPFA) nêu rõ, Bộ trưởng Bộ Môi trường đưa ra kỹ thuật thân thiện với môi trường nhất để thiết kế, lắp đặt, vận hành, quản lý các cơ sở phát thải và phòng ngừa khi xem xét các vấn đề sau. Theo đó, một kỹ thuật bao gồm các kỹ thuật quản lý áp dụng về mặt kỹ thuật và kinh tế (gọi là BAT) có khả năng thực hiện tại cơ sở sản xuất; tạo hiệu quả trong việc giảm lượng chất thải gây ô nhiễm; giảm chi phí trong việc áp dụng và vận hành các kỹ thuật quản lý môi trường; giảm chất thải, tăng tái chế; đem lại hiệu quả sử dụng năng lượng; có thể chủ động quản lý ô nhiễm bằng cách giảm nguồn gây ô nhiễm. Ngoài ra, các vấn đề cụ thể được quy định chi tiết trong Thông tư do Bộ Môi trường ban hành.

Tại Việt Nam, BAT chưa được áp dụng phổ biến. Năm 2009 - 2011, Dự án BAT/BEP do Tổng cục Môi trường, Bộ TN&MT chủ trì thực hiện đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, cho thấy nỗ lực của Việt Nam khi tham gia các Công ước quốc tế nhằm giảm thiểu ô nhiễm và phát thải khí nhà kính. Dự án đã góp phần tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật độc lập, đáp ứng yêu cầu chuyên môn về áp dụng BAT tại các loại nguồn phát thải công nghiệp để giảm bớt phát thải chất ô nhiễm hữu cơ khó phân



▲ Áp dụng BAT sẽ góp phần ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường

hủy phát sinh không chủ định (UP - POP); hỗ trợ phối hợp việc thực hiện Kế hoạch thực hiện Công ước Stockholm với hoạt động sản xuất sạch hơn trong công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả giảm thiểu phát thải các UP - POP; tăng cường năng lực quan trắc các chất UP - POP (hỗ trợ đáp ứng yêu cầu, điều kiện tiên quyết để thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Công ước Stockholm); xây dựng phương pháp đánh giá chi phí - lợi ích của việc áp dụng BAT ở cấp doanh nghiệp và cấp ngành. Bên cạnh đó, BAT cũng đã được các nhà khoa học tiến hành nghiên cứu đối với một số loại hình sản xuất như bột giấy, xi măng.

Tuy nhiên, BAT chưa được quy định trong Luật BVMT 2014, mặc dù Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT đã đề cập đến khái niệm

này tại Khoản 4, Điều 14 về lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cụ thể: “Các dự án áp dụng phương pháp BAT và kinh nghiệm quản lý môi trường tốt nhất theo quy định của Bộ trưởng Bộ TN&MT”. Bên cạnh đó, chưa có văn bản pháp luật nào hướng dẫn việc áp dụng BAT tại Việt Nam. Chính vì vậy, BAT chưa đi vào thực tiễn quản lý môi trường.

Yêu cầu cấp thiết của thực tiễn cho thấy, thay đổi cách tiếp cận trong quản lý môi trường theo hướng ngăn ngừa, kiểm soát ô nhiễm là xu thế tất yếu của thế giới để hướng tới phát triển bền vững và giải quyết bất cập trong quản lý môi trường tại Việt Nam hiện nay. Việc áp dụng BAT và các hình thức tương tự của BAT sẽ đáp ứng được yêu cầu này, do đó, Việt Nam cần sớm áp dụng BAT nhằm tăng cường ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm công nghiệp ■



Cần có sự kết nối của nhà khoa học và doanh nghiệp trong việc nghiên cứu và ứng dụng

Nhân dịp Lễ trao Giải thưởng L'Oréal – UNESCO “Vì sự phát triển phụ nữ trong khoa học” cho các nhà khoa học nữ xuất sắc năm 2019, Tạp chí Môi trường có cuộc trò chuyện với PGS.TS Hồ Thị Thanh Vân, Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Quan hệ Đối ngoại – Trường Đại học TN&MT TP. HCM, là 1 trong 3 nhà khoa học trẻ xuất sắc được vinh danh.



▲ PGS.TS Hồ Thị Thanh Vân, Trưởng phòng Khoa học công nghệ và Quan hệ Đối ngoại – Trường Đại học TN&MT TP. HCM

★Xin chúc mừng PGS.TS Hồ Thị Thanh Vân được vinh danh là 1 trong 3 nhà khoa học trẻ xuất sắc “Vì sự phát triển phụ nữ trong khoa học” năm 2019. Giải thưởng có ý nghĩa như thế nào đối với hoạt động hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) và giảng dạy mà chị đang theo đuổi?

PGS.TS Hồ Thị Thanh Vân: Đối với tôi, giải thưởng này là vinh dự rất lớn cho bản thân, gia đình và đơn vị công tác, đồng thời sự ghi nhận, động viên cho người nghiên cứu đang theo đuổi con đường này. Giải thưởng cũng là nguồn hỗ trợ quý báu để tôi có điều kiện tiếp tục nghiên cứu sâu các dự án mang tính cấp thiết để đóng góp cho xã hội, cũng như phát triển tiềm lực nhóm nghiên cứu đào tạo mô hình NCKH cho các bạn sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

★Chị cho biết đôi nét về đề tài nghiên cứu mà chị thực hiện được Hội đồng bình chọn, trao giải?

PGS.TS Hồ Thị Thanh Vân: Đề án nghiên cứu tổng hợp xúc tác nano hợp kim Pt-Mo trên vật liệu nano $Ti_{0,8}W_{0,2}O_2$ để nâng cao khả năng chịu đầu độc CO và giảm giá thành cho loại pin nhiên liệu sử dụng trực tiếp methanol là một dạng năng lượng tái tạo. Hướng nghiên cứu này sẽ mang đến lợi ích thiết thực trong việc sử dụng rộng rãi pin nhiên liệu, để thay thế các loại nhiên liệu hóa thạch và giảm sự nóng lên toàn cầu do khí thải CO_2 . Pin nhiên liệu methanol trực tiếp (DMFC) là một trong những thiết bị chuyển đổi năng

lượng điện hóa tiềm năng nhất do mật độ năng lượng cao, dễ sử dụng, thân thiện môi trường và nhiệt độ hoạt động thấp. Tuy nhiên, việc thương mại hóa loại pin nhiên liệu này bị cản trở bởi nhiều yếu tố như chi phí cao, trữ lượng thấp, tính không ổn định của chất xúc tác Pt, khả năng dễ bị đầu độc bởi các chất trung gian như CO hoặc CHO.

Đề án nghiên cứu cũng sẽ giúp giải quyết việc giảm sử dụng kim loại quý Pt, đồng thời cải thiện hiệu suất của hợp kim so với Pt nguyên chất, nhờ đó nâng cao hoạt tính và thời gian hoạt động của xúc tác điện hóa Pt, mang đến hiệu quả về chi phí, hoạt động và độ bền cao để có thể thương mại hóa được loại pin nhiên liệu thân thiện với môi trường này trong thời gian không xa.

★Có ý kiến cho rằng, làm khoa học đã khó, phụ nữ làm khoa học còn khó khăn hơn, nhất là việc xin tài trợ cho các đề tài do giới nữ thực hiện. Theo chị, thuận lợi và khó khăn trong việc thúc đẩy phát triển các công trình, đề tài NCKH hiện nay là gì?

PGS.TS Hồ Thị Thanh Vân: Khó khăn lớn nhất có lẽ do điều kiện và môi trường nghiên cứu ở Việt Nam còn nhiều thiếu thốn cả về kinh phí thực hiện dự án và điều kiện trang thiết bị cho các nghiên cứu mới. Để thúc đẩy việc phát triển các công trình mới, người nghiên cứu phải thật sự tâm huyết, tăng cường hợp tác xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, doanh nghiệp trong nước và đối tác nước ngoài để tạo thúc đẩy các nghiên cứu mang tính ứng dụng cao.



▲ Phó Chủ tịch nước Đặng Thị Ngọc Thịnh và Ban Tổ chức trao giải “Vì sự phát triển phụ nữ trong khoa học” cho 3 nhà khoa học nữ xuất sắc Việt Nam 2019

Việc xây dựng một mô hình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh sẽ hỗ trợ đào tạo và hướng dẫn sinh viên, thạc sĩ, nghiên cứu sinh... giúp họ có điều kiện tốt nhất để phát triển, thúc đẩy nghiên cứu.

***Hiện nay rất nhiều vấn đề môi trường được dư luận xã hội quan tâm như tình trạng ô nhiễm không khí, rác thải sinh hoạt, biến đổi khí hậu (BĐKH)... Là người công tác trong ngành TN&MT, chị có ý tưởng gì về vấn đề nghiên cứu khoa học, ứng dụng trong công tác BVMT, chống BĐKH trong thời gian tới?**

PGS.TS Hồ Thị Thanh Vân: Các vấn đề về môi trường cần được quan tâm như: Quản lý chất thải rắn bằng mô hình phân loại tại nguồn triệt để và cần có các giải pháp xử lý tái chế tái sử dụng hiệu quả khả thi phù hợp với điều kiện Việt Nam; Đánh giá được thực trạng ô nhiễm không khí và có giải pháp quản lý chất lượng không khí hiệu quả cũng như các giải pháp PTBV lâu dài; Phát triển nguồn năng lượng tái tạo cũng như tiết kiệm năng lượng để thích ứng và giảm thiểu tác động của BĐKH; Phát triển các vật liệu mới, vật liệu xanh thân thiện với môi trường hướng đến PTBV.

***Theo chị, cần những chính sách gì gắn kết những thành quả nghiên cứu với ứng dụng thực tiễn trong các doanh nghiệp?**

PGS.TS Hồ Thị Thanh Vân: Cần có sự kết nối của nhà khoa học và doanh nghiệp nhiều hơn nữa, ví dụ như doanh nghiệp có thể đầu tư một khoản kinh phí dành cho NCKH để các sinh viên, nhà khoa học tham gia để tài mang tính ứng dụng cao, từ đó hỗ trợ cho doanh nghiệp phát triển, thay đổi công nghệ. Đồng thời, khi doanh nghiệp có nhu cầu đặt hàng để tài, giải pháp công nghệ... cần thông tin đến các nhà khoa học, đơn vị nghiên cứu để hai bên cùng hỗ trợ nhau, tạo sự gắn kết cao trong việc nghiên cứu và ứng dụng.

***Câu chuyện thành công của chị đã truyền cảm hứng cho bạn bè đồng nghiệp trẻ và sinh viên tại trường Đại học TN&MT TP.HCM**

trong NCKH. Vậy để có thể theo đuổi và gắn bó với con đường NCKH, theo điều gì là quan trọng nhất?

PGS.TS Hồ Thị Thanh Vân: Theo tôi, điều quan trọng nhất có lẽ là niềm đam mê, nhiệt huyết và luôn hết sức mình trong công việc. Việc đặt mục tiêu khi chọn lựa thực hiện điều gì cũng phải có ý nghĩa thiết thực, đóng góp cho cộng đồng xã hội cũng như các thế hệ trẻ.

Ngoài ra, để đạt được thành công trong nghiên cứu khoa học cần hội tụ đủ những yếu tố: Nền tảng kiến thức tốt; Sự đam mê tìm tòi cái mới; Khả năng học hỏi cao, làm việc nhóm tốt. Ngoài ra, cần có suy nghĩ mạnh dạn, tư duy để thay đổi, nhằm đem đến điều tốt đẹp cho xã hội theo hướng “Khoa học làm thay đổi cả thế giới”.

***Trân trọng cảm ơn chị.**

NAM HƯNG
(Thực hiện)

Bảo tồn cây cổ thụ - Mô hình của dân, do dân, vì dân

GS.TSKH ĐẶNG HUY HUỲNH - PHÙNG QUANG CHÍNH

Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

Thời gian tuy chưa dài nhưng có thể khẳng định sự kiện bảo tồn cây cổ thụ, mà Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam (VACNE) phát động cách đây 10 năm với tên gọi “Bảo tồn Cây Di sản Việt Nam” là mô hình của dân, do dân, vì dân. Bởi tới nay, hoạt động Bảo tồn Cây Di sản đã lan rộng khắp cả nước và được người dân tích cực hưởng ứng.

MÔ HÌNH TỪ Ý TƯỞNG CỦA DÂN

Có thể nói, truyền thống bảo vệ, chăm sóc cây cổ thụ trong cộng đồng các dân tộc, trong các làng quê của Việt Nam đã có từ lâu đời, xuất phát từ tinh thần tự nguyện. Chính nhờ thế, khi VACNE khởi xướng (năm 2010) đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của cộng đồng. Hơn thế nữa, các hoạt động của mô hình này do dân tự tổ chức và sáng tạo, vì lợi ích chung của cộng đồng.

Xuất phát từ nhận thức đó, cũng như nhận biết rõ giá trị to lớn của cây cổ thụ; vai trò to lớn của cộng đồng trong BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), VACNE đã khởi xướng, tổ chức sự kiện Bảo tồn Cây Di sản Việt Nam. Sự kiện được tổ chức trong bối cảnh cả nước cùng hướng về Đại lễ nghìn năm Thăng Long Hà Nội; các ngành, cấp và người dân cùng hưởng ứng Năm quốc tế về ĐDSH (2010); Kế hoạch quốc gia bảo tồn và phát triển bền vững ĐDSH của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ.

Để có niềm tin của cộng đồng, mọi hoạt động liên quan đến mô hình đều được VACNE phổ biến công khai và rộng rãi, với những quy định cụ thể. Từ việc thành lập Hội đồng, hồ sơ đăng ký và quy trình xét duyệt, đến phương thức tổ chức công nhận Cây Di sản tại địa phương.

Chính nhờ mục tiêu rõ ràng, không vụ lợi, tổ chức hoạt động minh bạch vì cộng

đồng, nên ngay từ đầu, mọi hoạt động Bảo tồn Cây Di sản Việt Nam được cộng đồng hưởng ứng mạnh mẽ, thu hút mọi tầng lớp trong xã hội tham gia, đặc biệt là những người cao tuổi, các vị chức sắc tôn giáo, lãnh đạo Đảng, Nhà nước và cơ quan truyền thông. Cũng nhờ đó, mô hình Bảo tồn Cây Di sản đã nhanh chóng trở thành phong trào rộng khắp cả nước. Sau khi cây cổ thụ của địa phương được công nhận, một số nơi ở tỉnh Hà Nam, Vĩnh Phúc, TP. Hà Nội, Hải Phòng... đã thành lập Ban Quản lý và Quỹ Bảo vệ chăm sóc Cây Di sản. Vì thế, trong thời gian qua, mô hình vẫn phát triển và tỏa rộng khắp cả nước.

Trong 10 năm qua, VACNE đã xét hàng nghìn hồ sơ, trong đó đã công nhận gần 4.000 cây cổ thụ (thuộc 123 loài thực vật) trên địa bàn 53 tỉnh, thành phố là Cây Di sản Việt Nam, để cộng đồng tổ chức Lễ tôn vinh, khơi dậy niềm tự hào dân tộc và cùng chung tay bảo vệ Cây Di sản. Nếu xét riêng về kinh phí trong 10 năm qua, so với kinh phí trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh của TP. Hà Nội giai đoạn 2016 - 2018 (443 tỉ đồng), thì việc duy trì, bảo vệ gần 4.000 cây cổ thụ của mô hình này đem lại cho xã hội là không nhỏ.

Có được thành quả này là do mô hình đáp ứng được mong muốn của cộng đồng. Bảo tồn cây cổ thụ không chỉ khơi dậy niềm tự hào của người dân địa phương, phát huy truyền thống văn hóa của dân tộc, mà còn góp phần giữ gìn cảnh quan môi trường, thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đây còn là cơ hội tôn vinh nét đẹp truyền thống của người Việt - một cộng đồng các dân tộc biết trân trọng quá khứ, yêu thiên nhiên, môi trường. Những tộc người luôn xác định, cây cổ thụ là cầu nối lịch sử; hoạt động bảo vệ Cây Di sản là cơ hội để bày tỏ lòng biết ơn đối với các bậc tiền nhân. Vì thế, có thể nói, mô hình cộng đồng Bảo tồn Cây Di sản do VACNE triển khai trong những năm qua, với mục tiêu ban đầu là bảo tồn ĐDSH, bảo vệ cảnh quan môi trường, đã vượt quá yêu cầu mong đợi, góp phần phát triển bền vững đất nước và đảm bảo công bằng giữa các thế hệ.

MÔ HÌNH DO DÂN TỔ CHỨC

Để khơi dậy niềm tự hào của mỗi người dân Việt Nam, VACNE đã thống nhất với tên gọi Cây



Di sản Việt Nam, với quan điểm cây cổ thụ đối với các tộc người Việt Nam, không chỉ là tài sản vật chất (cảnh quan môi trường, nguồn gen, thương hiệu sản phẩm...), mà còn là tài sản về tinh thần (nhân chứng lịch sử, hồn quê...). Một số danh mộc đại thụ còn là cột mốc lãnh thổ của quốc gia, là báu vật của các bậc tiền nhân để lại, vì thế được gọi là Cây Di sản Việt Nam.

Tiêu chí xét duyệt công nhận Cây Di sản được công bố công khai, dựa trên các tiêu chí cụ thể (tuổi cây, chiều cao, đường kính thân cây, cùng với những ưu tiên về các giá trị sinh học, lịch sử, văn hóa...); đồng thời những hoạt động bảo vệ, chăm sóc cây, nhất là những cây lâu năm bị sâu bệnh được tiến hành thông qua Hội đồng khoa học chuyên ngành gồm 9 chuyên gia. Trong đó khẳng định rõ vai trò chủ động của cộng đồng, từ khâu khảo sát, xác định tuổi, tự nguyện đăng ký, đến khâu xác nhận chủ sở hữu, phương thức tổ chức lễ gắn biển và chăm sóc, bảo vệ Cây Di sản.

Chính vì thế, trong suốt 10 năm qua, các buổi lễ gắn biển, cách thức tổ chức chăm sóc, bảo vệ Cây Di sản Việt Nam tại các địa phương đa dạng và phong phú. Có buổi lễ công bố Cây Di sản được tổ chức như một lễ hội lớn của địa phương, với hàng nghìn người tham gia. Nhiều buổi lễ đón Bằng công nhận Cây Di sản được gắn với Hội làng, Ngày Đại đoàn kết toàn dân, Ngày giỗ các danh nhân, Ngày giỗ của các dòng tộc... Tất cả các buổi lễ đều diễn ra trang nghiêm, mang màu sắc lễ hội, tạo không khí vui vẻ, đoàn kết, thể hiện rõ nhất là nơi nào cũng có chương trình văn nghệ của quần chúng chào mừng. Nhiều nơi còn tổ chức rước Bằng công nhận Cây Di sản Việt Nam đi khắp xóm thôn, với mọi thành phần lứa tuổi và tầng lớp xã hội tham gia (các cụ cao tuổi, các cháu thiếu nhi, doanh nhân và các vị chức sắc tôn giáo...). Đặc biệt, có nhiều người con xa quê hương, đã quay trở về đất mẹ để chúc mừng. Người dân ở một số nơi cho biết, nhờ có sự kiện vinh danh Cây Di sản, địa phương mới có điều kiện khôi phục lại lễ hội truyền thống đã bị quên lãng từ lâu.



▲ Lễ gắn biển công nhận cây bồ đề ở Hà Nam là Cây di sản Việt Nam

MÔ HÌNH VÌ CỘNG ĐỒNG

Ngoài vai trò bảo vệ cảnh quan môi trường, bảo tồn nguồn gen, khơi dậy nét đẹp văn hóa, truyền thống lịch sử, mô hình còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và tạo sinh kế mới cho dân; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Nhiều địa phương sau khi tổ chức Lễ vinh danh, công nhận Cây Di sản Việt Nam đã phát triển các tuyến du lịch mới, tạo sinh kế cho người dân và gia tăng giá trị sản phẩm của doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Điển hình như cây tấu nghìn tuổi ở Thiên cổ miếu (Việt Trì - Phú Thọ); cây đa trên bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng); rừng pơ mu và đồ quyền huyện Tây Giang (Quảng Nam).

Mô hình này không chỉ mở ra hướng đi mới cho ngành du lịch, tạo thêm lợi ích về kinh tế, mà còn góp phần khẳng định chủ quyền lãnh thổ quốc gia của dân tộc như cây sấu của thôn Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh

Cao Bằng (giữ cột mốc 651 biên giới Việt - Trung); 5 cây (mù u, bàng vuông, phong ba) trên quần đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa. Không chỉ có thế, một số sản phẩm chè Shan tuyết ở Hà Giang, Sơn La, Yên Bái còn được nâng giá trị thương hiệu, giúp cho đồng bào địa phương ổn định đời sống, nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH, BVMT. Bước đầu, họ đã biết giữ gìn những cây quý, ngăn chặn tình trạng chặt cây, bứng gốc bán sang bên kia biên giới.

Tuy thời gian chưa dài, nhưng mô hình Bảo tồn Cây Di sản Việt Nam đã lan tỏa vượt biên giới, được bạn bè một số nước biết đến. Một số nhà khoa học và tình nguyện viên quốc tế: Ôxtrâyliá, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc đã tới tham dự lễ vinh danh, chia sẻ kinh nghiệm chăm sóc, bảo vệ và ủng hộ kinh phí xuất bản cuốn sách ảnh Cây Di sản Việt Nam, vì họ đều cho rằng đây là mô hình hữu ích đối với cộng đồng ■



Thực trạng phát sinh chất thải rắn và biện pháp bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Tuy Hòa

LÊ NGỌC KIM NGÂN - LÊ KHẮC LĨNH
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên

Năm 2013, TP. Tuy Hòa được Thủ tướng Chính Phủ công nhận là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh Phú Yên. Để đạt được mục tiêu trở thành đô thị loại 1 năm 2025, TP. Tuy Hòa đang đầu tư phát triển kinh tế và cơ sở hạ tầng. Cùng với sự phát triển kinh tế mạnh mẽ, lượng CTR phát sinh không ngừng tăng lên về khối lượng, phức tạp về thành phần và tính chất. Hiện nay, lượng CTR này hầu hết được thu gom và xử lý bằng phương pháp chôn lấp, gây ra nhiều vấn đề về môi trường.

THỰC TRẠNG PHÁT SINH, THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT ĐÔ THỊ

Theo báo cáo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên, hiện nay khối lượng CTR phát sinh hàng ngày trên địa bàn TP. Tuy Hòa khoảng 150 tấn. Tuy nhiên, chỉ có một phần nhỏ (khoảng 5%) được thu gom, tái chế, còn lại là chôn lấp tại bãi rác Thọ Vực.

Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) chiếm khoảng 85 - 90% khối lượng CTR phát sinh hàng ngày trên địa bàn TP, chủ yếu là chất hữu cơ, chất thải nhựa... Ước tính hàng năm, lượng CTRSH của TP tăng khoảng 8 - 10% (trung bình 0,7 - 0,8 kg/người/ngày), gây áp lực lớn cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, trong khi năng lực thu gom còn nhiều hạn chế, CTRSH không được phân loại tại nguồn.

Đặc biệt, lượng rác thải nhựa (RTN) trên địa bàn TP có chiều hướng tăng nhanh, do sự tiện lợi của các loại bao bì nhựa và thói quen tiêu dùng của người dân. Đây là nguồn ô nhiễm lớn đối với môi trường do thời gian phân hủy của RTN lâu (khoảng 500 - 1.000 năm). Trong quá trình phân hủy phát sinh nhiều chất nguy hiểm cho con người và môi trường.

Hiện nay, trên địa bàn TP. Tuy Hòa có 16 xe thu gom vận chuyển CTRSH chuyên dụng và hơn 200 công nhân phục vụ công tác vệ sinh. Tần suất thu gom là 7 lần/ tuần đối với khu vực nội thành và 3 lần/ tuần đối với khu vực ngoại thành. Tuy nhiên, lượng CRTSH phát sinh



▲ Bãi rác Thọ Vực là nơi tập trung xử lý CTRSH trên toàn TP. Tuy Hòa

lớn, ý thức BVMT của người dân còn nhiều hạn chế, vẫn còn tình trạng vứt rác bừa bãi, không đúng nơi quy định, nên một lượng lớn CTRSH chưa được thu gom, xử lý triệt để gây ÔNMT, ảnh hưởng đến đời sống người dân. Tỷ lệ thu gom CTRSH trên địa bàn đạt 75 - 85%.

Bên cạnh đó, công tác xử lý CTRSH của TP cũng còn bất cập. Bãi rác Thọ Vực là nơi tập trung xử lý CTRSH phát sinh trên toàn TP, bằng phương pháp chôn lấp theo tiêu chuẩn bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Tuy nhiên do khó khăn về nguồn kinh phí, nên hiện nay bãi chôn lấp Thọ Vực vẫn chưa hoàn thiện hệ thống xử lý nước rỉ rác đạt tiêu chuẩn môi trường.

CTR xây dựng: Cùng với tốc độ đô thị hóa, lượng CTR xây dựng cũng tăng nhanh. Ước tính, CTR xây dựng chiếm khoảng 10 - 15% CTR đô thị. Thành phần chủ yếu của CTR xây dựng là đất, cát, gạch đá vỡ, thủy tinh, bê tông... Lượng CTR xây dựng này thường được các cá nhân, tổ chức ký

hợp đồng thu gom, xử lý hoặc tái sử dụng để làm cấp phối, lót đường. Phương pháp xử lý chủ yếu vẫn là chôn lấp cùng với CTRSH tại bãi rác Thọ Vực.

CTR nguy hại: Lượng CTR nguy hại của các cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp, cơ sở y tế được ký hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý, đảm bảo không thải ra môi trường gây ô nhiễm. Tuy nhiên, lượng chất thải nguy hại chiếm khoảng 1% trong CTRSH đô thị trên địa bàn TP. Nguyên nhân chủ yếu do ý thức của người dân còn hạn chế, các loại chất thải nguy hại như pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang, các loại giẻ lau dầu nhớt, kim tiêm... vẫn lẫn trong chất thải sinh hoạt hàng ngày. Bên cạnh đó, các loại bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu thải bỏ ra môi trường.

TRIỂN KHAI MỘT SỐ DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TP

Trong 2 năm 2004 - 2006, Dự án "Cải thiện công tác quản lý rác thải tại TP. Tuy Hòa" được triển khai thực hiện với sự hỗ



trợ của chính quyền vùng Niagara (Canada). Mục đích của Dự án này là tổ chức thực hiện mô hình thí điểm về phân loại rác thải tại nguồn từ các hộ dân cư trên địa bàn phường 8. Theo đó, rác thải được phân theo từng loại: rác hữu cơ và rác có thể tái sử dụng. Dự án đã giúp người dân nhận thức được tầm quan trọng của việc phân loại rác tại nguồn. Tuy nhiên, Dự án đã không thực hiện phân tích thành phần CTRSH trên địa bàn TP và đặc biệt sau khi Dự án kết thúc thì không có kinh phí để tiếp tục duy trì việc mua sắm trang thiết bị thu gom rác. Mặt khác, TP cũng chưa xây dựng nhà máy phân loại, tái chế và xử lý rác, nên việc thực hiện mô hình thí điểm chưa có hiệu quả.

Dự án “Cải thiện điều kiện vệ sinh và BVMT thị xã Tuy Hòa” do Chính phủ Vương quốc Bỉ tài trợ đã được triển khai từ năm 2006 - 2010. Dự án đã tuyên truyền, vận động nhân dân về ý thức BVMT; cung cấp thùng rác đến các phường, xã; đầu tư trang thiết bị thu gom, vận chuyển rác và xây dựng bãi chôn lấp hợp vệ sinh tại xã Hòa Kiến, TP. Tuy Hòa. Dự án đã góp phần xây dựng bãi chôn lấp Thọ Vực hợp vệ sinh, đầu tư trang thiết bị, phục vụ thu gom rác (4 xe thu gom chuyên dụng, 600 thùng rác loại 240 lít và 660 lít bằng nhựa composit tại các điểm tập kết rác, các hẻm phố được bê tông hóa nhằm thuận tiện cho việc thu gom xử lý với tổng diện tích 22.700 m²).

Tháng 10/2019, Trung tâm hỗ trợ phát triển xanh (Greenhub) đã triển khai Dự án kiểm toán rác thải sinh hoạt và giám sát rác thải nhựa ven biển trên địa bàn TP. Tuy Hòa. Theo đó, tổ chức kiểm toán rác thải sinh hoạt tại 56 hộ gia đình thuộc phường 4; 3 nhà hàng (Thuận Thảo, Hoàng Gia, Cannary); 6 khách sạn (Kaya, Sala, Công Đoàn, Sao Việt, Hoàng Kim, Hiệp Yến); 2 trường học (Dân tộc nội trú tỉnh và Duy Tân) và giám sát 3 bãi biển (Hòn Yến - huyện Tuy An; Tuy Hòa; biển Lò 2 - huyện Đông Hòa). Kết quả đã có 13.882 kg rác thải sinh hoạt được kiểm toán; 54.931 rác thải có nhãn hiệu được phân loại và khảo sát; 40 kg rác biển được khảo sát. Kết quả kiểm toán bước đầu cho thấy, tình trạng ô nhiễm CTR, RTN tại TP. Tuy Hòa và đề xuất các kiến nghị để công tác quản lý CTR đạt hiệu quả. Ngoài ra, Greenhub còn tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, các trường học về quy trình ủ phân compost, ủ enzym hữu cơ từ CTRSH. Hoạt động này đã nhận được sự hưởng ứng từ các cơ quan đoàn thể, trường học và đang từng bước được nhân rộng.

Tháng 11/2019, Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên tại Việt Nam (WWF tại Việt Nam) đã phối hợp với các chuyên gia của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên triển khai công tác phân loại CTRSH trên địa bàn TP. Tuy Hòa, nhằm tiến hành thu thập dữ liệu làm cơ sở cho công tác quản lý. Qua đó, đề xuất phương hướng, giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng nhằm giảm thiểu RTN, tiến đến thay thế loại bỏ RTN trên địa bàn toàn tỉnh. Dự án hiện đang được triển khai và dự tính kéo dài đến năm 2021.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG CỦA CTR TRÊN ĐỊA BÀN TP

Để giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe con người của CTR trên địa bàn TP. Tuy Hòa cần triển khai đồng bộ các giải pháp:

Rà soát và xây dựng cơ chế chính sách như xây dựng phí BVMT đối với CTR; xây dựng lại các mức thu phí vệ sinh môi trường sao cho phù hợp với thực tiễn; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các ngành trong quản lý CTR; tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về BVMT; xã hội hóa hoạt động BVMT nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH.

Tổ chức hoạt động thu gom, bổ sung nhân lực và phương tiện thu gom (xe thu gom chuyên dụng, xe đẩy tay, xe kéo rác...) nhằm nâng tần suất và hiệu quả thu gom, nhất là đối với các địa bàn xã phường ngoại thành, các tuyến hẻm nhỏ.

Ưu tiên kinh phí đầu tư hoàn thiện hệ thống xử lý nước rỉ rác tại bãi rác Thọ Vực. Áp dụng các công nghệ xử lý mới, tiên tiến nhằm tận dụng nguồn tài nguyên rác thải như công nghệ ủ phân compost tận dụng nguồn chất thải hữu cơ, các công nghệ đốt rác thu hồi năng lượng...

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động liên quan đến lĩnh vực môi trường trên địa bàn, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm theo quy định hiện hành của pháp luật; tăng cường công tác quan trắc môi trường trong quản lý để kịp thời cảnh báo diễn biến ô nhiễm, đặc biệt là các điểm quan trắc tại bãi rác.

Đẩy mạnh các chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng; đưa giáo dục môi trường vào chương trình giáo dục ở các cấp học; tổ chức thí điểm các mô hình thu gom, xử lý CTR tại các cộng đồng dân cư. Hiện nay trên địa bàn TP có các phong trào “Ngày thứ bảy tình nguyện”, “Ngày chủ nhật xanh” đồng loạt ra quân làm vệ sinh môi trường như tổ chức phát quang bụi rậm; trồng cây xanh, hoa trên các tuyến đường liên thôn, xóm, đoạn đường thanh niên tự quản và tại cơ quan, đơn vị; thực hiện các công trình vườn cây thanh niên, đường cây thanh niên...

Đặc biệt để hưởng ứng phong trào “Chống RTN”, UBND tỉnh Phú Yên đã ban hành Kế hoạch triển khai phát động phong trào “Chống RTN” và tăng cường kiểm soát ÔNMT do sử dụng túi ni lông khó phân hủy trên địa bàn tỉnh Phú Yên nói chung và TP. Tuy Hòa nói riêng. ■



Xử lý rác thải sinh hoạt bằng điện rác tại Hưng Yên - Công nghệ bảo vệ môi trường hữu hiệu

Sự phát triển kinh tế cùng với sự gia tăng dân số đã làm cho lượng rác thải sinh hoạt tại Việt Nam không ngừng tăng cả về số lượng và thành phần, gây khó khăn cho công tác quản lý. Để giải quyết tình trạng này, các cơ quan chức năng đang có nhiều định hướng về xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) đô thị, trong đó có việc chuyển đổi sang công nghệ đốt phát điện góp phần quản lý đô thị và BVMT bền vững. Với công nghệ này, Nhà máy xử lý rác công nghệ cao do Công ty TNHH Sa Mạc Xanh làm chủ đầu tư đã được xây dựng và đưa vào vận hành tại phường An Tảo (TP. Hưng Yên). Để tìm hiểu về công nghệ này, Phóng viên Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với ông Nguyễn Gia Long - Giám đốc điều hành Công ty TNHH Sa Mạc Xanh.



▲ Ông Nguyễn Gia Long - Giám đốc điều hành Công ty TNHH Sa Mạc Xanh

★ Ông đánh giá như thế nào về tình hình phát thải CTRSH tại TP. Hưng Yên hiện nay?

Ông Nguyễn Gia Long: Cũng như nhiều địa phương trên cả nước, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân tại Hưng Yên được nâng cao, kéo theo sự gia tăng CTRSH ở các khu đô thị, khu công nghiệp, nông thôn. Hiện tổng lượng CTRSH phát sinh của tỉnh Hưng Yên trong năm 2018 khoảng 650 tấn/ngày, riêng địa bàn TP. Hưng Yên phát sinh khoảng 75 tấn/ngày và còn tăng nhiều hơn vào các dịp lễ, tết, trong đó tỷ lệ rác thải đô thị được thu gom, xử lý đạt 87%. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của TP do Công ty TNHH Một thành viên môi trường và công trình đô thị Hưng Yên thực hiện, với phương thức thu gom, vận chuyển hàng ngày tại các phường, khu phố nội thành; vận chuyển rác thải định kỳ 3 lần/tuần từ điểm tập kết của các xã ngoại thành. Rác thải sinh hoạt của 9 huyện, thị xã còn lại thông qua 879 tổ vệ sinh môi trường tự quản tại 100% số thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh, có 2.211 người tham gia thu gom rác thải từ hộ gia đình đến các điểm tập kết, bãi chôn lấp rác thải, với tỷ lệ rác thải được thu gom, vận chuyển, xử lý đạt khoảng 76% (tương đương 428 tấn/ngày).

Như vậy, toàn tỉnh Hưng Yên còn 24% rác thải nông thôn, 13% rác thải đô thị phát sinh chưa được vận chuyển, xử lý, tồn đọng tại các điểm tập kết, gây ô nhiễm môi trường và

ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân. Đặc biệt, hiện tại, quỹ đất dành cho chôn lấp của Hưng Yên đã gần quá tải, trong khi đó lượng rác thải vẫn ngày một tăng.

★ Để giải quyết tình trạng trên, Công ty TNHH Sa Mạc Xanh đã xây dựng và đưa vào vận hành Nhà máy xử lý rác công nghệ cao tại phường An Tảo, ông có thể cho biết những ưu điểm của công nghệ?

Ông Nguyễn Gia Long: Trước thực tế trên, chính quyền địa phương nhận thấy, cần thiết phải triển khai một nhà máy xử lý rác công nghệ cao tại TP. Hưng Yên, giúp giảm áp lực tiếp nhận rác thải cho khu vực chôn lấp hiện đã quá tải.

Được sự ủng hộ của chính quyền tỉnh Hưng Yên, Công ty TNHH Sa Mạc Xanh, là công ty khởi nghiệp sáng tạo nhằm triển khai thương mại công nghệ điện rác độc quyền của Công ty TNHH Thủy lực - Máy (HMC) đã đầu tư dây chuyền công nghệ để xử lý

rác thải bằng công nghệ khí hóa với 12 bằng sáng chế độc quyền trong và ngoài nước tại phường An Tảo (TP. Hưng Yên). Đây là công nghệ duy nhất được Bộ Khoa học Công nghệ cấp giấy chứng nhận và đã được kiểm định.

Công nghệ khí hóa là công nghệ xử lý chất thải rắn trong môi trường nhiệt độ cao và thiếu ô xi để tạo ra khí tổng hợp (syngas) làm nhiên liệu chạy máy phát điện. Với toàn bộ hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị được Công ty HMC chế tạo tại Nhà máy đặt ở Khu công nghiệp Đồng Văn - Hà Nam. Theo đó, rác tiếp nhận hàng ngày không cần phân loại đầu nguồn, được đưa trực tiếp vào hệ thống phân loại tự động nhằm loại bỏ hết các thành phần như vật liệu xây dựng, ni lông... để hàm lượng vật chất được đồng đều hơn. Do tính chất, rác tại Việt Nam có độ ẩm cao, nên sau khi được phân loại tự động, rác sẽ được đưa qua hệ thống ép vắt hữu cơ để



chia rác đã phân loại thành hai dòng vật chất: Nước mô mềm giàu dinh dưỡng hữu cơ và xơ bã rác đã vắt kiệt nước. Lượng xơ bã rác được đưa qua một hệ thống sấy để tiếp tục làm giảm triệt để độ ẩm trước khi đưa vào lò khí hóa ở nền nhiệt độ cao. Do đặc điểm lò kín không sử dụng ô xi, quá trình khí hóa không phát sinh dioxin và furan (một hợp chất vô cùng độc hại không bao giờ mất đi nếu đã được hình thành và tái tổ hợp trong quá trình đốt).

Sau khi khí hóa xong, một lượng lớn khí syngas sẽ được sinh ra để làm nguyên liệu sạch chạy máy phát điện, đây là nguồn năng lượng chủ yếu để hỗ trợ các hoạt động của Nhà máy cũng như chạy lồng sấy xơ bã rác ở trên. Phần còn lại dưới đáy lò là lượng than các bon sẽ được lấy trộn với phần nước hữu cơ mô mềm đã được ép vắt ở khâu tiền chế. Đặc điểm của than các bon là cấu trúc lỗ rỗng, giữ độ ẩm cao, kết hợp với lượng dinh dưỡng hữu cơ để hòa trộn vào đất, làm vật liệu cải tạo đất.

Có thể thấy, ban đầu là rác chưa phân loại, qua hệ thống dây chuyền công nghệ khí hóa, rác đã được quay vòng sử dụng vào các mục đích khác nhau. Đây cũng chính là điều tôi muốn nhấn mạnh để hướng tới một kỷ nguyên của nền kinh tế tuần hoàn.

Với những ưu điểm vượt trội như trên, Nhà máy xử lý rác công nghệ cao là một nhà máy tiên tiến, không có ống khói, không phát sinh khí thải, nước thải, an toàn tuyệt đối với môi trường, đảm bảo cuộc sống trong lành cho người dân TP. Hưng Yên, đặc biệt là các hộ dân đã chịu ảnh hưởng nặng nề bởi khu chôn lấp cũ gây ô nhiễm môi trường từ trước tới nay.

***Ông có thể đánh giá những kết quả bước đầu của Nhà máy xử lý rác tại Hưng Yên?**

Ông Nguyễn Gia Long: Tại Việt Nam, đây là Nhà máy đầu tiên áp dụng công nghệ này do Công ty TNHH Sa Mạc Xanh làm chủ đầu tư trực tiếp. Ngoài ra, Công ty còn một Nhà máy thử nghiệm chuyên chế tạo máy móc và dây chuyền công nghệ tại Khu công nghiệp Đồng Văn - Hà Nam. Đầu năm 2018, Nhà máy đã vinh dự được Thủ tướng cùng các cơ quan ban, ngành Trung ương và địa phương về thăm dây chuyền công nghệ và được đánh giá cao.

Với Nhà máy tại Hưng Yên, chỉ sau 5 tháng xây dựng, Công ty TNHH Sa Mạc Xanh đã từng bước tiếp nhận lượng rác hàng ngày để xử lý. Bằng sự đánh giá khách quan trong công tác đo kiểm của cơ quan quản lý nhà nước



▲ Lò khí hóa đa nhiên liệu của Nhà máy xử lý rác công nghệ cao tại Hưng Yên

và chính quyền địa phương, các hộ gia đình khu vực xung quanh có thể thấy rằng, việc đưa công nghệ này vào xử lý môi trường là một quyết định hoàn toàn đúng đắn.

Song song với việc xử lý rác, mỗi tháng, Công ty đã và đang cung cấp cho bà con nông dân xung quanh khu vực Nhà máy dùng thử hàng trăm tấn vật liệu hữu cơ cải tạo đất với những phản hồi rất tích cực.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ triển khai xây dựng Dự án tương tự tại một số tỉnh, thành phố trên cả nước và một số quốc gia, điển hình là Nigeria.

***Nhằm đưa công nghệ vào sản xuất thương mại, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phát triển kinh tế, ông có đề xuất, kiến nghị gì?**

Ông Nguyễn Gia Long: Là một đơn vị khởi nghiệp sáng tạo với khao khát được góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường bằng lợi thế công nghệ sẵn có. Hiện tại, công nghệ của Công ty là một công nghệ đột phá. Tuy nhiên, vì tính đột phá, tính mới, nên chưa có đầy đủ quy định pháp

luật để được áp dụng. Điều này gây mất nhiều thời gian cho doanh nghiệp trong công tác triển khai. Do đó, Công ty mong muốn, cơ quan quản lý nhà nước sớm ban hành các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn để có cơ sở áp dụng và cơ chế, chính sách để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Đối với việc xây dựng Nhà máy mà Công ty đã thực hiện, việc bỏ ra một số kinh phí lớn mà không có sự trợ giúp của các tổ chức tín dụng là một gánh nặng rất lớn cho doanh nghiệp. Vì thế, Nhà nước cần tạo cơ chế thông thoáng, ưu tiên cho doanh nghiệp khởi nghiệp, nhất là doanh nghiệp trong lĩnh vực xử lý môi trường để có thể dễ dàng tiếp cận được nguồn vốn với lãi suất ưu đãi, giảm điều kiện vay vốn về thủ tục, tài sản bảo đảm, qua đó, doanh nghiệp có cơ hội được triển khai rộng rãi các công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, góp phần phát triển bền vững đất nước.

***Trân trọng cảm ơn ông!**

HỒNG NHUNG
(Thực hiện)



Giảm thiểu rác thải nhựa trên các dòng sông, cửa sông ven biển bằng phương pháp tiếp cận tổng hợp quản lý từ nguồn

NGUYỄN THẾ

Viện TN&MT biển

Ô nhiễm rác thải nhựa (RTN) đang là một vấn đề “nhức nhối” đối với nhiều dòng sông, cửa biển ở nước ta. RTN “bóp nghẹt” dòng chảy của các dòng sông và khi trôi ra biển, việc xử lý RTN sẽ càng thêm khó khăn vì việc đầu tư nghiên cứu và xử lý các vấn đề trên biển khác trên đất liền. Theo thống kê, hiện có khoảng 40 - 70% RTN trên biển là từ đất liền, nên việc ngăn chặn RTN ngay tại nguồn là rất quan trọng.

ÁP LỰC RTN TRÊN CÁC DÒNG SÔNG VÀ CỬA BIỂN

Tại cửa sông Ông Đốc, là trung tâm của thị trấn Sông Đốc (Cà Mau), hàng trăm người dân sống ven hai bên bờ và các kênh, rạch nhỏ nối ra cửa sông. Thời gian gần đây, do ý thức kém, nhiều người dân vô tư xả rác, nên mỗi khi thủy triều lên, túi ni lông, hộp xốp, các vật dụng nhựa nổi lênh bênh trôi theo dòng nước. Khi nước rút, vẫn còn đó những rác thải trên đọng lại hai bên bờ sông.

Cũng giống như vậy, tại tỉnh Thừa Thiên - Huế, sông Hương đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm RTN nghiêm trọng. Kết quả nghiên cứu của Khoa Môi trường, Đại học Huế cho thấy, một đoạn sông Hương từ cầu Dã Viên đến cầu Chợ Dinh (kéo dài khoảng 5 km), dưới đáy sông đã chứa 543,8 tấn RTN (nếu tính khối lượng khô là 149,1 tấn). Khối lượng nhựa tồn tại ở đáy sông có xu hướng tăng dần theo dòng chảy của sông.

Không chỉ sông Hương, thực trạng này đang xảy ra ở cửa sông lớn nhất miền Bắc - cửa Ba Lạt, nơi sông Hồng chảy ra biển. Do rất gần với Vườn quốc gia Xuân Thủy, nên ô nhiễm RTN tại cửa sông Ba Lạt có thể ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng ngập mặn ở đây. Trước những mối lo về môi trường sinh thái, năm 2018, TS. Chelsea Rochman, Khoa Sinh thái học và Sinh học tiến hóa, Đại học Tổng hợp Toronto (Canada) đã phối hợp với một số nhà nghiên

cứu của Tổ chức Bảo tồn đại dương và Viện Nghiên cứu Biển và hải đảo đánh giá hiện trạng ô nhiễm RTN ở khu vực cửa Ba Lạt. Kết quả khảo sát các điểm dọc theo bờ sông, cửa sông, phần đê sông và phần đất hướng ra biển cho thấy, các điểm dọc sông Hồng là nơi có mật độ rác thải cao nhất.

Hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn là lưu vực sông (LVS) lớn thứ 9 tại Việt Nam, được xem là hệ thống sông lớn duy nhất tại khu vực miền Trung đổ ra Biển Đông từ khu vực Hội An cũng đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm rác thải từ đầu nguồn. Qua kết quả khảo sát, thống kê sơ bộ từ Nhóm tư vấn chất thải và nguồn (RWA), với sự tài trợ của Viện Nước quốc tế Thụy Điển (SIWI) trong tháng 10/2019, có 3 nguồn rác thải chủ yếu phát sinh trên LVS Vu Gia - Thu Bồn gồm rác thải sinh hoạt, rác thải thương mại và rác thải du lịch với tổng lượng phát sinh đạt gần 1.650 tấn/ngày (khu vực đô thị chiếm gần 70%). Tổng lượng RTN phát sinh ở LVS Vu Gia - Thu Bồn là 281 tấn/ngày, trong đó lượng RTN không được thu gom là 36,5 tấn/ngày.

Ô nhiễm nhựa tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến áp lực cho các loài thủy sinh, hủy hoại giá trị thẩm mỹ các bãi biển, cũng như tích tụ chất độc sinh học rò rỉ từ RTN. Các chuyên gia cũng cảnh báo, nếu khoảng 10% - 25% lượng chất thải không được kiểm soát sẽ đi vào nguồn nước mỗi ngày. Kết quả là sẽ có từ 3,7 - 9,1 tấn RTN có

khả năng rò rỉ vào nguồn nước. Do đặc thù LVS khu vực miền Trung có độ dốc lớn, nước chảy nhanh, nên các tác động, tổn thương từ thượng nguồn sẽ lan xuống hạ lưu nhanh hơn LVS ở những vùng khác.

TIẾP CẬN PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ TỔNG HỢP RTN TỪ NGUỒN TỚI BIỂN

Quản lý tổng hợp RTN từ nguồn tới biển là phương pháp mới rất hiệu quả, đang được áp dụng thí điểm tại hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn, nhằm ngăn chặn RTN từ đầu nguồn theo dòng nước chảy xuống vùng hạ lưu tỉnh Quảng Nam và TP. Đà Nẵng. Đây là Dự án Quản lý tổng hợp LVS Vu Gia - Thu Bồn và khu vực ven biển Quảng Nam - Đà Nẵng, được IUCN hỗ trợ kỹ thuật, phối hợp cùng UBND TP. Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam triển khai với thời gian 3 năm (2017 - 2020).

Thực hiện Dự án này, TP. Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam đã ký kết thỏa thuận phối hợp quản lý LVS Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng. Theo đó, hai địa phương cùng xây dựng kế hoạch, quy hoạch quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước LVS Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ biển. Trong đó, vấn đề tài nguyên nước phải được đặt trong mối quan hệ với các hoạt động phát triển khác trong cùng lưu vực, vùng bờ, trong mối liên kết giữa LVS từ thượng lưu đến hạ lưu và vùng ven biển của 2 địa phương.



Việc áp dụng phương pháp tiếp cận tổng hợp quản lý RTN từ nguồn đã giúp 2 địa phương giải quyết các vấn đề cấp bách trong quản lý khu vực giữa cửa sông và vùng bờ biển tại LVS Vu Gia - Thu Bồn.

Chính quyền 2 địa phương ở thượng nguồn và hạ nguồn đã cùng thảo luận về hoạt động tăng cường điều phối giữa các bên, để đưa ra phương án ngăn chặn rác thải từ đầu nguồn. Đây là việc quan trọng và phù hợp trong bối cảnh ô nhiễm gia tăng ở LVS Vu Gia - Thu Bồn. Qua thảo luận cho thấy, khó khăn của các chính quyền địa phương như Đà Nẵng, Quảng Nam là tìm ra công nghệ xử lý rác phù hợp, vị trí đặt tại các cơ sở xử lý chất thải mới. Trong khi đó, lượng RTN, nhất là nhựa dùng một lần lại có dấu hiệu gia tăng; việc phân loại rác tại nguồn chưa hiệu quả; những đồ nhựa sử dụng một lần trên thị trường quá tiện lợi và rẻ nên người dân lạm dụng...

Song song với đó, nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu RTN từ nguồn đã được chính quyền

2 địa phương thực hiện như ban hành các quy định về hạn chế, giảm sử dụng RTN; tăng cường áp dụng mô hình phân loại và tái chế RTN từ nguồn; tập trung vào việc nâng cao nhận thức và trách nhiệm của lực lượng ngư dân, tiểu thương, chủ cơ sở nhà hàng, khách sạn nhằm hạn chế các hành vi xả thải; khuyến khích hành động phân loại và tái chế rác có hiệu quả và cam kết không xả thải RTN xuống biển; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, cũng như doanh nghiệp thay đổi hành vi, ứng xử với các sản phẩm nhựa và RTN.

Từ kinh nghiệm thực tế ở Quảng Nam và Đà Nẵng cho thấy, hiện vấn đề ô nhiễm và

xử lý RTN đã được đưa vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, trên thực tế, vẫn chưa có nghiên cứu xác định các nguồn phát thải nhựa từ đất liền, hoặc thống kê định lượng về lượng RTN tại vùng biển ven bờ. Bởi nhiều khu vực cửa sông ven biển chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất do ô nhiễm RTN. Như vậy, cần nhân rộng ra các địa phương trên cả nước để áp dụng phương pháp quản lý tổng hợp RTN từ nguồn ra biển. Các địa phương cần chia sẻ trách nhiệm trong việc giảm thiểu RTN. Đồng thời, cùng phối hợp triển khai Chương trình giám sát và thống nhất phương án để thu gom, xử lý, phân loại RTN hiệu quả■

CÔNG TY TNHH SONG TINH:

Tích cực chăm lo đời sống cho người lao động

Công ty TNHH Song Tinh là một trong những đơn vị tiên phong trong lĩnh vực môi trường trường công nghiệp tại địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Nhiều năm qua, Công ty đã được Tổng cục Môi trường cấp phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại (mã số QLCTNH: 1.025.V), Sở TN&MT Vĩnh Phúc cấp giấy phép (mã số QLCTNH: 26.003.V). Với mục tiêu “Phát triển bền vững”, Công ty luôn đổi mới công nghệ, chấp hành pháp luật về BVMT trên các lĩnh vực: Môi trường công nghiệp; Thu mua phế liệu công nghiệp; Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp; Tái chế phế liệu, xử lý tái chế phế liệu nhiễm dầu... Cùng với tuân thủ chặt chẽ quy trình, chất lượng sản phẩm gia công, từ năm 2017 đến nay, Công ty đã đầu tư gần 20 tỷ đồng mua sắm các trang thiết bị hiện đại, xây mới 2 xưởng gia công, nâng cấp 10 xe tải trọng lớn có hệ thống GPS để Tổng cục Môi trường kiểm tra, giám sát hành trình.

Gần 20 năm có mặt trên thị trường, với phương châm hoạt động “không chỉ vì lợi nhuận mà hướng đến cộng đồng”, Song Tinh luôn là một trong những doanh nghiệp tiêu



▲ Bà Mai Thị Hồng Nguyên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Song Tinh (ngoài cùng bên phải) cùng Hội Doanh nhân nữ tỉnh Vĩnh Phúc thăm, tặng quà cho đồng bào tỉnh Yên Bái

biểu của tỉnh Vĩnh Phúc và cả nước trong công tác từ thiện nhân đạo. Công ty đang tạo việc làm, thu nhập ổn định cho 104 lao động, trong đó có nhiều con em thương, bệnh binh, với mức lương bình quân từ 7,5-8 triệu đồng/người/năm. Hằng năm, Công ty đều dành ít nhất

từ 400-500 triệu đồng cho các hoạt động từ thiện, nhân đạo. Trong mỗi dịp Tết đến xuân về, năm nào Công ty dành từ 50 -100 suất quà tặng cho các gia đình chính sách trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc■

PT



Tetra Pak - “Cánh chim đầu đàn” trong thu gom, tái chế bao bì tại Việt Nam

Được thành lập vào năm 2003, trải qua 16 năm phát triển tại Việt Nam, Tetra Pak đã khẳng định được thương hiệu doanh nghiệp phát triển bền vững toàn cầu, với ưu tiên chiến lược là BVMT, xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, ít phát thải các bon.

Nhân dịp Xuân Canh Tý 2020, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với ông Tạ Bảo Long - Giám đốc Truyền thông Công ty CP Tetra Pak Việt Nam về những nỗ lực trong công tác BVMT, phương châm hoạt động và định hướng phát triển của Tetra Pak Việt Nam trong thời gian tới.



▲ Ông Tạ Bảo Long -
Giám đốc Truyền thông
Công ty CP Tetra Pak Việt Nam

★ Ông có thể cho biết nguyên tắc hoạt động và một số kết quả nổi bật của Tập đoàn Tetra Pak nói chung, Tetra Pak Việt Nam nói riêng?

Ông Tạ Bảo Long: Công ty CP Tetra Pak Việt Nam là công ty con của Tập đoàn Tetra Pak (Thụy Điển) - doanh nghiệp hàng đầu thế giới về cung cấp giải pháp chế biến và đóng gói thực phẩm. Tetra Pak được thành lập và hoạt động với ý niệm “bao bì phải mang lại nhiều giá trị hơn chi phí tạo ra nó”. Điều này càng có ý nghĩa trong bối cảnh hiện nay khi tài nguyên đang dần cạn kiệt, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Để giải quyết những vấn đề trên, Tetra Pak nói chung và Tetra Pak Việt Nam nói riêng đã gắn yếu tố bền vững vào trong chiến lược phát triển và mọi hoạt động của Công ty với tham vọng xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn, phát thải ít các bon trong toàn bộ chuỗi giá trị của doanh nghiệp.

Để xây dựng mô hình này, Tetra Pak Việt Nam xem xét toàn bộ chuỗi giá trị của sản phẩm. Theo đó, nguyên liệu tạo nên hộp giấy

được khai thác từ rừng tái sinh và kiểm soát chặt chẽ, có chứng nhận của Hội đồng Rừng Thế giới (100% hộp giấy Công ty sản xuất có chứng nhận in trên vỏ hộp). Sản phẩm hộp giấy được sản xuất tại Nhà máy Tetra Pak theo những tiêu chuẩn môi trường nghiêm ngặt nhất để giảm phát thải các bon. Tetra Pak Việt Nam cũng chia sẻ các giải pháp và công nghệ với các nhà sản xuất đồ uống tại Việt Nam để giúp họ tối ưu sản xuất, cắt giảm sử dụng nguyên liệu và năng lượng, hạn chế lãng phí trong quá trình chế biến, đóng gói. Để hộp giấy sau sử dụng tiếp tục mang lại giá trị, Tetra Pak Việt Nam đã làm việc với

các đơn vị thu gom và tái chế để các hộp giấy được tái chế hoàn toàn. Hiện tại, Tetra Pak Việt Nam có quan hệ đối tác với 2 đơn vị thu gom ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và 1 doanh nghiệp tái chế ở Bình Dương. Ngoài ra, Tetra Pak Việt Nam còn hợp tác với các tổ chức môi trường và nhà bán lẻ như Siêu thị LOTTE Mart (Công ty CP Trung tâm Thương mại LOTTE Việt Nam) để thiết lập 30 điểm thu gom vỏ hộp giấy trong cộng đồng. Điểm thu gom vỏ hộp giấy là nơi hướng dẫn người tiêu dùng và thu hồi vỏ hộp giấy đựng đồ uống đã qua sử dụng để tái chế thành những sản phẩm phục vụ trong cuộc sống hàng ngày.

Năm 2019 khép lại, đánh dấu sự thành công rực rỡ của Tetra Pak Việt Nam với 2 giải thưởng phát triển bền vững do Phòng Thương mại Châu Âu (EuroCham) và Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững (VBCSD), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng. Đây là sự đền đáp xứng đáng cho những nỗ lực của Tetra Pak Việt Nam trong công tác BVMT, hướng đến nền kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

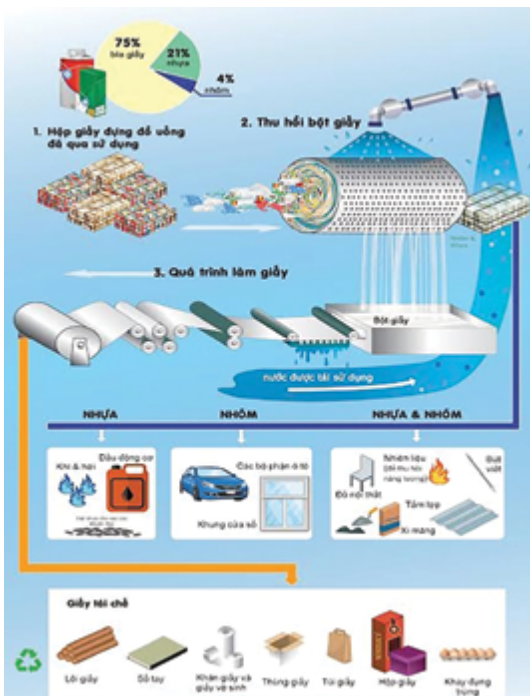


▲ Nhà máy Tetra Pak Bình Dương



Năm 2018, Tetra Pak Việt Nam đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh, các trường tiểu học và mầm non trên địa bàn TP triển khai thí điểm Chương trình phân loại, thu gom, tái chế vỏ hộp sữa tại 30 trường. Từ đó đến nay, Tetra Pak Việt Nam tiếp tục mở rộng Chương trình đến 600 trường tại TP. Hồ Chí Minh và 800 trường tại Hà Nội. Có thể nói, kết quả lớn nhất mà Tetra Pak Việt Nam đạt được đó là sự cam kết và ủng hộ của các cơ quan quản lý như Sở TN&MT, Sở Giáo dục và Đào tạo ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, cũng như của các thầy cô giáo, học sinh, phụ huynh. Nhờ vậy mà Chương trình được đưa vào triển khai nhanh chóng trong một thời gian ngắn. Chúng tôi tin rằng động lực này sẽ giúp Chương trình phân loại, thu gom và tái chế vỏ hộp giấy được phát triển và lan tỏa đến nhiều địa phương khác. Thời gian tới, Tetra Pak Việt Nam sẽ tiếp tục tìm kiếm thêm các đối tác để nâng cao năng lực tái chế và thu gom, giúp vỏ hộp giấy sau khi sử dụng quay trở lại thành tài nguyên có giá trị cho nền kinh tế.

***PV: Nhà máy Tetra Pak Bình Dương được đánh giá là một trong những nhà máy công nghiệp đầu tiên ở Việt Nam áp dụng những tiêu chuẩn về môi trường khắt khe của Chứng nhận LEED Vàng (Hội đồng Công trình xanh của Mỹ). Vậy những điều kiện, yêu cầu và lợi ích của việc đạt được Chứng nhận này là gì, thưa ông?**



▲ Quy trình tái chế vỏ hộp giấy



▲ Các em học sinh được hướng dẫn cách xử lý vỏ hộp sữa sau khi uống

Ông Tạ Bảo Long: Để đạt được mô hình kinh tế tuần hoàn phát thải ít các bon thì quá trình sản xuất hộp giấy của Nhà máy phải giảm thiểu việc phát thải khí nhà kính. Tại Nhà máy Tetra Pak Bình Dương, chúng tôi đang áp dụng tiêu chuẩn LEED Vàng phiên bản 4, là cấp tiêu chuẩn mới và khắt khe nhất được quốc tế công nhận. Để đạt được chứng chỉ này thì ngay từ khâu thiết kế, cho đến xây dựng và vận hành, Nhà máy đã phải tính đến các yếu tố về sử dụng nguyên liệu, năng lượng, rác thải, chất lượng không khí... Nhà máy cũng tích hợp những công nghệ mới nhất và các tiêu chuẩn sản xuất tốt nhất, lấy an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm và tính bền vững làm trọng tâm. Nhờ vậy, hàng năm, Nhà máy có thể tiết kiệm tới 36% năng lượng tiêu thụ, tái sử dụng 21 triệu lít nước và cắt giảm phát thải khoảng 4.000 tấn CO₂, tương đương với lượng phát thải của 200 chuyến bay vòng quanh thế giới. Lợi ích cho môi trường là rất rõ ràng và điều đó cũng giúp các nhà sản xuất, người tiêu dùng yên tâm sử dụng những sản phẩm có ưu thế về môi trường.

***Tham gia vào Liên minh Tái chế bao bì (PRO Vietnam) cùng với 9 công ty khác trong**

lĩnh vực tiêu dùng, bao bì, Tetra Pak Việt Nam kỳ vọng vào điều gì? Ông có đề xuất gì để đóng góp vào sự phát triển bền vững của Liên minh, đem lại nhiều lợi ích cho cộng đồng xã hội?

Ông Tạ Bảo Long: Khi việc tập hợp một số tổ chức làm tái chế bao bì mới chỉ là ý tưởng, Tetra Pak Việt Nam đã quan tâm tham gia vì Tetra Pak hiểu rõ bằng cách hợp tác với những doanh nghiệp khác trong ngành, chúng tôi có thể cùng nhau giải quyết vấn đề chung. Hiện nay, Tetra Pak Việt Nam đang tích cực triển khai nhiều hoạt động tái chế, bao gồm thu gom vỏ hộp sữa giấy tại trường học, giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng, hay hỗ trợ các nhà tái chế về mặt công nghệ. Tuy nhiên, trong PRO Vietnam, còn thiếu sự tham gia của ngành công nghiệp đồ uống, thực phẩm chung sức với những giải pháp hiệu quả và bền vững. Chúng tôi sẽ lấy những chương trình có hiệu quả mà Tetra Pak đang thực hiện, đưa vào PRO Việt Nam để các thành viên có thể nâng tầm và nhân rộng các hoạt động, góp phần đưa đất nước phát triển bền vững, thịnh vượng.

***Trân trọng cảm ơn ông!**

GIÁNG HƯƠNG
(Thực hiện)



Nestlé Việt Nam hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững

Cho tới nay, tất cả Nhà máy do Tập đoàn Nestlé Thụy Sĩ đầu tư và đang vận hành tại Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu không chất thải ra môi trường trong sản xuất. Công ty cũng cam kết tái chế và tái sử dụng 100% bao bì sản phẩm vào năm 2025, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường.

NHỮNG VIÊN GẠCH LÀM TỪ HẠT CÀ PHÊ

Thành lập tại Đồng Nai năm 1995, kể từ đó, Nestlé Việt Nam liên tục mở rộng đầu tư. Hiện tại, Công ty vận hành 4 Nhà máy, 2 Trung tâm phân phối khắp cả nước. Ông Ganesan Ampalavanar - Tổng Giám đốc Nestlé Việt Nam khẳng định: Nestlé cam kết đầu tư lâu dài vào phát triển bền vững không chỉ kinh tế - xã hội mà còn về môi trường. "Rất nhiều sáng kiến tiêu biểu áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn đã và đang được Nestlé Việt Nam triển khai nhằm hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững", ông Ganesan Ampalavanar nói.

Một điển hình là hạt cà phê chất lượng cao - kết quả của dự án phát triển cà phê bền vững Nescafé Plan đã được đưa từ các tỉnh Tây Nguyên đến Nhà máy tại Đồng Nai để sản xuất nhiều dòng cà phê giá trị cao. Bã cà phê sau đó được dùng để sản xuất phân bón và làm chất đốt thay thế nhiên liệu hóa thạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm chi phí sản xuất. Tro hình thành sau quá trình đó sẽ dùng sản xuất gạch thân thiện với môi trường, đạt tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và ứng dụng rộng rãi trong nhiều công trình dân dụng.

Tính đến hết năm 2018, Nestlé Việt Nam đã thu gom hơn 2.700 tấn cát thải để sản xuất gần 5 triệu viên gạch không nung đạt tiêu chuẩn



▲ Ông Ganesan Ampalavanar, Tổng Giám đốc Nestlé Việt Nam chia sẻ với ông Võ Tuấn Nhân, Thứ trưởng Bộ TN&MT các ứng dụng kinh tế tuần hoàn

quốc gia và ứng dụng rộng rãi ở các công trình dân dụng lẫn công nghiệp. Đây cũng là một trong những hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu "Không chất thải ra môi trường trong sản xuất". Các hoạt động khác bao gồm tập trung rác sinh hoạt, chất thải rắn không nguy hại giao cho nhà thầu xử lý đốt thu hồi nhiệt thay vì xử lý chôn lấp; bùn thải không nguy hại sau khi được xử lý nội bộ

cũng dùng để sản xuất phân bón; vỏ hộp sữa được xử lý làm tấm lợp sinh thái.

"Cho tới nay, tất cả các Nhà máy do Tập đoàn Nestlé Thụy Sĩ đầu tư và đang vận hành tại Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu "Không chất thải ra môi trường trong sản xuất", ông Ganesan Ampalavanar tự hào. Cũng nhờ tiên phong trong việc áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, Nestlé Việt Nam đã được vinh dự bình chọn Top 10 Doanh nghiệp bền vững của Việt Nam.

MỤC TIÊU TÁI CHẾ VÀ TÁI SỬ DỤNG 100% BAO BÌ SẢN PHẨM

Từ những kết quả này, Tập đoàn Nestlé đã công bố kế hoạch tái chế và tái sử dụng 100% bao bì sản phẩm tới năm

Tại Lễ khánh thành mở rộng Nhà máy Nestlé Bông Sen, Hưng Yên (tháng 9/2019), ông Võ Tuấn Nhân - Thứ trưởng Bộ TN&MT đánh giá các Nhà máy của Nestlé là điển hình về BVMT, phát triển bền vững và tiên phong trong áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường. "Tôi đánh giá cao đóng góp của các bạn trong việc đồng sáng lập Tổ chức liên minh tái chế bao bì Việt Nam và tham gia Liên minh chống ô nhiễm rác thải nhựa. Đây là minh chứng cho vai trò của doanh nghiệp không chỉ tập trung phát triển kinh doanh mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của Việt Nam".



2025. "Để hiện thực hóa cam kết này, Nestlé Việt Nam đã hợp tác với các doanh nghiệp trong ngành, các tổ chức xã hội, cơ quan Chính phủ triển khai nhiều sáng kiến và tổ chức nhiều hoạt động", Tổng Giám đốc Nestlé Việt Nam Ganesan Ampalavanar cho biết.

Đồng thời, Nestlé Việt Nam đi tiên phong hợp tác với các doanh nghiệp trong lĩnh vực hàng tiêu dùng và bao bì; Ký kết thành lập Liên minh Tái chế bao bì - PRO Vietnam với mong muốn góp phần vì một Việt Nam xanh - sạch - đẹp, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn; tham gia Liên minh chống rác thải nhựa do Bộ TN&MT tổ chức với các cam kết 100% rác thải từ Nhà máy được thu gom, phân loại tại nguồn và 100% Nhà máy không chôn lấp rác thải rắn ra môi trường.

Trong dịp hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới và Ngày biển đảo Việt Nam 2019, Nestlé Việt Nam đã tham gia Chương trình nâng cao nhận thức và hỗ trợ trang bị thùng rác phân loại rác tại nguồn cho người dân tỉnh Bạc Liêu; cùng tỉnh Đồng Nai trồng cây vì môi trường; tham gia Ngày hội tái chế chất thải như một hoạt động thường niên.

Từ năm 2018, Nestlé Việt Nam đồng hành với doanh nghiệp xã hội mGreen triển khai sáng kiến "Phân loại và tái chế rác thải" tại các tòa nhà dân cư và trường học tại khu đô thị Vinhomes Central Park, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh xây dựng thói quen phân loại rác tại nguồn cho người dân và các em học sinh



▲ Các đại biểu tham gia Lễ cắt băng khánh thành mở rộng Nhà máy Nestlé Bông Sen, Hưng Yên (tháng 9/2019)

để hỗ trợ thu gom, xử lý rác tái chế. Mùa hè năm 2019, Công ty triển khai Chương trình "Cùng Nestlé lan tỏa hè vui", kêu gọi mọi người giữ gìn môi trường sạch, đẹp và bỏ rác đúng nơi quy định, tại 19 tỉnh, thành phố, thu đổi trên 13.000 vỏ chai đã qua sử dụng.

"Đối với Nestlé Việt Nam, các hoạt động và mục tiêu BVMT kể trên được thực hiện nhất quán và đồng bộ tại tất cả các địa phương mà Công ty có hoạt động sản xuất kinh

doanh. Bên cạnh đó, Công ty liên tục tổ chức các hoạt động để nâng cao nhận thức về rác thải nhựa cho nhân viên", ông Ganesan Ampalavanar nói. Chỉ trong 1 ngày (tháng 6/2019), hơn 300 nhân viên Công ty Nestlé Việt Nam đã làm sạch bãi biển thuộc thị trấn Phước Hải, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thu gom hơn 1,1 tấn rác các loại, để đưa về khu xử lý rác tập trung.

Cũng theo Tổng Giám đốc Nestlé Việt Nam, để triển khai hiệu quả và lâu dài các cam kết chống rác thải nhựa, cần thúc đẩy và mở rộng mô hình kinh tế tuần hoàn. "Cùng với đó, Chính phủ và các bên liên quan cần quan tâm phát triển hơn một hệ sinh thái thu gom và tái chế bao bì, hướng đến giảm thiểu lượng bao bì thải ra môi trường cũng như có các cơ chế, chính sách phù hợp trong việc khuyến khích người tiêu dùng, các doanh nghiệp có sáng kiến, đóng góp tích cực trong hoạt động chống rác thải nhựa nói riêng và BVMT nói chung", ông Ganesan Ampalavanar đề xuất■

PHẠM HỒNG DƯƠNG



▲ Dây chuyền sản xuất mới của Nestlé đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe nhất về quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm



27 NĂM SƠN KOVA

Tự hào sản phẩm khoa học của người Việt

Khởi đầu từ một phòng thí nghiệm nhỏ tại ĐH Bách Khoa TP.Hồ Chí Minh, KOVA dưới sự sáng lập và dẫn dắt của PGS.TS Nguyễn Thị Hòa đã tạo nên thành công và khác biệt trong ngành sơn suốt 27 năm qua.

Một trong những công nghệ nổi bật nhất của hãng sơn Việt này là công nghệ sơn nano từ vỏ trấu. Dựa trên nguồn nguyên liệu vỏ trấu dồi dào ở Việt Nam, silicat từ vỏ trấu đã tổng hợp nên chất Colloidal và được ứng dụng sản xuất nhiều dòng sơn có tính năng độc đáo như: tự làm sạch, kháng khuẩn, chống cháy và nhiều dòng sơn bảo vệ khác. Đặc biệt, sơn nano từ vỏ trấu của KOVA hoàn toàn thân thiện với môi trường và an toàn cho sức khỏe người dùng.



▲ Đốt thử nghiệm mẫu sơn chống cháy KOVA. Bề mặt vật liệu được bảo vệ, kéo dài thời gian chịu nhiệt.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỪ THỂ MẠNH KHOA HỌC

Với thể mạnh nghiên cứu khoa học, sản phẩm của KOVA được phát triển đa dạng, đồng bộ và 100% là hệ nước, có thể đáp ứng mọi nhu cầu, từ các sản phẩm thông dụng như: bột trét, sơn lót, sơn phủ trang trí và chống thấm; cho đến các dòng sơn trang trí cầu kỳ như: sơn đá nghệ thuật, vân đá, vân gỗ, sơn gấm, sơn nhũ..., các dòng sơn công nghiệp như: sơn Epoxy, sơn chống nóng, sơn cho gỗ, cho kính và cho kim loại. Đặc biệt, dòng sản phẩm được quan tâm gây nhiều chú ý nhất hiện nay là NANOPrô sử dụng công nghệ Nano từ vỏ trấu.

Trong 27 năm có mặt trên thị trường, làm nên thành công và tạo dựng được chỗ đứng cho KOVA chính là sản phẩm chất chống thấm CT-11A, hiện đang được nhìn nhận với vị thế dẫn đầu thị phần chống thấm dân dụng, ngay cả so với các thương hiệu chống thấm của thế giới đang có mặt tại Việt Nam. Trải qua hơn hai thập kỷ, chống thấm CT-11A KOVA đã được dùng cho hàng triệu ngôi nhà và các công trình dân dụng, công nghiệp khác trong nước. Ngoài độ bền, chống thấm KOVA còn có thể mạnh ở chỗ



▲ Một số công trình tiêu biểu sử dụng sơn KOVA tại Singapore.

có hàm lượng VOC (chất hữu cơ dễ bay hơi) gần bằng 0, nên rất an toàn với người dùng và thân thiện với môi trường.

SƠN VIỆT TRÊN BẢN ĐỒ THẾ GIỚI

KOVA là hãng sơn Việt tiên phong đưa sản phẩm với công nghệ tiên tiến cạnh tranh tại thị trường nước ngoài.

Tại Singapore, hơn 10 năm nay, Sơn KOVA được lựa chọn cho đa dạng các công trình dân dụng hay công nghiệp như: chung cư, nhà máy, trường học, bệnh viện..., với các công trình điển hình như: các trạm tàu điện ngầm MRT, chung cư cao cấp Parc Condo, bệnh viện Connexion, bệnh viện Ng Teng Fong, nhà máy Apple...

KOVA cũng đã có mặt tại thị trường Nga. Tuy thương hiệu KOVA còn khá mới mẻ với nhiều người tiêu dùng châu Âu, nhưng đang từng bước tạo được ấn tượng nhờ tính ứng dụng khoa học và chất lượng sản phẩm vượt trội, cùng với thể mạnh sản phẩm đa dạng và đặc tính chống chịu được sự thay đổi của thời tiết. Một số công trình tiêu biểu của Nga đã

sử dụng sản phẩm sơn KOVA có thể kể đến như Khu dân cư phức hợp Liner Moscow, Bảo tàng Shchusev Moscow, Khu tổ hợp văn hóa Zaryadi Moscow...

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỂ ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, KOVA còn đóng góp cho xã hội qua việc sáng lập và duy trì Giải thưởng KOVA. Giải thưởng ra đời từ năm 2002, xuất phát từ tâm ý của PGS. TS Nguyễn Thị Hòa và với sự đồng hành, hỗ trợ của lãnh đạo các cơ quan Nhà nước, hướng đến các giá trị khoa học, nhân văn và góp phần to lớn vào việc ươm mầm tài năng cho đất nước.

Từ năm 2014, KOVA còn tham gia tài trợ và điều hành Quỹ Khởi nghiệp Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ Việt Nam (Startup Vietnam Foundation, gọi tắt Quỹ SVF). Đây là Quỹ hỗ trợ Khởi nghiệp mang tính chất Phi Lợi Nhuận và Xã Hội Hóa đầu tiên của Việt Nam, tập trung hỗ trợ các dự án Khởi nghiệp về công nghệ liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và các ngành khác■



Sài Gòn Xanh - Tâm niệm gánh vác niềm tin

Có một tập thể đã kiên định chọn hướng đi riêng trong nỗ lực bảo vệ môi trường, đóng góp giữ gìn môi trường sống với tâm niệm gánh vác niềm tin của xã hội.



▲ Một góc Công ty TNHH CNSH Sài Gòn Xanh

Luôn ý thức chung tay góp sức hỗ trợ xã hội xử lý, giải quyết tốt nhất có thể những nhu cầu và vấn đề cấp bách về môi trường, đội ngũ Công ty TNHH Công nghệ sinh học Sài Gòn Xanh (SGX) đã tự đặt mình vào một tầm nhìn xa hơn khi hướng đến sứ mạng GIỮ GÌN SỰ SỐNG.

TỪ TRẢI NGHIỆM THÀNH CÔNG VỚI BAT...

Hành trình hơn 18 năm mà SGX đã trải qua kể từ năm 2001 – năm mà Công ty TNHH CNSH Sài Gòn Xanh thành lập, là hành trình chỉ xuất phát với một dự định nhỏ, tham gia tái chế phụ phẩm nông nghiệp. Nhưng cũng chính từ trải nghiệm ban đầu nho nhỏ ấy, đội ngũ SGX đã dần phát hiện ra sức mạnh thật sự của việc áp dụng tối ưu những công nghệ sẵn có vào xử lý môi trường. Quan điểm BAT (Best Available Technology) không phải là điều gì mới mẻ trong lĩnh vực môi trường, nhưng luôn mới mẻ ở từng bối cảnh áp dụng, chẳng hạn ở TP. Hồ Chí Minh (HCM).

Cuối năm 2013, TP. HCM đối mặt với một vấn đề nan giải về bùn thải ô nhiễm ở khu vực nhà máy nước thải Bình Hưng (Bình Chánh – TP. HCM). Nhiều đơn vị trước đó đã nếm mùi thất bại trong xử lý lượng bùn thải gây bức xúc rất lớn trong cộng đồng dân cư. Chính quyền TP. HCM trao cho các doanh nghiệp xử lý môi trường một cơ hội thể hiện năng lực thực tế. SGX đã mạnh dạn chọn cơ hội dẫn thân, xử lý lượng bùn thải ô nhiễm bị tồn đọng ở Bình Hưng thành công ngoài sức mong đợi.

Thành công đặc biệt đó không phải tự nhiên có được, mà là “trái ngọt” thu hoạch từ sự kiên định lựa chọn theo đuổi hướng đi nghiên cứu ứng dụng tối ưu những công nghệ tốt nhất hiện có (BAT). Đội ngũ kỹ sư và kỹ thuật viên của SGX đã vươn lên làm chủ công nghệ khả thi, hiệu quả nhờ những đầu tư nghiên cứu đầy tâm huyết và những trải nghiệm bền bỉ. Năm 2014,

Nhà máy xử lý bùn thải SGX được khởi công xây dựng trên diện tích 47ha ở xã Đa Phước thuộc huyện Bình Chánh, TP. HCM, đánh dấu một bước phát triển vượt bậc của Công ty SGX.

... ĐẾN CÁCH TIẾP CẬN TUẦN HOÀN – KHÉP KÍN

Trải nghiệm thành công với BAT đã thúc đẩy năng lực sáng tạo và ý thức sâu sắc về trách nhiệm đạo đức của con người với môi trường, đội ngũ SGX đã không ngần ngại cam kết sẽ nỗ lực tiên phong trong việc thử nghiệm cách làm “xử lý – tái chế toàn bộ, không chôn lấp” áp dụng với chất thải hữu cơ. Nền tảng của cách làm này là phương pháp tiếp cận “tuần hoàn – khép kín” (closed-loop) mà SGX lựa chọn theo đuổi để không chỉ xử lý các vấn đề chất thải, mà còn tìm cách trả lại nhiều nhất cho môi trường những nguồn tài nguyên và năng lực tái tạo vốn có.

Đến nay, SGX tập trung phát triển năng lực tổng hợp về xử lý – tái chế bùn thải cho Nhà máy xử lý bùn thải SGX để vừa đáp ứng yêu cầu xử lý bùn thải cho môi trường thành phố, vừa sản xuất các sản phẩm tái chế từ bùn thải (đất, phân bón hữu cơ, khí biogas), đồng thời trở thành một hình mẫu (pattern) cho cách tiếp cận tuần hoàn – khép kín trong xử lý – tái chế toàn bộ,

không chôn lấp đối với bùn và chất thải hữu cơ.

Đến nay, Nhà máy SGX đã hoàn thành chuỗi giá trị công nghệ cho phép tiếp nhận và xử lý bùn thải thành các sản phẩm hữu ích như đất trồng cây TRIBAT, phân bón hữu cơ TRIBAT, khí biogas phục vụ phát điện và đốt lò rác. SGX đang tích cực làm việc với Điện lực TP. HCM để đưa lượng điện khí biogas sản xuất được hòa lưới điện của thành phố, góp phần tháo gỡ khó khăn về khả năng thiếu điện trong bối cảnh hiện nay. SGX cũng đã sẵn sàng hợp tác với ngành Điện để nghiên cứu và phát triển mô hình sản xuất điện biogas ở Việt Nam trên quy mô công nghiệp.

Những trải nghiệm thành công với BAT và với cách tiếp cận tuần hoàn – khép kín đã đưa SGX bước vào năm 2020 với những áp lực lớn về chiến lược phát triển sản xuất - kinh doanh mới trong lĩnh vực môi trường và nền tảng bên trong của văn hóa doanh nghiệp. Phía trước là hành trình đòi hỏi đội ngũ SGX tiếp tục nỗ lực cống hiến năng lực cho sứ mạng Giữ Gìn Sự Sống với ý thức sâu sắc về trách nhiệm và đạo đức mà đội ngũ SGX đã viết lên trong thông điệp văn hóa doanh nghiệp của mình: TRIBAT - Gánh Vác Niềm Tin■



▲ Tổng Giám đốc Công ty SGX trình bày với Chủ tịch TP.HCM Nguyễn Thành Phong về kết quả ứng dụng khí biogas để phát điện ở quy mô công nghiệp



Phát huy các giá trị đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng

Với những nét đặc thù về khí hậu, thời tiết, địa hình, Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Kon Chư Răng (xã Sơn Lang, huyện Kbang, Gia Lai) đã hình thành hệ sinh thái động, thực vật phong phú và đa dạng. Để duy trì cảnh quan, gìn giữ đa dạng sinh học (ĐDSH), thời gian qua, Ban Quản lý (BQL) đã xác định rõ vai trò, nhiệm vụ trong việc bảo vệ, gìn giữ, phát huy giá trị ĐDSH tại KBTTN Kon Chư Răng.

KBTTN Kon Chư Răng được thành lập từ năm 2004 với tổng diện tích 15.446 ha rừng đặc dụng, có lâm phần tiếp giáp với 3 tỉnh: Kon Tum; Quảng Ngãi; Bình Định. Đây là khu rừng có giá trị khoa học, là nơi lưu trữ, bảo tồn ĐDSH cho thế hệ tương lai, phòng hộ cho các hồ thủy điện vùng hạ lưu sông Kôn, đồng thời chứa đựng tiềm năng du lịch sinh thái. KBTTN Kon Chư Răng nằm trong vùng chuyển tiếp giữa Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam, được xếp loại A tầm quan trọng quốc tế về ĐDSH, trong đó có nhiều loài động, thực vật đặc hữu, quý hiếm.

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN

Thời gian qua, BQL KBTTN Kon Chư Răng luôn chủ động tuần tra, kiểm tra rừng, phân công cho kiểm lâm viên phụ trách từng tiểu khu, trực canh gác các ngã đường mòn ra vào rừng. Đồng thời, kiểm lâm viên xuống thôn/làng nắm bắt thông tin, nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm lâm luật, nên rừng luôn được quản lý bảo vệ và phát triển tốt, các loài cây gỗ và động vật quý hiếm được bảo vệ nghiêm ngặt. Hiện nay, BQL đã thành lập 4 tổ bảo vệ rừng (BVR), dựng lán trại tại các vùng trọng điểm để quản lý BVR; ký quy chế phối hợp với 6 chủ rừng giáp ranh trong và ngoài tỉnh để tuần tra BVR, tổ chức truy quét lâm tặc trên địa bàn giáp ranh; tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân vùng đệm, vận động người dân tham gia quản lý BVR; thực hiện khoán 4.000 ha rừng cho 6 cộng đồng người dân vùng đệm... Kết quả kiểm kê rừng so với thời điểm đơn vị mới nhận giao quản lý thì diện tích rừng tăng cả

về số lượng lẫn chất lượng; số lượng rừng giàu tăng, rừng nghèo, non giảm.

Nhờ chính sách quản lý và BVR tốt, nên diện tích rừng che phủ đạt 98,5%, theo đó ĐDSH của KBTTN ngày càng phong phú, đa dạng với số lượng loài khu hệ thực vật ghi nhận năm 2018 là 881 loài (tăng 335 loài); khu hệ động vật có 413 loài động vật có xương sống, trong đó lớp thú 80 loài tăng 18 loài, lớp chim 228 loài tăng 59 loài so với kết quả điều tra sơ bộ của Điều tra quy hoạch rừng và Tổ chức Bảo tồn chim quốc tế (Birdlife International) năm 2001. Ngoài ra, còn ghi nhận 72 loài bò sát, lưỡng cư; 211 loài côn trùng có trong KBTTN.

Trong thời gian qua, lực lượng Kiểm lâm của KBTTN tăng cường công tác tuần tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn những hành vi xâm hại thực vật rừng, động vật rừng hoang dã trái phép. Cụ thể: Hạt Kiểm lâm KBTTN đã thu, nộp về Công an huyện Kbang, Ban chỉ huy quân sự huyện Kbang 11 khẩu súng săn các loại (chủ yếu thu được ở vùng đệm); tháo dỡ nhiều đường bẫy; tịch thu nhiều tang vật, phương

tiện vi phạm... Từ năm 2017 đến nay, Hạt Kiểm lâm Khu BTTN Kon Chư Răng đã bắt, xử lý 6 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng, trong đó có 4 vụ săn, bắt động vật rừng trái phép; 2 vụ vận chuyển lâm sản trái phép; tịch thu tang vật/phương tiện vi phạm là 4 khẩu súng các loại.

TĂNG CƯỜNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ỨNG DỤNG TRONG QUẢN LÝ BVR, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN

ĐDSH là vấn đề then chốt, quyết định giá trị, tầm quan trọng của một KBTTN. Có thể nói, ĐDSH liên quan trực tiếp đến sự phát triển của KBTTN như nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái và các chính sách đầu tư. Để bảo tồn các giá trị ĐDSH trong KBTTN, BQL Kon Chư Răng chú trọng xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học như: Điều tra tổng thể ĐDSH trong KBTTN; xây dựng danh lục động thực vật; thu thập, làm tiêu bản mẫu động thực vật để lưu trữ, khẳng định các giá trị ĐDSH đã ghi nhận; nghiên cứu đánh giá giá trị quần thể, loài động thực vật đặc hữu, quý hiếm...



Những việc này nhằm đạt mục tiêu cuối cùng là khẳng định sự tồn tại các giá trị ĐDSH trong KBTTN, từ đó xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý tốt ĐDSH.

Năm 2017 - 2018, để củng cố số liệu về ĐDSH của KBTTN. BQL đã đề xuất và thực hiện các công trình: “Điều tra đa dạng thành phần thực vật bậc cao có mạch và xây dựng phòng trưng bày, lưu giữ mẫu”. Kết quả công trình đã xây dựng được 400 bộ tiêu bản thực vật rừng kèm tài liệu mô tả; 800 ảnh màu các loài thực vật rừng; bộ cơ sở dữ liệu về đa dạng thực vật chạy trên nền Microsoft Access; xây dựng thiết kế phòng trưng bày tại Khu BTTN Kon Chư Răng. Ngoài ra, KBT còn thực hiện các nghiên cứu điều tra, đánh giá hiện trạng các loài thực vật nguy cấp quý hiếm; Điều tra, lập danh lục và xây dựng bộ mẫu trưng bày các loài động vật; Đánh giá hiện trạng, phân tích nguy cơ xâm hại, mức độ xâm hại cô lập diệt trừ các loài ngoại lai xâm hại.

TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ CÁC GIẢI PHÁP BVR VÀ BẢO TỒN THIÊN NHIÊN

Trong công tác quản lý BVR, bảo tồn thiên nhiên, BQL KBTTN Kon Chư Răng đã sử dụng tổng hợp, đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó có các giải pháp nổi bật, đó là giải quyết vấn đề chống lấn đất, sản xuất nương rẫy luân canh của người dân trên đất quy hoạch rừng đặc dụng giao cho BQL KBTTN; Phát huy tinh thần làm chủ rừng thật sự, chủ động, sáng tạo, tự làm, tự chịu trách nhiệm trong công tác quản lý BVR, bảo tồn thiên nhiên của từng công chức, viên chức được giao nhiệm vụ, thông qua hình thức phân công công chức, viên chức phụ trách đến từng tiểu khu rừng cụ thể, đồng thời mỗi Trạm Kiểm lâm đều có sổ tay công tác trạm và sổ tay tiểu khu cho các công chức, viên chức của Trạm để thực hiện nhiệm vụ được giao; Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu, áp dụng các quy định trong các văn bản của ngành NN&PTNT, ngành TN&MT về bảo tồn ĐDSH, BVMT để đề xuất các nguồn kinh phí cho nghiên cứu khoa học, điều tra ĐDSH, thực hiện các biện pháp BVMT trong KBTTN.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, vận động BVR, bảo tồn thiên nhiên luôn được BQL đặc biệt quan tâm. Đây là giải pháp quan trọng, giúp người dân sống gần rừng hiểu



▲ Tuyên truyền BVR, bảo tồn thiên nhiên cho các em học sinh ở xã Sơn Lang - vùng đệm của KBTTN

được vai trò, tác dụng của rừng đối với cuộc sống cũng như các giá trị môi trường rừng đóng góp vào BVMT trong khu vực. Bằng nhiều hình thức khác nhau, các cán bộ Khu BTTN Kon Chư Răng đã truyền tải những thông điệp về rừng, ĐDSH đến các tầng lớp người dân vùng đệm của KBTTN và các em học sinh học ở các trường vùng đệm của KBTTN. Bình quân hàng năm KBTTN tổ chức tuyên truyền 8 đợt. Trong đó, đối tượng tuyên truyền tập trung là người dân thuộc 6 thôn/làng vùng đệm của KBTTN và con, em học sinh học ở các trường trong xã Sơn Lang và xã Đắc Roong thu hút 300 - 400 lượt người tham gia. Ngoài phương pháp tuyên truyền trực tiếp, BQL kết hợp với phương tiện máy chiếu, tài liệu, tranh ảnh, pano, bảng tam giác, bảng nội quy để tuyên truyền đến tận nhà văn hóa thôn, làng... Kết quả, nhận thức về rừng của người dân vùng đệm KBTTN được nâng cao, hạn chế tác động tiêu cực đến tài nguyên rừng, đến ĐDSH của KBTTN.

Để cải thiện sinh kế, góp phần ổn định đời sống cho người dân vùng đệm, hàng năm BQL xây dựng nhu cầu kinh phí hỗ trợ thôn/làng vùng đệm theo Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg, kinh phí hỗ trợ 40 triệu đồng/thôn(làng)/năm. Kinh phí này dùng để đầu tư nâng cao năng lực phát triển sản xuất (khuyến nông, khuyến lâm, giống cây, giống con, thiết bị chế biến nông lâm sản quy mô nhỏ); hỗ trợ vật liệu xây dựng cho thôn bản (đối với các công trình công cộng của cộng đồng như nước sạch, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, đường giao thông thôn bản, nhà văn hóa...).

Với việc triển khai đồng bộ các giải pháp, bảo tồn ĐDSH, phát triển rừng, duy trì cân bằng sinh thái và môi trường, xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo sinh kế cho cộng đồng người dân bản địa phương..., BQL KBT đã và đang làm giảm những tác động, rủi ro của thiên tai và các hoạt động của con người; góp phần tích cực vào Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương■

NGUYỄN HẰNG



Tăng cường công tác quản lý kết hợp bảo tồn và phát triển bền vững rừng ngập mặn Hòn Hèo

TRẦN GIỎI - NGUYỄN VĂN HIẾU

Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Khánh Hòa

Khánh Hòa có địa hình đa dạng với hơn 2/3 diện tích là đồi núi, phía Đông giáp biển, phía Tây tiếp cận với Tây Nguyên và dãy Trường Sơn, nên khí hậu biến đổi từ nhiệt đới ở vùng thấp đến á nhiệt đới ở vùng núi cao, điều này tạo nên sự phong phú về các hệ sinh thái (HST) tự nhiên, trong đó có HST rừng ngập mặn (RNM).

Dưới ảnh hưởng của các tác động từ tự nhiên và con người, các HST ven biển đang phải đối mặt với nhiều tác động tiêu cực. Từ trước 1975, RNM Khánh Hòa phân bố rộng, với tổng diện tích trên 2.500 ha, chủ yếu ven các đầm: đầm Môn, đầm Nha Phu và đầm Thủy Triều. Tuy nhiên, từ những năm 1990, sự bùng phát nuôi trồng thủy sản đã tàn phá RNM, đến nay chỉ còn lại khoảng 100 ha với khả năng phục hồi thấp.

Do vậy, nghiên cứu quản lý bền vững RNM là hết sức cần thiết, nhằm bảo vệ, khôi phục và phát triển hệ thống đai rừng phòng hộ ven biển, sử dụng đất một cách hiệu quả, giúp cân bằng HST, tăng cường tính ổn định đối với sản xuất nông nghiệp. Nhiệm vụ này được thực hiện nhằm mục tiêu chính là rà soát, đánh giá hiện trạng RNM tại khu vực bán đảo Hòn Hèo, qua đó đề xuất các giải pháp quản lý kết hợp bảo tồn và phát triển bền vững RNM tại khu vực.

ĐÁNH GIÁ HST RNM HÒN HÈO

Bán đảo Hòn Hèo nằm ở phía Nam đầm Nha Phu thuộc địa phận thị xã Ninh Hòa, cách Nha Trang khoảng 50 km đường bộ. Là vùng núi hiểm trở với 3 mặt giáp biển (vịnh Vân Phong và đầm Nha Phu) và trên 60 km bờ biển thuộc các xã/phường Ninh Hải, Ninh Diêm, Ninh Thủy, Ninh Phước, Ninh Vân, Ninh Phú, một số đảo nhỏ gần bờ. Được thiên nhiên ưu đãi với sự gắn kết hài hòa giữa rừng và biển, bán đảo Hòn Hèo có nhiều phong cảnh hoang dã và những bãi biển xinh đẹp. Dân cư ở đây chủ yếu sống bằng nghề nuôi trồng và khai thác hải sản.

Trước năm 1975, khu vực này có diện tích RNM trên 200 ha, cùng với nguồn lợi thủy sản tự nhiên phong phú. Từ những năm 1990, cùng với sự phát triển của các dự án công nghiệp, nhiều diện tích RNM bị chặt phá để nuôi thủy hải sản, làm cho môi trường ngày càng bị ô nhiễm. Đặc biệt, vào tháng 11/2017, cơn bão Damry đổ bộ đã gây thiệt hại nặng nề trên toàn tỉnh Khánh Hòa, cũng như tại bán đảo Hòn Hèo. Sự thiếu vắng các đai RNM phòng hộ ven biển đã khiến cho nhiều người dân trong khu vực phải lâm cảnh trắng tay. Điều này càng cho thấy, sự cần thiết phải phục hồi và phát triển bền vững RNM nhằm góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu.

Theo kết quả khảo sát được tổng hợp từ 8 tuyến chính (tổng chiều dài 45 km) và 20 ô tiêu chuẩn (20 x 50 m), cùng với 100 ô tái sinh (2 x 2 m) đã ghi nhận 67 loài cây, trong đó có 20 loài cây ngập

mặn thực sự và 47 loài cây tham gia RNM, hoặc mọc trên các bãi cát lẫn san hô và đá nổi. Biến động về mật độ giữa các ô tiêu chuẩn (OTC) khá lớn: Mật độ trung bình là 665 cây/ha; mật độ cao nhất là 1.170 cây/ha và thấp nhất là 270 cây/ha; có đến 60% số OTC (12 ô) mật độ dưới 700 cây/ha. Số loài cây trong OTC cũng rất ít, từ 2 - 10 loài/OTC. Phần lớn, số cây đo đếm có đường kính nhỏ, trong đó 90,5% số cây (1.203 cây) ở cấp đường kính dưới 20 cm.

Các loài cây ngập mặn quan trọng gồm: bần trắng, bần chua, bát nha, đưng, đước, đoi, mắm trắng, sú đỏ, vẹt dù, xu ôi..., tuy nhiên các loài này thường có ít cá thể và phân bố co cụm. Chỉ có 3 loài cây phổ biến đó là mắm biển, cọc trắng và giá chiếm ưu thế trong tổ thành RNM (50% IVI); cùng với một số cây bụi và dây trườn như lúc, sam biển, muống biển... Ngoài ra, cũng có nhiều ghi nhận mới về thành phần loài cây RNM đối với Khánh



▲ Quần thể bát nha tại bán đảo Hòn Hèo



▲ Dà vôi

Hòa, như: bát nha, bằng phi, bình vôi Pierre, chùm lé, lâm bông, tâm mộc tim, vệt trụ... Đặc biệt là quần thể cây bát nha, loài quý hiếm có tên trong Sách đỏ Việt Nam (Nguy cấp - EN) phát hiện ở Khu du lịch Suối Hoa Lan - xã Ninh Phú.

Khả năng tái sinh tự nhiên nơi đây cũng rất kém, đã ghi nhận cây tái sinh của 19 loài cây gỗ RNM, với mật độ bình quân là 3.825 cây/ha. Phần lớn, cây tái sinh có kích thước nhỏ (< 0,5 m), chiếm tỷ lệ: 73,2%; số lượng cây tái sinh triển vọng chiếm tỷ lệ: 26,8%. Các loài cây có tái sinh khá mạnh là mắm biển, cọc trắng, giá... có mật độ bình quân 10.000 cây/ha; nhưng đối với các loài cây ngập mặn quan trọng như bần trắng, mắm trắng, đước đôi, đưng, vệt dù, xu ổi... có mật độ cây tái sinh rất thấp, khoảng 2.300 cây/ha.

Nhìn chung, RNM tại Hòn Hèo rất thưa với diện tích phân bố của toàn vùng chỉ còn 29,8

ha, trong đó có khoảng 12 ha đã giao cho các doanh nghiệp quản lý (các khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng), nên RNM được bảo vệ tốt. Mặc dù RNM tại đây phân bố rải rác theo từng lô nhỏ (2-3 ha), nhưng tính đa dạng khá cao, đã ghi nhận và lập danh mục 67 loài cây. Đáng lưu ý là có đến 9 loài cây có tên trong Sách đỏ Việt Nam và Danh mục đỏ của IUCN (Bảng 1).

Đặc biệt là các quần thể xu ổi, bát nha và bần chua có giá trị về mặt khoa học. Ngoài ra, giá trị sử dụng các loài cây RNM cũng rất hữu ích, nhiều loài là nguồn thực phẩm (bần chua, ráng đại, cúc tần, hương nhu tía, sâm biển...), nhiều loài cây thuốc, hoặc cung cấp tinh dầu (bình vôi Pierre, chùm lé, dứa đại, đa tử biển, từ bi biển...), nhiều loài cây cho tanin dùng nhuộm lưới, thuộc da (đước, vệt, dà, cọc trắng, mắm biển...); các loài này cần được sử dụng hợp lý và bền vững.

Có thể khẳng định, khu vực bán đảo Hòn Hèo có giá trị cao về mặt cảnh quan tự nhiên ven biển, với các HST đặc thù, tính ĐDSH cao, nhất là có tiềm năng về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vì vậy vấn đề bảo tồn và phát triển bền vững RNM mang ý nghĩa kinh tế - xã hội - môi trường rất quan trọng.

Trong những năm gần đây, tình trạng biến đổi khí hậu, cùng với sự xâm nhập mặn đã tác động tiêu cực tới bán đảo Hòn Hèo, làm cho công tác bảo vệ và phát triển RNM trở nên cấp thiết.

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ RNM Ở BÁN ĐẢO HÒN HÈO

Hiện nay, công tác quản lý RNM ở bán đảo Hòn Hèo thể hiện nhiều bất cập, RNM không nằm trong quy hoạch lâm nghiệp nên không phân cấp vai trò phòng hộ; một số diện tích RNM đang phục hồi nhưng không được sự quan tâm; mức độ phối hợp giữa chính quyền địa phương với doanh nghiệp và hộ dân về bảo vệ RNM còn rất hạn chế; công tác truyền thông về RNM chưa được chú trọng. Do đó, chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan cần phải tổ chức bảo vệ nghiêm ngặt đối với những diện tích RNM hiện có, kết hợp trồng bổ sung và phát triển diện tích RNM ở các bãi bồi và cửa sông.

Để phục hồi và phát triển bền vững RNM cần có sự tham gia tích cực của cộng đồng, nhất là của các doanh nghiệp, RNM sẽ là tiềm năng đối với các hoạt động du lịch sinh thái. Tại khu du lịch Suối Hoa Lan, đang xây dựng mô hình quản lý sử dụng bền vững và bảo tồn RNM gắn kết với du lịch sinh thái, mô hình này cần được đúc kết và nhân rộng trong khu vực.

Cần đẩy mạnh việc tuyên truyền, vận động người dân trong khu vực để nâng cao nhận thức về RNM, cùng chung tay bảo vệ và gây trồng các đai RNM kết hợp với nuôi trồng hải sản■

Bảng 1. Các loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN tại bán đảo Hòn Hèo

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Tình trạng bảo tồn	
			SĐVN - 2007	IUCN - 2019
	Loài cây ngập mặn thực sự			
1	<i>Aegiceras floridum</i>	Sú đỏ		IUCN - NT
2	<i>Osbornia octodonta</i>	Bát nha	SĐVN - VU	
3	<i>Sonneratia alba</i>	Bần trắng		IUCN - NT
4	<i>Sonneratia caseolaris</i>	Bần chua		IUCN - NT
	Loài cây tham gia ngập mặn			
5	<i>Azima sarmentosa</i>	Chùm lé	SĐVN - EN	
6	<i>Heliotropium foertherianum</i>	Phong ba	SĐVN - VU	
7	<i>Limnocyclus littoralis</i>	Đa tử biển		IUCN - EN
8	<i>Sarcostemma acidum</i>	Tiết cần	SĐVN - EN	
9	<i>Phoenix paludosa</i>	Chà là biển		IUCN - NT



Cần bảo tồn và nhân rộng giống chè Tuyết Shan cổ thụ ở huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên

Huyện Tủa Chùa (tỉnh Điện Biên) nằm ở độ cao 1.400 m so với mực nước biển, mây mù bao phủ quanh năm nên được ví như “Đà Lạt của miền Bắc”. Không chỉ là vùng đất được biết đến với các lễ hội văn hóa độc đáo, món ăn đặc sắc, những chợ phiên rộn ràng, nơi đây còn nổi tiếng bởi đặc sản chè Tuyết Shan - loại cây thân gỗ cổ thụ, thân to, lá mọc thành từng chùm trên cành, được gọi là “vàng xanh” của núi rừng.

CHÈ TUYẾT SHAN GÓP PHẦN LƯU GIỮ NÉT ĐẸP VĂN HÓA VÀ CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NGƯỜI DÂN

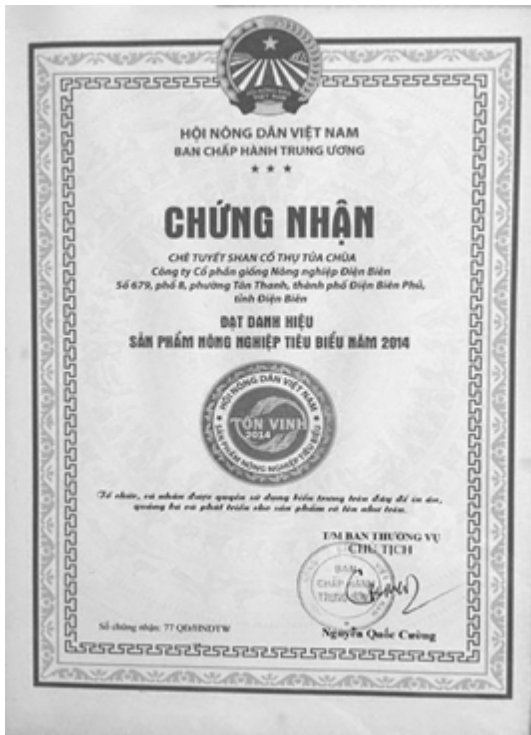
Hiện Tủa Chùa có khoảng 10.000 cây chè cổ thụ trên 100 năm tuổi, có những cây to, 3 - 4 người ôm không xuể, cao từ 8 - 15 m. Đồng bào người Mông ở Tủa Chùa



▲ Thu hoạch chè Tuyết Shan cổ thụ ở Tủa Chùa

gọi cây chè Tuyết Shan là “cây bất tử”, vì những cây chè cổ thụ là biểu tượng của sự bền bỉ, sức sống mãnh liệt và trường tồn cùng thời gian. Người dân địa phương gọi loại cây đặc biệt này là chè tuyết, bởi khi hậu khắc nghiệt của mùa đông miền sơn cước khiến cả cây chè bị tuyết trắng bao phủ, nhưng khi Xuân đến, cây lại đâm chồi mơn mớn. Ngoài ra, còn có một cách lý giải khác cho tên gọi Tuyết Shan là những búp chè sau khi chế biến, bên ngoài vẫn giữ được một lớp phấn trắng mỏng, lấp lánh như tuyết. Cây chè Tuyết Shan ở Tủa Chùa sinh trưởng tự nhiên, không cần chăm sóc bằng phân bón, tự thích nghi với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, đặc biệt là tiết ra một loại kháng chất chống lại các loại sâu bệnh. Chè Tuyết Shan Tủa Chùa

thường được thu hoạch từ tháng 3 đến hết tháng 10 âm lịch hàng năm, nhưng chất lượng chè ngon nhất là hái vào mùa xuân, vì đây là thời gian cây hấp thụ được những tinh túy của trời đất tốt nhất. Để thu hoạch chè Tuyết Shan, người hái phải bắc thang, trèo lên thân cây và hái thủ công bằng tay (chỉ hái những búp chè 1 tôm 2 lá non), sau đó đưa về sao trong lò tôn để diệt men của chè tươi và giữ hương vị thơm ngon tự nhiên. Sao xong, chè được đưa vào cối vò để cánh xoắn lại rồi phơi khô, đánh mốc, tạo màu sắc bắt mắt hơn và cuối cùng là khâu đóng vào túi hút chân không rồi đưa ra thị trường. Chè Tuyết Shan có 3 loại: Chè ngọt, chè đắng và chè đỏ, hương thơm đặc trưng, màu nước vàng óng như mật ong, khi mới uống, chè có vị hơi đắng chát của



▲ Chè Tuyết Shan cổ thụ Tủa Chùa được Trung ương Hội Nông dân Việt Nam công nhận là sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu



lá cây rừng lâu năm, nhưng về sau lại cảm nhận được vị ngọt lưu lại nơi đầu lưỡi. Một ấm trà nhỏ nhưng sau 4 - 5 lần thêm nước, hương vị vẫn thơm, búp trà nở bung ra như những cánh hoa, đây chính là điểm cộng của chè Tuyết Shan Tòa Chùa đối với khách sành trà người Hoa, vì vậy, chè nơi đây luôn có thị trường tiêu thụ ổn định.

Nhờ khả năng tự thích ứng với sự khắc nghiệt của thời tiết, tích tụ được sương núi, lại không sử dụng bất kỳ loại thuốc bảo quản, hay chất hóa học nào nên chè Tuyết Shan Tòa Chùa đảm bảo sạch, an toàn, có nhiều vi chất có lợi cho sức khỏe. Đây là thức uống rất tốt, giúp thanh nhiệt, chống béo phì, tiêu hóa tốt, ngăn ngừa ung thư, chống lão hóa, ổn định đường huyết, thúc đẩy quá trình trao đổi chất, duy trì chức năng tim, huyết quản, dạ dày... Hiện tại, trung bình mỗi hộ thu hoạch khoảng 3 vụ chè/năm với sản lượng 3,5 tạ chè búp khô/vụ, giá bán trung bình là 400.000 đồng/kg. Với những đặc tính riêng biệt, chè Tuyết Shan cổ thụ Tòa Chùa đã được Trung ương Hội Nông dân Việt Nam công nhận là sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu liên tục 3 năm 2013, 2014, 2015 và năm 2016, vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Không chỉ tiêu thụ trong nước, sản phẩm chè Tuyết Shan Tòa Chùa còn được xuất khẩu sang Trung Quốc, Đài Loan...

CẦN CÓ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CÁC DỰ ÁN CHĂM SÓC VÀ TRỒNG MỚI CÂY CHÈ TUYẾT SHAN CỔ THỤ

Trong những năm qua, huyện Tòa Chùa đã có nhiều chính sách để đầu tư phát triển cây chè Tuyết Shan đặc sản, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống của người dân. Đảng bộ huyện đã xây dựng Nghị quyết chuyên đề về bảo tồn, phát triển cây chè và đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tham gia trồng, chăm sóc, thu hái chè theo đúng quy trình kỹ thuật để nâng cao năng suất và đảm bảo chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, UBND huyện Tòa Chùa đã thực hiện hiệu quả Dự án

Quy hoạch phát triển vùng chè Tuyết Shan tại 4 xã phía Bắc, gồm: Tả Phìn, Sính Phình, Tả Sìn Thàng, Sín Chải. Trong giai đoạn 2013 - 2015, tổng nguồn vốn từ các chương trình, dự án, chính sách phát triển trồng, sản xuất, chế biến chè Tuyết Shan lên tới 5.308,4 triệu đồng, qua đó, tiến hành trồng mới 97,58 ha, nâng tổng số diện tích trồng chè toàn huyện lên 557,4 ha, đạt 93,89% kế hoạch được giao. Dự án góp phần tạo chuyển biến về nhận thức và hành động của nhân dân trong việc tham gia chuyển đổi cơ cấu cây trồng có giá trị kinh tế cao, tập trung cho phát triển Dự án chè cây cao chất lượng. UBND huyện cũng tích cực chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tập trung xây dựng quy trình sản xuất chè an toàn theo Tiêu chuẩn VietGAP; đầu tư nâng cấp nhà xưởng, dây chuyền công nghệ cao để nâng cao chất lượng; đa dạng hóa, đổi mới mẫu mã các sản phẩm chè nhằm đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng; đẩy mạnh công tác tiếp thị, quảng bá thương hiệu tại các chương trình xúc tiến thương mại để đưa thương hiệu chè Tuyết Shan Tòa Chùa đến với công chúng thông qua các kênh như hội chợ, truyền thông... Ngoài ra, từ năm 2010, được sự quan tâm của UBND tỉnh Điện Biên, Công ty CP giồng nông nghiệp

Điện Biên phối hợp với UBND huyện Tòa Chùa nâng cấp dây chuyền chế biến, cải tiến bao bì mẫu mã sản phẩm, nhờ vậy, sản lượng chè búp khô ngày càng tăng cao, ý thức của người dân về chăm sóc, bảo vệ cây chè dần được nâng lên.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ huyện Tòa Chùa, huyện đang phấn đấu đến năm 2020, nâng diện tích chè toàn huyện lên 800 ha. Để đạt được mục tiêu đề ra, thời gian tới, huyện sẽ chỉ đạo các phòng chuyên môn đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn khoa học kỹ thuật cho bà con về cách thức trồng và thu hái chè, đảm bảo năng suất, cũng như chất lượng. Đặc biệt, UBND huyện Tòa Chùa đang tích cực xây dựng, hoàn thiện hồ sơ đăng ký quần thể chè Tuyết Shan cổ thụ là Cây Di sản Việt Nam. Việc được công nhận Cây Di sản Việt Nam sẽ góp phần phát huy hơn nữa sức mạnh bảo tồn của cộng đồng địa phương và nâng cao giá trị của cây chè. Hy vọng rằng, với sự quan tâm của chính quyền địa phương, cùng sự quyết tâm của toàn thể người dân, chè Tuyết Shan cổ thụ Tòa Chùa sẽ tiếp tục cắm rễ và vươn xa, khẳng định thương hiệu, có chỗ đứng vững chắc trên thị trường. ■

LÊ THỊ NGỌC



CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC:

Thực hiện hiệu quả các giải pháp về phát triển năng lượng tái tạo, góp phần bảo vệ môi trường

Cộng hòa Liên bang (CHLB) Đức gồm 16 bang, có nền văn hóa phong phú, là trung tâm kinh tế quan trọng của châu Âu. CHLB Đức có dân số lớn nhất trong Liên minh châu Âu và số dân nhập cư đứng thứ 3 trên thế giới. Trước đây, CHLB Đức là một trong những quốc gia phải đối mặt với các thách thức từ ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt và các chất hóa học độc hại. Tuy nhiên, Chính phủ Đức đã nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề BVMT và có nhiều biện pháp để bảo vệ sức khỏe con người, cũng như môi trường thiên nhiên.

QUỐC GIA TIÊN PHONG CHUYỂN ĐỔI NĂNG LƯỢNG XANH

Công cuộc chuyển đổi từ năng lượng truyền thống sang năng lượng tái tạo (NLTT) bắt đầu phát triển ở CHLB Đức từ những năm 1980 với việc đề ra Chiến lược Energiewende (Chuyển đổi năng lượng) nhằm giải quyết vấn đề giá thành sản xuất điện tăng cao. Thành công của Chiến lược đã giúp CHLB Đức thay đổi hoàn toàn “con đường phát triển năng lượng”. Chính phủ Đức đã đề ra mục tiêu tăng dần tỷ lệ điện từ NLTT lên 50% toàn bộ nguồn cung điện năng, trong đó nguồn điện từ năng lượng mặt trời (NLMT) chiếm vị trí số 1.

Bên cạnh đó, Quốc hội Liên bang Đức đã thông qua Đạo luật Đóng cửa các nhà máy điện hạt



▲ Phát triển NLTT ở CHLB Đức

nhân; ban hành các chính sách phát triển NLTT; xây dựng lại hệ thống cung cấp năng lượng để đảm bảo không phụ thuộc vào điện sản xuất từ than đá. CHLB Đức cũng đầu tư hàng chục tỷ Euro cho việc nghiên cứu, sử dụng NLTT, đồng thời, đưa ra nhiều chính sách ưu đãi như giảm thuế để khuyến khích người dân chuyển sang dùng NLTT. Thông qua các khoản trợ cấp của Chính phủ, hàng triệu người dân đã lắp đặt các tấm pin mặt trời trên mái nhà, góp phần đưa CHLB Đức trở thành thị trường NLMT hàng đầu thế giới, tổng mức NLTT đạt 35% mức tiêu thụ điện cả nước. CHLB Đức đang phấn đấu, đến năm 2022, sẽ đóng cửa tất cả các nhà máy điện hạt

nhân và chuyển sang sử dụng các loại NLTT như NLMT, gió, quang điện, thủy điện... Chính phủ Đức cũng đặt ra mục tiêu, đến năm 2020, giảm 40% lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính so với năm 1990 và sẽ tiếp tục tăng từ 80 - 95% vào năm 2050. Để đạt được mục tiêu đề ra, CHLB Đức đang nỗ lực đến năm 2025 nâng tỷ lệ NLTT chiếm khoảng 40 - 45% tổng sản lượng điện; từ 55 - 60% vào năm 2035 và đến năm 2050, ít nhất 80% điện năng, khoảng 60% tổng nhu cầu năng lượng phải được đáp ứng từ nguồn NLTT (Theo quy định trong Luật NLTT - Luật EEG của CHLB Đức). Nếu cứ phát triển như tình hình hiện nay, việc chạm mốc 50% điện từ



NLTT không còn là mục tiêu xa vời đối với CHLB Đức, nhất là sau Hội nghị Pari về biến đổi khí hậu năm 2015, Chính phủ Đức tiếp tục đưa ra Kế hoạch bảo vệ khí hậu năm 2050, trong đó có một phần của chương trình chuyển đổi năng lượng mà chính quyền Berlin đã thực hiện từ năm 2011. Kế hoạch đề ra 15 mục tiêu, trong đó có 6 mục tiêu chính: Lượng khí thải CO₂ giảm 40% vào năm 2020, năm 2030 là 55% và năm 2050 là 80%; tỷ lệ NLTT trong hỗn hợp điện chiếm 35% vào năm 2020, 50% vào năm 2030, 80% vào năm 2050; tiêu thụ năng lượng sơ cấp (hóa thạch) giảm 20% vào năm 2020; tiêu thụ điện giảm 10% (năm 2020); tiêu thụ năng lượng trong giao thông vận tải giảm 10% (năm 2020); xe điện đạt 1 triệu chiếc (năm 2020) và 6 triệu chiếc vào năm 2030.

Theo số liệu của Hiệp hội Năng lượng Đức (BDEW), trong nửa đầu năm 2019, tỷ lệ NLTT của CHLB Đức đã đạt đến mức cao kỷ lục, chiếm 44% trong tổng sản lượng điện của quốc gia này, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, các nhà máy điện mặt trời cho sản lượng 24 tỷ Kwh, tăng 1 tỷ Kwh so với nửa đầu năm 2018. Tháng 6/2019, điện từ NLMT đạt mức cao nhất từ trước đến nay, giữ vị trí số 1 trong các nguồn năng lượng tại CHLB Đức, với sản lượng 7,17 Twh (7,17 tỷ kWh), chiếm 19,2% tổng sản lượng điện, bên cạnh 18,7% từ điện than, 18,0% từ điện gió. Đặc biệt, ngày 29/6/2019, sản lượng điện từ NLMT tại CHLB Đức chạm đỉnh cao nhất, với 33,4 Gwh (33,4 triệu kWh), chiếm hơn một nửa sản lượng lưới điện vào thời điểm đó. Sở dĩ việc phát triển điện từ NLMT tại CHLB Đức bùng nổ trong những năm qua là do chi phí giảm khi giá thành các module quang điện hạ xuống mức rất thấp, trong khi nhiều nhà máy lớn đầu tư hệ thống điện mặt trời riêng để giảm chi phí năng lượng cũng đạt được các yêu cầu về mức độ phát thải các bon trong việc BVMT.

BVMT TRONG BÀI TOÁN KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Ngoài sự quyết tâm của Chính phủ, sự chuyển biến tích cực trong bức tranh tổng thể về NLTT ở CHLB Đức còn có

sự chung tay của các doanh nghiệp. Mới đây, Công ty hóa chất chuyên dụng LANXESS CHLB Đức đã công bố sẽ loại bỏ lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính từ khoảng 3,2 triệu tấn CO₂ ở thời điểm hiện tại xuống còn khoảng 1,6 triệu tấn năm 2030 và đạt ngưỡng trung hòa khí hậu vào năm 2040.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty LANXESS AG Matthias Zachert cho biết, theo Hiệp định Pari, cộng đồng quốc tế đã quyết định hạn chế mức tăng nhiệt độ Trái đất xuống dưới 2°C, điều này đòi hỏi những nỗ lực lớn từ tất cả các bên liên quan. Với quyết tâm đạt chỉ tiêu trung hòa khí hậu vào năm 2040, LANXESS AG đang thực hiện trách nhiệm của một công ty hóa chất chuyên dụng toàn cầu, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Ngoài ra, ông Matthias Zachert cũng nhấn mạnh đến lợi ích từ việc tiết kiệm chi phí về lâu dài nhờ sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên với phương châm “bảo vệ khí hậu là một bài toán kinh doanh”.

Để thực hiện hiệu quả kế hoạch đề ra, trong thời gian tới, Công ty LANXESS sẽ triển khai một số

dự án nhằm giảm thiểu khí thải nhà kính như: Xây dựng hệ thống phân hủy oxit nitơ ở Nhà máy LANXESS tại bang Antwerp và đưa vào vận hành trong năm 2020, sẽ góp phần giảm khoảng 150.000 tấn CO₂/năm; chuyển đổi toàn bộ hệ thống năng lượng tại các nhà máy ở Ấn Độ sang các nguồn NLTT; đẩy mạnh việc mở rộng nguồn cung điện sinh khối và NLMT. Ngoài ra, LANXESS sẽ không sử dụng than, hay khí đốt (gas), góp phần giảm thêm 150.000 tấn khí thải CO₂ kể từ năm 2024. Với những dự án nêu trên, LANXESS sẽ đầu tư tối đa 100 triệu Euro nhằm cắt giảm tổng lượng phát thải CO₂ của Tập đoàn xuống còn 800.000 tấn vào năm 2025.

Có thể nói, với tầm nhìn chiến lược và trình độ khoa học kỹ thuật - công nghệ phát triển, cùng năng lực tài chính mạnh mẽ, nước CHLB Đức đang là “lá cờ đầu” cho công cuộc chuyển đổi sang năng lượng xanh, góp phần BVMT Xanh - Sạch - Đẹp, không chỉ ở châu Âu mà còn cả trên bình diện thế giới ■

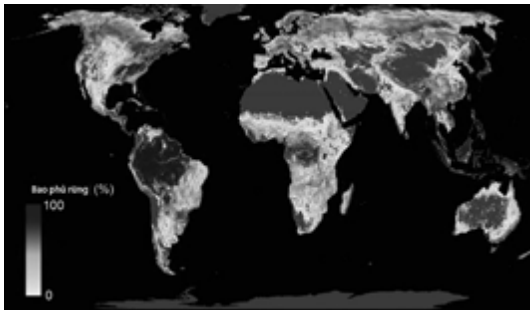
**NGUYỄN THỊ HỒNG
- GIA LINH**



10 câu chuyện môi trường thế giới nổi bật năm 2019

Năm 2019 khép lại với những tín hiệu tích cực, lạc quan trong cuộc chiến ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), ngăn chặn gia tăng phát thải khí nhà kính (KNK) của toàn thế giới. Nhờ có sự chung tay, góp sức của các quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng toàn cầu mà công tác BVMT, ứng phó với BĐKH đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tạp chí Môi trường xin trích đăng 10 câu chuyện môi trường thế giới nổi bật trong năm 2019 do trang tin Good News Network - một trang tin chuyên cung cấp những thông tin tích cực liên quan đến các lĩnh vực của đời sống - xã hội, bao gồm cả môi trường trên thế giới.

1 TÁI TẠO RỪNG ĐỂ CỨU TRÁI ĐẤT TRƯỚC TÁC ĐỘNG CỦA BĐKH



▲ Bản đồ khu rừng sẽ được trồng lại trên khu rừng cũ trên thế giới

Tháng 7/2019, Đại học ETH Zurich (Thụy Sĩ) đã công bố một nghiên cứu, trong đó cho biết, chỉ cần trồng thêm 900 triệu héc-ta rừng, sẽ hấp thụ đến 205 tỷ tấn cacbon, giảm khoảng 2/3 lượng KNK do các hoạt động của con người gây ra. Điều đó đồng nghĩa với việc thế giới có thể “chống chọi” được với BĐKH thêm khoảng 20 năm.

Nghiên cứu tập trung vào các vùng đất từng là rừng trước đây, nay đã bị tàn phá, hủy hoại, trên vùng đất này sẽ trồng cây, gây rừng. Các nhà khoa học đã nghiên cứu 80.000 ảnh chụp vệ tinh toàn cầu có độ phân giải cao để xác định vị trí rừng sẵn có và các khu vực có thể phục hồi rừng. Theo các nhà khoa học, để tái tạo được diện tích rừng là 900 triệu héc-ta, cần trồng mới 1.200 tỷ cây xanh khắp hành tinh.

2 HỒI SINH LOÀI CÁ VOI CÓ NGUY CƠ TUYỆT CHỦNG

Cá voi lưng gù - một trong những loài cá voi có nguy cơ tuyệt chủng trên thế giới lại đang “hồi sinh” trong năm 2019. Cá voi lưng gù có tấm sừng hàm, cơ thể khá lớn với chiều



▲ Cá voi lưng gù

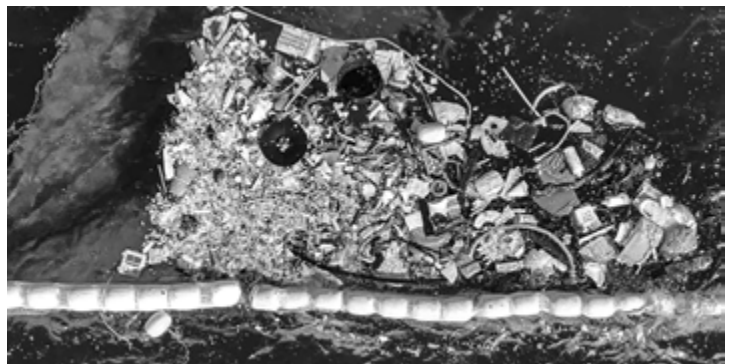
dài từ 12 - 16 m và cân nặng khoảng 30 - 36 tấn. Cá voi lưng gù hình dạng đặc biệt, vây ngực dài khác thường và đầu có u.

Đầu những năm 1900, trước sự phát triển mạnh mẽ của ngành đánh bắt cá voi, số lượng cá voi lưng gù của thế giới, nhất là ở khu vực Tây Nam Đại Tây Dương đã giảm xuống chỉ còn 450 con. Tuy nhiên, theo nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc Đại học Khoa học Thủy sản

Washington (Mỹ), loài cá voi lưng gù đang dần hồi phục, với số lượng ước tính khoảng 25.000 con tại khu vực Tây Nam Đại Tây Dương.

3 CON TÀU THU GOM RÁC THẢI NHỰA ĐẦU TIÊN CỦA THẾ GIỚI

Maersk Launcher - một con tàu đặc biệt được thiết kế để làm sạch các đại dương - đã tiến hành thu gom rác thải nhựa ở đảo rác Thái Bình Dương. Đây là một phần trong



▲ Tàu thu gom rác thải nhựa trên đảo Thái Bình Dương



Dự án cải thiện môi trường của Tổ chức Làm sạch đại dương (Ocean Cleanup), một tổ chức phi lợi nhuận của Hà Lan. Theo công bố của Tổ chức Làm sạch đại dương, con tàu có thể làm sạch 50% đảo rác Thái Bình Dương trong vòng 5 năm. Con tàu được trang bị một tấm lưới dài 600 m để thu gom rác thải nhựa, đặc biệt là các mảnh vụn nhựa, sau đó mang số rác thải nhựa này về đất liền để tái chế.

Đảo rác Thái Bình Dương là một bãi rác nổi, là khu vực có nhiều rác thải nhựa nằm trong xoáy nước Bắc Thái Bình Dương (1 trong 5 xoáy nước chính của đại dương).

4 XỬ LÝ CÁC LOẠI RÁC THẢI KHÔNG THỂ TÁI CHẾ

Công ty Năng lượng Sierra (California, Mỹ) đã nghiên cứu giải pháp xử lý các loại rác không thể tái chế. Công ty đã cải tiến lò cao để tiêu hủy rác bằng công nghệ khí hóa FastOX nhằm đốt rác thải không thể tái chế dưới nhiệt độ cực cao, gấp đôi nhiệt độ của núi lửa là 4.000° F (khoảng 2.204°C). Hệ thống lò cao có thể tạo ra nhiệt bằng phương pháp bơm một lượng khí oxy cần thiết vào lò. Cácbon bốc lên từ rác thối rữa sẽ hòa trộn và tác dụng với oxy trong khí quyển, tạo ra hydro và carbon monoxide (CO). Hơi nước giải phóng được thu lại và bơm vào lò để duy trì nhiệt độ bên trong. Nhiên liệu tạo ra từ công nghệ FastOX mà Công ty đang áp dụng sạch hơn tiêu chuẩn California đối với nhiên liệu thông thường khoảng 20 lần.



▲ Công ty Năng lượng Sierra (California, Mỹ)

5 SỬ DỤNG VỎ CHAI NHỰA ĐỂ CHẾ TẠO THUYỀN SINH THÁI

Ismaël Essome Ebone - một thanh niên người Cameroon đã góp phần giải quyết ô nhiễm môi trường bằng cách biến vỏ chai nhựa đã qua sử dụng thành thuyền.

Năm 2011, khi còn là một học sinh, Ismaël Essome Ebone đã nảy sinh ý tưởng làm



▲ Ismaël Essome Ebone tận dụng vỏ chai nhựa để làm thành thuyền

“thuyền sinh thái”. Sau khi “chiếc thuyền sinh thái” của Ismaël Essome Ebone được thử nghiệm thành công, anh đã đầu tư tất cả số tiền mình có để sáng lập “Madiba & Nature” - một tổ chức tình nguyện, chuyên thu gom rác thải nhựa trong khu vực và biến nó thành thuyền, phục vụ du lịch sinh thái, hoặc dành cho những ngư dân.

6 “PIN NƯỚC” GIÚP TIẾT KIỆM ĐIỆN

“Cục pin nước” đầu tiên trên thế giới đã được đưa vào sử dụng tại Đại học Sunshine Coast (Úc) vào tháng 9/2019. Đây là một hệ thống lưu trữ năng lượng nhiệt khổng lồ, với 6.000 tấm pin mặt trời được lắp đặt trên mái trường Đại học Sunshine Coast, tạo nên hệ thống quang điện 2,1 MW. Hệ thống năng lượng này

được sử dụng để làm mát 4,5 triệu lít nước trong bể chứa ba tầng của nhà trường, giúp điều hòa không khí và làm giảm 40% mức điện năng sử dụng, góp phần giảm khí thải nhà kính.

7 HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG TOÀN CẦU DỰA VÀO NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO 100%

Tháng 4/2019, Đại học Công nghệ Lappeenranta và Tập đoàn Theo dõi Năng lượng (Đức) đã công bố kịch bản chiến lược năng lượng toàn cầu, trong đó chỉ ra rằng, năng lượng tái tạo sẽ là nguồn năng lượng chính của toàn cầu, để duy trì mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở 1,5° C. Báo cáo cũng đề cập đến một kịch bản mà công nghệ chiếm ưu thế, chi phí đầu tư hiệu quả, tuy nhiên, trong kịch bản năng lượng toàn cầu này không gần



▲ Năng lượng tái tạo sẽ là nguồn năng lượng chính của toàn cầu



với công nghệ thu giữ các bon. Báo cáo đã đưa ra bức tranh chuyển đổi năng lượng toàn cầu trong các lĩnh vực điện, nhiệt, vận chuyển... vào năm 2050. Điều này chứng tỏ rằng, việc chuyển đổi sang năng lượng tái tạo 100% có khả năng cạnh tranh với năng lượng truyền thống dựa trên hóa thạch, hạt nhân và có thể giảm phát thải KNK xuống 0 trước năm 2050.

8 SỬ DỤNG ENZYME ĐỂ PHÂN HỦY NHỰA

Mới đây, các nhà nghiên cứu thuộc Công ty Carbios của Pháp đã sử dụng một loại enzyme đặc biệt có khả năng phân hủy nhựa PET như khay thức ăn, áo sơ mi polyester... Chỉ trong một vài ngày, loại enzyme đột biến mới có thể phân hủy nhựa nhanh hơn so với thời gian nhựa tự phân hủy dưới đại dương. Nhóm nghiên cứu đã sử dụng chùm tia X cực mạnh (gấp 10 triệu lần ánh sáng mặt trời thông thường) để xác định được cấu trúc chính xác của loại enzyme gốc trong tự nhiên. Khi cho loại enzyme này tiếp xúc với lớp màng mỏng PET, chúng sẽ phân hủy nhựa tạo thành những vết lõm. Sau đó, lớp màng nhựa PET bị phân hủy hoàn toàn.



▲ Các nhà nghiên cứu Pháp sử dụng enzyme có khả năng phân hủy nhựa

9 HƠN 1 TRIỆU NGƯỜI LÀM VƯỜN CHUNG TAY TẠO RA MẠNG LƯỚI CÂY XANH TOÀN CẦU ĐỂ NUÔI DƯỠNG ONG VÀ BƯỚM

Năm 2015, Mạng lưới vườn thụ phấn quốc gia (NPGN) - một tổ chức làm vườn của Mỹ đã phát động phong trào “Thử thách khu vườn thụ phấn”, kêu gọi toàn bộ người dân nâng cao nhận thức về vai trò của các loài thực vật thụ phấn, nhằm mục đích bảo vệ những loài côn trùng thụ phấn như ong, bướm. NPGN



▲ Mạng lưới các nhà làm vườn kêu gọi cộng đồng tham gia xây dựng vườn hoa thụ phấn để nuôi dưỡng các loài côn trùng thụ phấn

là chương trình hợp tác giữa các tổ chức bảo tồn, nhóm làm vườn, tổ chức xã hội, cơ quan liên bang tham gia kêu gọi và truyền cảm hứng cho mọi người giữ gìn môi trường sống tươi xanh với nhiều loại cây thụ phấn.

Đến tháng 4/2019, NPGN đã nhận được số đơn đăng ký tham gia Chương trình “Thử thách 1.000.000 vườn thụ phấn” của 1.040.000 nhà vườn. Mặc dù, hầu hết các nhà vườn đăng ký là ở Mỹ, nhưng Chương trình cũng nhân rộng sang các nhà vườn ở Canada, Mexico và châu Âu.

10 XE ĐIỆN CHẠY PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI ĐƯỜNG DÀI ĐẦU TIÊN TRÊN THẾ GIỚI

Nhờ hệ thống các tấm pin năng lượng mặt trời gắn

trên nóc, mẫu xe mới ra mắt của Công ty Lightyear (Hà Lan) có thể chạy trên đường dài, mà không cần phải ghé vào các trạm sạc. Về cơ bản, sản phẩm của Công ty cũng giống những loại xe điện khác trên thị trường là có bộ pin và động cơ được trang bị ở mỗi bánh xe. Điểm khác biệt chính là hệ thống các tấm pin năng lượng mặt trời gắn trên nóc xe có thể thu năng lượng và sạc pin khi phương tiện đang di chuyển trên đường. Đội ngũ kỹ sư của Công ty Lightyear (trước đây là nhân viên của 2 Hãng xe Ferrari và Tesla) cho biết, đây là một bước ngoặt lịch sử giúp giải quyết được lượng khí thải CO₂ trên toàn cầu■

PHƯƠNG LINH

(Theo Goodnewsnetwork)



▲ Mẫu xe chạy bằng năng lượng mặt trời của Công ty Lightyear (Hà Lan)



Nốt “trầm” trong năm 2019 và thông điệp đầu Xuân về môi trường

VŨ LÂN

“NỐT TRẦM” TRONG NĂM 2019

Thường sau mỗi năm, người ta dành thời gian để “nhìn lại” một cách khái quát những sự kiện lớn, thành tích nổi trội đã đạt được trong năm qua, chuẩn bị “hành trang” cho bước đường đi lên trong năm mới. Vừa qua, báo chí nước ta đã bình chọn những (thường là 10) sự kiện tiêu biểu trong năm 2019, trong đó có những thành tích ấn tượng, nổi bật trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng Đảng, đối ngoại, thể thao, phòng, chống tham nhũng... được đồng bào bạn đọc đồng tình. Đằng sau những thành tích, sự kiện tiêu biểu này ít nhiều, gián tiếp hoặc trực tiếp đều có đóng góp của lĩnh vực môi trường. Bởi vì môi trường là của chung, đồng thời là vấn đề thiết yếu của mỗi một con người. Nói một cách hình ảnh thì có thể gọi những thành tích tiêu biểu trong năm qua là những “nốt thăng” cao vút trong bản hòa ca của đất nước ta trong năm qua. Bên cạnh những “nốt thăng” thì cũng có những “nốt trầm” đặt ra như là một sự thách thức đối với loài người chúng ta.

Vừa qua, trước thềm năm mới 2020, Hội nghị lần thứ 25 các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH (COP 25) được tổ chức tại Madrid, Tây Ban Nha (từ ngày 2 - 13/12/2019), lần đầu tiên, hơn 10 nghìn nhà khoa học đến từ hơn 150 quốc gia đã cùng đưa ra cảnh báo, Trái đất đang đối mặt với tình trạng khẩn cấp về khí hậu. Thế giới năm qua liên tục trải qua nhiều tháng nóng, một tháng 6 nóng nhất trong vòng 140 năm. Tại Ấn Độ hay Ôxtrâyli, người dân phải gánh chịu những đợt nắng nóng đỉnh điểm với nhiệt độ lên tới hơn 50°C. Còn ở những xứ lạnh như châu Âu, người dân đã phải chịu cái nóng lên tới 41°C khiến nhiều người tử vong. Năm 2019, rừng Amazon ở Brazil đã hứng chịu hàng nghìn đám cháy, khiến khói lan rộng một nửa đất nước và tràn sang các quốc gia láng giềng Peru, Bolivia và Paraguay đe dọa cuộc sống của hàng chục triệu dân. Gần 79.000 vụ cháy rừng đã được ghi nhận ở Brazil trong năm nay, cao nhất kể từ năm 2013 và một nửa trong đó xảy ra tại rừng mưa Amazon, nơi được coi là “lá phổi

xanh” của hành tinh. Lượng khí gây hiệu ứng nhà kính, vốn được coi là nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng BĐKH, đã lên mức kỷ lục mới trong năm 2019. Ngay trong những ngày đầu năm 2020, “giặc lửa” vẫn tiếp tục hoành hành chưa dứt tại các khu rừng ở Ôxtrâyli mà lần đầu tiên, nước này gọi là “thảm họa về môi trường”.

Tại Hội nghị nói trên, Tổng Thư ký Liên hợp quốc Antonio Guterres nhấn mạnh, BĐKH đang diễn ra nhanh hơn bao giờ hết và đây là mối đe dọa lớn nhất đối với hành tinh chúng ta, đây là vấn đề sống còn của thời đại chúng ta. Còn Chương trình Môi trường của Liên hợp quốc cũng lên tiếng cảnh báo thế giới sẽ bỏ lỡ cơ hội tránh được các thảm họa khí hậu nếu không giảm ngay lập tức lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính.

Ở nước ta, trong năm qua, nhiều sự cố môi trường liên tiếp xảy ra cũng đã được nhiều báo chí bình chọn là sự kiện tiêu biểu năm 2019. Vụ cháy tại Nhà máy của Công ty Cổ phần Bóng đèn - Phích nước Rạng Đông tại quận Thanh Xuân; việc xả thải gây ô nhiễm nguồn nước của Công ty Cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà (Viwasupco) gây khủng hoảng nước sạch cho nhiều quận, huyện ở Hà Nội trong nhiều ngày; ô nhiễm không khí nghiêm trọng xảy ra tại các TP. Hà Nội, Hồ Chí Minh, tác động tiêu cực đến sức khỏe và môi trường sống của người dân...

cũng là “nốt trầm” mà chúng ta phải nhắc lại trong đầu năm mới này.

Không ai muốn những sự cố, tác hại về môi trường, BĐKH xảy ra, nhưng nhìn dưới góc độ tích cực thì chính “nốt trầm” nói trên làm chúng ta sáng tỏ ra nhiều điều. Với sự nỗ lực, tích cực, chủ động của những tổ chức, cơ quan, cá nhân quản lý và hoạt động môi trường, nhiều vấn đề môi trường ngày càng được nghiên cứu, tìm hiểu một cách công phu, cụ thể sau đó công khai đến với xã hội và người dân, từ đó nói đúng sự thật để mọi người đều biết, có biện pháp hạn chế, ngăn chặn, đối phó với vấn đề BĐKH, ô nhiễm môi trường sống của chúng ta. Trong thời đại của kỹ thuật số, công nghệ thông tin, tất cả những sự cố, sự kiện môi trường trên trái đất và ở trong nước ta đều được thông tin một cách nhanh chóng trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng xã hội, đến với mỗi người dân, góp phần nâng cao trình độ nhận thức, sự hiểu biết ngày càng sâu sắc, cụ thể về tầm quan trọng của môi trường và ý nghĩa, sự cần thiết BVMT, khắc phục tác hại của BĐKH, chung tay bảo vệ cuộc sống cũng như trái đất xanh của chúng ta.

Trong thời đại công khai, dân chủ, mọi hành vi hủy, làm ảnh hưởng đến môi trường sống từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xả thải trong cuộc



▲ Phiên khai mạc Hội nghị COP 25

sống hằng ngày đều dễ dàng bị phát hiện, lên án, đồng thời những tấm gương tốt về phong trào BVMT (loại bỏ chất thải nhựa dùng một lần, những điển hình về BVMT...) đều nhanh chóng được lan rộng, hưởng ứng thành phong trào mạnh mẽ. Đồng thời, các tổ chức, cơ quan, nhà quản lý, hoạt động môi trường cần đề ra những chủ trương, chính sách phù hợp, đáp ứng nhu cầu cuộc sống nói chung và công tác BVMT nói riêng.

THÔNGIỆP ĐẦU XUÂN VỀ MÔI TRƯỜNG

Đứng trước tình trạng BĐKH trên trái đất ngày đe dọa nặng nề cuộc sống người dân nhiều nơi trong đó có nước ta tình trạng xâm nhập mặn, hạn hán đến sớm đã và đang đe dọa, gây khó khăn cho sản xuất đời sống tại 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và nhiều tỉnh thành khác trên cả nước, ngay trong ngày bản lề của năm mới 2020, các nhà lãnh đạo Đảng, Chính phủ nước ta đã ban đi thông điệp mạnh mẽ về nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề môi trường. Trong bài phát biểu trước Hội nghị trực tuyến của Chính phủ, ngày 30/12/2019, Tổng Bí thư - Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: “Xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh, ngăn chặn sự suy thoái đạo đức, lối sống và phong, chống bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em và tệ nạn xã hội”; “Tăng cường quản lý tài nguyên, BVMT, phòng, chống thiên tai, ứng phó với BĐKH”. Còn Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã khẳng định: “Không đánh đổi môi trường để lấy kinh tế”.

Như vậy, Thông điệp đầu Xuân của người đứng đầu Chính phủ ta đã gắn bó hữu cơ vấn

đề môi trường với vấn đề văn hóa-đạo đức-văn minh của mỗi một con người, mỗi một dân tộc. Điều này là vô cùng cần thiết, đúng đắn và sâu sắc. Đã từ lâu, Đảng ta, Bác Hồ kính yêu đã khẳng định: “Môi trường văn hóa bị ô nhiễm cũng độc hại không kém môi trường không khí. Nền tảng xã hội là bộ phận và trụ đỡ cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững”. Cho nên, ý Đảng, lòng dân và tinh thần doanh nghiệp cùng với kinh tế, xã hội và môi trường đều là công thức “3 trong 1” của sự phát triển thịnh vượng và bền vững.

Từ lâu, Đảng, Nhà nước ta coi đạo đức là “gốc” của người cán bộ cách mạng. Người cán bộ cách mạng phải có cả đức lẫn tài, nhưng đạo đức cách mạng là cái nguồn, cái gốc của cán bộ, đảng viên. Vì vậy, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng thì mới hoàn thành nhiệm vụ cách mạng được giao. Đạo đức cách mạng là một nội dung, một yếu tố trong một con người có văn hóa. Văn hóa-đạo đức-văn minh của mỗi con người là yếu tố mang tính quyết định, chi phối ý thức, hành động BVMT

của con người đó. Người không có văn hóa-đạo đức thì cũng không thể là người làm tốt công tác giữ gìn và BVMT sống của chính họ và cho mọi người.

Ngày nay, đã hình thành môn học nghiên cứu về mối quan hệ giữa con người với các nhân tố sinh học và phi sinh học trong tự nhiên, đồng thời nhằm giáo dục phẩm cách của con người đối với môi trường được gọi là giáo dục đạo đức môi trường. Ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về sống hòa hợp với thiên nhiên, môi trường. Đồng thời, trên cơ sở những phẩm chất đạo đức cách mạng được Bác Hồ rèn luyện, chỉ dẫn, và tấm gương của Người, mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người dân có đầy đủ 3 phẩm chất sau đây thì được gọi là những người có đạo đức môi trường. Đó là: Có tri thức, hiểu biết sâu sắc về môi trường sống; thái độ ứng xử, sống thân thiện, tôn trọng và sống hòa hợp với thiên nhiên - môi trường; khả năng hành động cụ thể để tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục mọi người cùng xây dựng, giữ gìn, BVMT nhằm phát triển bền vững■



Ấm tình Xuân nơi biên cương Tổ quốc

Mùa xuân đã về trên khắp núi rừng và các bản làng biên cương trong sự giao hòa của đất trời, vạn vật. Đào rừng bắt đầu khoe sắc trong những ngày cuối năm, đất trời như được khoác thêm tấm áo mới bên cạnh màu xanh của núi rừng và sắc xanh áo quân hàm của những chiến sỹ bộ đội biên phòng (BĐBP) tỉnh Điện Biên.

GIAN NAN TRÊN NHỮNG CUNG ĐƯỜNG TUẦN TRA BIÊN GIỚI

Với nhiệm vụ quản lý, bảo vệ đường biên giới quốc gia trên hai tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và địa bàn biên giới gồm bốn huyện với 29 xã, gần 350 thôn bản với 16 cộng đồng dân tộc sinh sống, BĐBP Điện Biên luôn chú trọng xây dựng thể trận biên phòng toàn dân vững mạnh, gắn với thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân vững chắc trên khu vực biên giới.

Hiện BĐBP tỉnh Điện Biên có 17 đồn biên phòng (2 đồn tuyến Việt Nam - Trung Quốc, 15 đồn tuyến Việt Nam - Lào) thực hiện quản lý, bảo vệ đoạn biên giới dài 455,573 km. Để bảo vệ vững chắc biên giới thiêng liêng của Tổ quốc, những năm qua, Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh đã có nhiều chủ trương, biện pháp quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới, hợp tác chặt chẽ với các lực lượng chức năng của nước bạn giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, thắt chặt tình đoàn kết quân dân hai bên biên giới; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định...

Đồn Biên phòng Leng Su Sìn (xã Leng Su Sìn, huyện Mường Nhé) là đồn quản lý nhiều cột mốc biên giới, với 9 cột mốc (từ mốc 8 - 16) trên tuyến biên giới Việt - Lào trải dài 25,9 km. Vào những ngày cuối năm, từ sáng sớm, sương mù giăng kín tầm mắt, đội tuần tra của Đồn đã sẵn sàng hành lý, tư trang và vũ khí lên đường. Một nhóm dân quân xã cũng đã có mặt để cùng đi tuần tra theo kế hoạch phối hợp. Do địa bàn Đồn quản lý chủ yếu là đường rừng, có nhiều suối sâu, nước lớn chạy giữa rừng (suối Voi



▲ Các chiến sỹ BĐBP tỉnh Điện Biên tham gia trồng và chăm sóc cây xanh

đỏ về từ dòng sông Nậm Ma, suối Păng Pơi theo dòng Mo Phí), nhưng các chiến sỹ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trong các mốc tuần tra, mốc 13, 14, đây là 2 mốc xa xôi, khó khăn nhất của Đồn. Để đến được cột mốc, cả đội phải ngủ lại trong rừng, sáng hôm sau mới xuyên qua cánh rừng già của Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé để đến được mốc 13. Lúc này, các chiến sỹ biên phòng tiến hành kiểm tra mốc, cảnh giới khu vực và chụp ảnh làm báo cáo; dân quân địa phương thì quét dọn, phát cỏ cho dễ nhìn cột mốc. Rời mốc 13, các chiến sỹ tiếp tục hành trình tới mốc 14. Lúc này trời hừng nắng, sương mù đã tan bớt, lộ ra những vạt rừng xanh mướt, tiếng voọc gọi bầy hòa lẫn với tiếng chim hót như thôi

thúc từng bước chân của các chiến sỹ bước nhanh hơn. Trở về Đồn sau hai ngày đi tuần tra, Trung tá Chu Ngọc Lệ, Đồn trưởng Đồn Biên phòng Leng Su Sìn chia sẻ: “Mỗi chuyến tuần tra thường gian nan, vất vả, nhất là vào những ngày cuối năm, tình hình an ninh biên giới càng có nhiều bất ổn. Chính vì thế, việc tuần tra của Đồn càng phải bố trí dày đặc, tăng số buổi và quân số đi tuần, để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các đối tượng có hành vi vi phạm quy chế biên giới”.

Với quyết tâm “Xây dựng biên giới lòng dân vững chắc”, cán bộ, chiến sỹ của Đồn Biên phòng Leng Su Sìn sẽ nỗ lực bám biên, bám mốc, hoàn thành tốt sứ mệnh của người lính mang quân hàm xanh trong việc bảo vệ biên cương Tổ quốc.

TÍCH CỰC BVMT GẮN VỚI BẢO VỆ CHỦ QUYỀN

Xác định công tác BVMT là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với bảo vệ chủ quyền an ninh, biên giới quốc gia, Đoàn Thanh niên BDBP Điện Biên đã tích cực phối hợp cùng các tổ chức đoàn địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia trồng và chăm sóc rừng, nạo vét kênh mương, thu gom rác thải sinh hoạt ở các khu dân cư... Các hoạt động trên đã phát huy tốt vai trò nòng cốt và tinh thần xung kích của tuổi trẻ BDBP Điện Biên trong BVMT.

Với những nỗ lực BVMT, các đoàn viên, thanh niên BDBP tỉnh Điện Biên đã tham gia thực hiện các phong trào “Thanh niên tham gia xây dựng văn minh đô thị”, thực hiện các tiêu chí về môi trường của chương trình “Xây dựng nông thôn mới”; góp phần nâng cao ý thức của các cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong công tác BVMT. Qua đó khẳng định vai trò, trách nhiệm của tuổi trẻ BDBP Điện Biên trong công tác BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng hình ảnh đẹp của người lính Quân hàm xanh trong các hoạt động tình nguyện.

Hàng năm, ngoài việc tổ chức lễ “Tết trồng cây, đời đời nhớ ơn Bác Hồ”, Đoàn Thanh niên đã phát động cho đoàn viên tham gia “Ngày chủ nhật xanh”, “Thứ bảy



▲ Cán bộ, chiến sĩ Đồn Biên phòng Nà Búng (huyện Nậm Pồ) phối hợp với lực lượng bảo vệ biên giới nước CHDCND Lào tuần tra bảo vệ cột mốc

tình nguyện” để tham gia vệ sinh môi trường; trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc trên địa bàn. Thông qua các hoạt động phối hợp, giao lưu với các tổ chức Đoàn địa phương và công tác vận động quần chúng đã góp phần nâng cao nhận thức BVMT cho đoàn viên,

thanh niên và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn. Trên cơ sở đó để mỗi người dân có nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa của môi trường và có những việc làm thiết thực để gìn giữ môi trường.

Những ngày cuối năm, cùng với đồng bào các dân tộc chuẩn bị đón Tết Canh Tý, lực lượng chiến sĩ biên phòng phối hợp tham gia với người dân phát quang bụi rậm, cây cỏ hai bên đường vành đai biên giới, quét dọn bản làng, dựng và gia cố lại bờ rào quanh ruộng vườn. Trong không khí ấm áp, thắm tình quân dân, các Đồn biên phòng tổ chức gói, nấu bánh chưng tặng cho đồng bào biên giới, hoạt động này góp phần cùng chính quyền địa phương chăm lo Tết đầm ấm cho đồng bào các dân tộc, đồng thời càng khẳng định, thắt chặt thêm tình đoàn kết, gắn bó quân dân chung tay BVMT, bảo vệ an ninh Tổ quốc■

TRẦN TRUNG



▲ Homestay Ngôi nhà hoa ếch thu hút nhiều khách đến tham quan



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. Nguyễn Việt Anh

Prof. Dr. Đặng Kim Chi

Assoc. Prof. Dr. Nguyễn Thế Chinh

Prof. Dr. Phạm Ngọc Đăng

Dr. Nguyễn Thế Đồng

Assoc. Prof. Dr. Lê Thu Hoa

Prof. Dr. Đặng Huy Huỳnh

Assoc. Prof. Dr. Phạm Văn Lợi

Assoc. Prof. Dr. Phạm Trung Lương

Prof. Dr. Nguyễn Văn Phước

Dr. Nguyễn Ngọc Sinh

Assoc. Prof. Dr. Lê Kế Sơn

Assoc. Prof. Dr. Nguyễn Danh Sơn

Assoc. Prof. Dr. Trương Mạnh Tiến

Dr. Hoàng Dương Tùng

Assoc. Prof. Dr. Trịnh Văn Tuyên

PERSON IN CHARGE OF ENVIRONMENT MAGAZINE

Nguyễn Văn Thùy

Tel: (024) 61281438

OFFICE

● Hanoi:

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi

Managing: (024) 66569135

Editorial: (024) 61281446

Fax: (024) 39412053

Email: tapchimoitruongtmt@vea.gov.vn

<http://www.tapchimoitruong.vn>

● Ho Chi Minh City:

A 907, 9th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city

Tel: (028) 66814471; Fax: (028) 62676875

Email: tcmtphianam@vea.gov.vn

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page: *Spring comes to
the highlands*

Photo by: VNA

Processed & printed by:

**Hanoi Culture and Media Printing Joint
Stock Company**

Nº 1/2020

Price: 20.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [6] ● Year 2019: Natural resources and environment sector's efforts in contributing to socioeconomic development of the nation
- [7] ● MONRE-VUSTA enhance cooperation in natural resources and environment
- [8] ● Wetlands – life supporter



LAW - POLICY

- [9] NGUYỄN VĂN TÀI : Make breakthrough in policy and law, proactive in management and environmental protection
- [12] NGUYỄN HUNG THỊNH, NGUYỄN TRUNG THUẬN : Overview of the revised Law on Environmental Protection
- [15] TẠ ĐÌNH THI, PHẠM TUYẾN: Vietnam Administration of Seas and Islands: strengthening marine plastic wastes for global development
- [18] TRẦN ANH DUONG, PHẠM ĐÌNH: Transport sector: promoting air protection in urban areas
- [20] PHẠM MỸ HẠNH: Enhancing inter-sectoral cooperation in scarp import management
- [23] NGUYỄN TRUNG THẮNG, HOÀNG HỒNG HẠNH: Some orientations for environmental protection in the coming period
- [25] NGUYỄN KIM TUYẾN, TRẦN THỊ LỆ ANH : Some main results of implementing master plan for Cau and Nhue Day River Basins
- [30] ĐÌNH LÝ – VŨ HẢI: Review of one year of public education for no littering streets and canals in Ho Chi Minh City



FORUM- VIEW EXCHANGE

- [33] NGUYỄN HẢI HÀ: Construction sector promotes environmentally friendly building materials
- [35] PHŨ HÃ: Public awareness raising and education on plastic wastes
- [37] NGUYỄN THỊ QUỲNH HUƠNG, NGUYỄN HẢI YẾN: Best available technologies and some international experiences
- [39] HỒ THỊ THANH VÂN, NAM HƯNG: Need for scientist - business connection in research and development



GREEN SOLUTIONS AND TECHNOLOGIES

- [41] ĐẶNG HUY HUỖNH – PHÙNG QUANG CHÍNH: Old growth tree conservation: model of, by and for people
- [43] LÊ NGỌC KIM NGÂN: Solid waste status and environmental protection measures in Tuy Hoa City
- [45] NGUYỄN GIA LONG, HỒNG NHUNG: Waste recovered power for waste treatment in Hung Yen: effective environmental protection work
- [47] NGUYỄN THẾ: Reducing plastic wastes in rivers and estuaries with at source management approach



ENVIRONMENT AND BUSINESSES

- [49] TẠ BẢO LONG, GIẢNG HƯƠNG: Tetra Park – Pioneer in packaging waste collection and disposal of in Vietnam
- [51] PHẠM HỒNG DƯƠNG: Nestle Việt Nam realises sustainable development objectives



ENVIRONMENT AND DEVELOPMENT

- [55] NGUYỄN HẰNG: Kon Chư Răng Protected Area promotes biodiversity conservation for research and economic development
- [57] TRẦN GIÒI – NGUYỄN VĂN HIẾU: Enhancing conservation and sustainable development in Hon Heo mangrove forest
- [59] LÊ THỊ NGỌC: Need for conserving and scaling up Shan snow tea trees in Tua Chuan, Dien Bien



AROUND THE WORLD

- [61] NGUYỄN THỊ HỒNG, GIA LINH: Positive move in environmental protection in Germany
- [63] PHƯƠNG LINH: Top 10 world environmental stories



ENVIRONMENT AND SPRING

- [66] VŨ LÂN: Flat note in 2019 and the new year environmental message
- [68] TRẦN TRUNG: Spring sentiment in the nation's borders

KHU CÔNG NGHIỆP TÂN PHÚ TRUNG LUÔN ĐẶT CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÊN HÀNG ĐẦU



Khu công nghiệp Tân Phú Trung thành lập từ năm 2003. Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc (Công ty SCD) - Chủ đầu tư KCN Tân Phú Trung rất chú trọng công tác bảo vệ môi trường, thực hiện nghiêm theo Luật Bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

Công ty SCD đã xây dựng Nhà máy XLNT tập trung giai đoạn 1, công suất thiết kế là 4.000 m³/ngày đêm. Nhà máy luôn hoạt động 24/7 và xuyên suốt 365 ngày đảm bảo nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn loại A (QCVN 40:2011-MTNT) trước khi xả thải ra hệ thống kênh TC-2.17. Để thu gom toàn bộ nước thải của các Doanh nghiệp mới đầu tư vào KCN sau khi KCN thành lập và tất cả các doanh nghiệp được hình thành trước khi có KCN (DN hiện hữu), KCN đầu tư riêng một tuyến ống nước thải tạm thu gom toàn bộ nước thải từ các doanh nghiệp hiện hữu dọc theo tuyến đường QL22, và đường Tam Tân. Toàn bộ nước thải của tất cả các doanh nghiệp KCN đều được xử lý đạt Quy chuẩn loại A (QCVN 40:2011 MTNT) trước khi xả thải ra môi trường bên ngoài. Công ty SCD thường xuyên lên kế hoạch bảo trì bảo dưỡng, thay thế thiết bị của trạm XLNT để đảm bảo nước thải của các doanh nghiệp trong KCN luôn luôn được xử lý triệt để. Bằng chứng là hệ sinh thái của các kênh Cầu Bông và kênh Thầy Cai từ khi KCN thành lập nước trong veo và các loại tôm cá sinh sôi, các hộ dân lân cận thường xuyên ra các kênh câu cá thư giãn.

Trong quá trình hoạt động, KCN Tân Phú Trung thực hiện đầy đủ các Quy định về bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt số: 1614/BTNMT-TCMT về việc điều chỉnh tần suất giám sát chất lượng môi trường định kỳ tại KCN Tân Phú Trung. Thực hiện xác nhận hoàn thành công trình số 113/GXN-TCMT ngày 18/11/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng KCN Tân Phú Trung TPHCM (giai đoạn xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN) tại huyện Củ Chi, TPHCM. Thực hiện báo cáo xả thải định kỳ hàng quý theo giấy phép xả thải số 210/GP-TCTL-PCTr ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn về việc xả nước thải vào công trình Thủy Lợi.

Đến nay KCN Tân Phú Trung đã hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng để thu hút các nhà đầu tư, công tác giám sát, theo dõi hoạt động của các doanh nghiệp được thực hiện định kỳ hàng năm, Công ty SCD luôn quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường và luôn có ý thức, trách nhiệm thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong KCN bằng việc đầu tư xây dựng Nhà máy XLNT Tập trung, đầu tư xây dựng hai hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt. Công ty SCD thành lập riêng một bộ phận chuyên trách phục vụ công tác bảo vệ môi trường gồm các thành viên đầy đủ kiến thức chuyên môn và khả năng để xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình hoạt động bảo vệ môi trường KCN, Bộ phận môi trường thường xuyên phối hợp tham gia công tác thanh, kiểm tra, giám sát môi trường cùng với cơ quan chức năng như Sở TNMTTP.HCM, BQL Các Khu Chế Xuất Và Công Nghiệp TPHCM (HEPZA), Phòng Tài Nguyên Môi Trường Huyện Củ Chi, Phòng Cảnh Sát Môi Trường TPHCM (PC 05), Chi Cục Thủy Lợi - Sở Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn, Công ty Quản Lý Và Khai Thác Dịch Vụ Thủy Lợi...

Khu công nghiệp Tân Phú Trung thường xuyên tiến hành vệ sinh, nạo vét đường ống thoát nước thải tạm, nạo vét các tuyến cống nước mưa, nước thải của tất cả các tuyến đường trong KCN và nạo vét các tuyến kênh để khơi thông dòng chảy. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của các doanh nghiệp đối với Trạm XLNT Tập Trung KCN. Các DN có nhu cầu thuê đất tại

KCN luôn được yêu cầu cung cấp quy trình sản xuất, quy trình và hệ thống xử lý nước thải, khí thải và phải thỏa mãn tất cả các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Toàn bộ quy trình cung cấp sẽ được HEPZA và KCN xem xét cẩn trọng trước khi tiếp nhận DN thuê đất thực hiện dự án.

Song song đó, KCN nghiêm chỉnh chấp hành phân loại rác thải tại nguồn; đã đầu tư và lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, quan trắc các thông số như: pH, Lưu lượng, TSS, COD thể hiện các chỉ tiêu song song với Trạm quan trắc nước thải tự động của Chi Cục Bảo Vệ Môi Trường nhằm kiểm soát tốt chất lượng nước thải đầu ra 24/7 và 365 ngày trong năm, thực hiện nghiêm túc việc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý, chuyển giao chất thải nguy hại, quản lý chứng từ chất thải nguy hại, thực hiện báo cáo quản lý chất thải nguy hại đúng và đầy đủ, thực hiện kê khai phí bảo vệ môi trường và đóng phí bảo vệ môi trường định kỳ hàng quý đúng quy định.

Đối với các doanh nghiệp đang hoạt động có phát sinh khí thải thì trong quá trình làm việc về môi trường, chủ đầu tư luôn nhắc nhở để các doanh nghiệp luôn cải tiến quy trình sản xuất, đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý khí thải, khống chế ô nhiễm tại nguồn. Thường xuyên giám sát nồng độ các chất ô nhiễm tại các điểm xả thải và các nhà máy có khả năng gây ô nhiễm nặng, hạn chế tối đa phát tán ra môi trường không khí xung quanh, ngoài ra KCN cũng trồng rất nhiều cây xanh dọc theo trục các tuyến đường nội bộ và cây xanh vành đai để hấp thụ không khí, cải thiện môi trường và giảm thiểu ô nhiễm, giúp môi trường KCN Tân Phú Trung ngày càng xanh, sạch, đẹp. Đối với khu vực ngoại thành huyện Củ Chi, từ khi KCN được thành lập đến nay đã biến đổi vùng đất không có giá trị kinh tế chuyển sang vùng đất phát triển về lĩnh vực công nghiệp, cải thiện môi trường và giảm thiểu ô nhiễm, giải quyết công ăn việc làm cho người dân địa phương và các tỉnh lân cận, KCN đã đóng góp một phần lợi ích kinh tế cho xã hội đặc biệt cho khu vực ngoại thành TP.HCM./.



VEDAN

It's our pleasure to make food delicious.

Ai cũng là
siêu đầu bếp



2020
Happy New Year

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: +84.251.3825111 Fax: +84.251.3825138

Website: www.vedan.com.vn